

Hisnul Muslim

حصن المسلم

<Tiếng Việt – Vietnamese – فيتنامية>



Tác giả: Sa-e'd bin Aly bin
Wahf Al-Qohtoni



Dịch Thuật: Abu Hisaan Ibnu Ysa

حصن المسلم



اسم المؤلف: سعيد بن علي بن وهف

القحطاني



ترجمة: أبو حسان محمد زين بن عيسى

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah,

Đấng Rất Mực Độ, Đấng Rất Mực Khoan Dung



LỜI MỞ ĐẦU

إِنَّ الْحَمْدَ لِلَّهِ نَحْمَدُهُ وَنَسْتَعِينُهُ وَنَسْتَغْفِرُهُ وَنَعُوذُ بِاللَّهِ مِنْ
شُرُورِ أَنْفُسِنَا وَمِنْ سَيِّئَاتِ أَعْمَالِنَا، مَنْ يَهْدِهِ اللَّهُ فَلَا مُضِلَّ لَهُ، وَمَنْ
يُضِلِّ فَلَا هَادِيَ لَهُ، وَأَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ
وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا اتَّقُوا اللَّهَ حَقَّ تُقَاتِهِ وَلَا تَمُوتُنَّ إِلَّا وَأَنتُمْ

مُسْلِمُونَ ﴿١٠٢﴾﴾ آل عمران: 102

﴿يَا أَيُّهَا النَّاسُ اتَّقُوا رَبَّكُمُ الَّذِي خَلَقَكُمْ مِنْ نَفْسٍ وَاحِدَةٍ
وَخَلَقَ مِنْهَا زَوْجَهَا وَبَثَّ مِنْهُمَا رِجَالًا كَثِيرًا وَنِسَاءً ۗ وَاتَّقُوا اللَّهَ
الَّذِي تَسَاءَلُونَ بِهِ ۗ وَالْأَرْحَامَ إِنَّ اللَّهَ كَانَ عَلَيْكُمْ رَقِيبًا ﴿١﴾﴾

النساء: 1

﴿يَأْتِيهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا اتَّقُوا اللَّهَ وَقُولُوا قَوْلًا سَدِيدًا ﴿٧١﴾ يُصْلِحْ لَكُمْ أَعْمَالَكُمْ وَيَغْفِرْ لَكُمْ ذُنُوبَكُمْ وَمَنْ يُطِيعِ اللَّهَ وَرَسُولَهُ

فَقَدْ فَازَ فَوْزًا عَظِيمًا ﴿٧٢﴾﴾ الأحزاب: 70 - 71

أَمَّا بَعْدُ إِنَّ أصدقَ الْحَدِيثِ كِتَابُ اللَّهِ وَخَيْرَ الْهَدْيِ هَدْيُ مُحَمَّدٍ صلى الله عليه وسلم وَشَرُّ الْأُمُورِ مُحَدَّثَاتُهَا وَكُلَّ مُحَدَّثَةٍ بِدْعَةٌ وَكُلَّ بِدْعَةٍ ضَلَالَةٌ وَكُلَّ ضَلَالَةٍ فِي النَّارِ، ثُمَّ أَمَّا بَعْدُ:

Alhamdulillah, mọi lời ca ngợi và tụng niệm đều kính dâng Allah, bầy tôi xin tạ ơn Ngài, thành tâm cầu xin Ngài giúp đỡ và tha thứ. Khẩn cầu Allah che chở tránh khỏi mọi điều xấu xuất phát từ bản thân và trong mọi việc làm của bầy tôi. Chắc rằng ai đã được Ngài dẫn dắt sẽ không bao giờ làm lạc và ai đã bị Ngài bỏ mặc sẽ không tìm được đâu là chân lý. Bề tôi tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Đáng duy nhất không có cộng tác hay đối tác cùng Ngài và xin chúng nhận Muhammad là nô lệ, là Thiên Sứ, là Rasul của Ngài

﴿Hỡi những người có đức tin! Hãy thật sự kính sợ Allah và đừng bao giờ chết ngoại trừ các người là người Muslim.﴾ Ali Imraan: 102 (chương 3).

﴿Hỡi nhân loại! Hãy kính sợ Thượng Đế của các người, Đáng đã tạo hóa ra các người từ một người (là Adam) và từ (Adam) Ngài đã tạo ra người vợ (là Hawwa). Rồi từ (Adam và Hawwa) Ngài đã trải ra khắp thiên hạ rất nhiều đàn ông và đàn bà, vì vậy hãy

kính sợ Allah và chớ đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc. Quả thực, Allah là Đấng giám sát mọi (lời nói và hành động) của các người. ﴿Al-Nisa: 1 (chương 4).

﴿Hỡi những người có đức tin! Hãy kính sợ Allah và hãy nói năng cho thật đúng đắn. (Khi làm thế) Ngài sẽ cải thiện mọi hành động của các người và tha thứ cho các người tội lỗi đã phạm. Và ai tuân lệnh Allah và Thiên Sứ (Muhammad) của Ngài thì y đã chiến thắng, một chiến thắng vinh quang.﴾ Al-Ahzaab: 70 – 71 (chương 33).

Amma Ba'd: Thực sự, lời nói chân lý chính là lời phán trong Kinh Sách của Allah và chỉ đạo tốt nhất chính là chỉ đạo của Muhammad صلی الله علیه وسلم. Còn điều tồi tệ nhất chính là việc cải biên, cải cách trong tôn giáo, tất cả mọi cải biên, cải cách đó bị xem là Bid-a'h, tất cả điều Bid-a'h là con đường lạc lối tối tăm và tất cả các con đường làm lạc tối tăm sẽ bị sa vào hỏa ngục, Wa Ba'd:

Lời tụng niệm và cầu xin Allah, Đấng Chủ Tể của nhân loại, Đấng đáng được ca tụng là lẽ sống và là thức ăn sinh tồn của con tim người Muslim. Khi người Muslim thường xuyên tụng niệm về Ngài thì Ngài sẽ cho họ thụ hưởng một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc, an nhàn và sẽ được Allah thương yêu, khen thưởng . . . Ngược lại, sống mà không tụng niệm Allah, chẳng khác chi là một thể xác không hồn như Nabi Muhammad صلی الله علیه وسلم đã nói:

{مَثَلُ الَّذِي يَذْكُرُ رَبَّهُ وَالَّذِي لَا يَذْكُرُ رَبَّهُ مَثَلُ الْحَيِّ وَالْمَيِّتِ}

“Hình ảnh một người tụng niệm Thượng Đế của y còn người kia không tụng niệm, giống như hình ảnh người sống và xác chết.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Người không tụng niệm Allah vốn là bản tính của người tự cao tự đại, nhóm người này chắc chắn bị thua thiệt vào ngày sau như Allah phán:

﴿وَقَالَ رَبُّكُمْ ادْعُونِي أَسْتَجِبْ لَكُمْ إِنَّ الَّذِينَ يَسْتَكْبِرُونَ عَنْ عَنَّا﴾

عِبَادَتِي سَيَدْخُلُونَ جَهَنَّمَ دَاخِرِينَ ﴿٦٠﴾ غافر: 60

﴿**Và Thượng Đế của các người phán rằng: “Hãy cầu xin TA đi sẽ được TA đáp lại cho các người. Quả thật, những kẻ kiêu ngạo xem thường việc thờ phụng TA thì sẽ đi vào hỏa ngục một cách nhục nhã.”**﴾
Ghaafir: 60 (chương 40).

Cũng vì lẽ đó, quyển **“Hisnul Muslim, Lời Tụng Niệm Từ Qur’an & Sunnah”** của soạn giả Sheikh Sa-e’d bin Aly bin Wahf Al-Qahtony được dịch sang Việt ngữ dựa theo lời dịch bằng tiếng Ả-rập của Sheikh Majdy bin Abdul Wahhaab Ahmad. Nhằm giúp cộng đồng Muslim nói tiếng Việt ở Việt Nam cũng như trên thế giới hiểu sâu hơn về ý nghĩa, nội dung của những lời tụng niệm và lời cầu xin được trích từ Thiên Kinh Qur’an và Sunnah Thiên Sứ Muhammad صلى الله عليه وسلم.

Cầu xin Allah Đấng Vĩ Đại Hằng Nghe và Hằng Thấy ban phần thưởng hậu cho tác giả quyển sách cũng như ai đọc và làm theo, cầu xin hãy ban cho bề tôi cùng tất cả anh em Muslim thật thành tâm trong mọi lời nói cũng như mọi hành động; xin hãy hướng dẫn bày tôi

theo đúng đường chính đạo và ban cho bầy tôi là những người luôn tụng niệm, tưởng nhớ Ngài; xin hãy bảo vệ bầy tôi tránh khỏi mọi điều xấu từ bản thân và tránh khỏi mọi kế hoạch, mọi sào huyệt của lũ Shayton và bè lũ của chúng. Amin.

Cuối cùng cầu xin bằng an và phúc lành cho Nabi Muhammad và dòng dõi của Người. Tạ ơn Allah, Đấng Chúa Tể của vũ trụ và muôn loài.

Ngày 08/04/1429 H
(Nhằm ngày 14/04/2008)

Những Vấn Đề Liên Quan Đến Tụng Niệm & Cầu Xin

I- Sự hữu ích của lời tụng niệm.

- 1) Lời tụng niệm làm cho Allah hài lòng.
- 2) Lời tụng niệm trục xuất và tiêu diệt Shayton.
- 3) Lời tụng niệm xua tan niềm lo, nỗi buồn và làm cho tinh thần vui vẻ và sản khoái.
- 4) Lời tụng niệm là hào quang của gương mặt, là ánh sáng, là sức mạnh của con tim và cơ thể.
- 5) Lời tụng niệm mang lại bông lộc.
- 6) Lời tụng niệm là kế thừa linh hồn Islam, là trọng tâm của tôn giáo, là niềm hạnh phúc, là sự chiến thắng.
- 7) Lời tụng niệm làm cho con người trở nên điềm đạm, nhã nhặn, nhân từ, đức độ và được nâng lên cấp bậc Ihsan tức tôn thờ Allah như thể thấy Ngài. Trong khi người lơ là không được như vậy.
- 8) Lời tụng niệm là sự hướng dẫn trở về với Thượng Đế, làm cho được gần Allah hơn còn sự lơ là làm cho ngày càng xa Thượng Đế. Allah phán trong Hadith Qursy:

{أَنَا مَعَ عَبْدِي مَا ذَكَرَنِي وَتَحَرَّكَتْ بِي شَفَاتَاهُ}

{TA kề cận bề tôi của TA khi y tưởng nhớ TA và luôn miệng tụng niệm TA.} Hadith do Ahmad ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

- 9) Lời tụng niệm làm cho sự nhận thức thêm sáng suốt, tụng niệm càng nhiều thì sự nhận thức càng sáng suốt.
- 10) Lời tụng niệm làm cho con tim biết kính sợ Allah và tôn sùng Ngài hơn. Ngược lại, kẻ lơ là sẽ không biết sợ vì con tim y đã bị chai cứng.

11) Người tụng niệm được Allah nhớ đến y, Ngài phán:

﴿فَاذْكُرُونِي أَذْكَرْكُمُ﴾ البقرة: 152

﴿**Các người hãy tụng niệm TA, TA sẽ nhớ đến các người.**﴾ Al-Baqarah: 152 (chương 2).

12) Lời tụng niệm là sự sống của con tim như Sheikh Al-Islam Ibnu Taimiyah nói: “*Lời tụng niệm là nhịp đập con tim, giống nước là môi trường sống của cá, cá sẽ ra sao nếu không có nước !!!*”

13) Lời tụng niệm làm cho con tim thêm bóng loáng.

14) Lời tụng niệm xóa đi mọi tội lỗi, xóa đi sự ly gián giữa bầy tôi và Thượng Đế.

15) Khi bầy tôi tụng niệm Allah trong lúc thịnh vượng sẽ được Ngài nhớ đến y khi gặp khó khăn.

16) Lời tụng niệm là sự bảo vệ tránh khỏi hỏa ngục.

17) Người tụng niệm được ban cho sự điềm tĩnh, được bao bọc bởi ơn huệ của Allah và được các Thiên Thần vây quanh như Nabi صلی اللہ علیہ وسلم đã nói:

{لَا يَقَعُدُ قَوْمٌ يَذْكُرُونَ اللَّهَ عِندَكَ إِلَّا حَفَّتْهُمُ الْمَلَائِكَةُ وَعَشِيَتْهُمُ الرَّحْمَةُ وَنَزَلَتْ عَلَيْهِمُ السَّكِينَةُ وَذَكَرَهُمُ اللَّهُ فِيمَنْ عِنْدَهُ}

“**Bất cứ nhóm nào ngời tụng niệm Allah đều được các Thiên Thần vây quanh, được bao trùm bởi ân huệ và được ban cho sự điềm tĩnh đồng thời được Allah khoe với các vị (Thiên Thần) xung quanh Ngài.**”
Hadith do Muslim ghi.

18) Thường xuyên tụng niệm Allah chính là sự bảo vệ đầu môi chót lưỡi tránh khỏi sự đả tấu, nói xấu người khác, nói ba hoa, nói dối, nói tục .v.v. Ngược lại, khi quên lời tụng niệm dẫn đến quên Thượng Đế và quên cả bản thân và những điều ích lợi khác, Allah phán:

﴿وَلَا تَكُونُوا كَالَّذِينَ نَسُوا اللَّهَ فَأَنْسَاهُمْ أَنْفُسَهُمْ أُولَٰئِكَ هُمُ

الْفٰسِقُونَ ﴿١٩﴾ الحشر: 19

﴿Và các người chớ trở thành những kẻ quên lãng đi sự tụng niệm Allah, những kẻ quên lãng Allah chúng đã bị Ngài làm cho quên lãng chính bản thân mình. Chúng quả là đám người hư đốn chuyên làm điều sai.﴾ Al-Hashr: 19 (chương 59).

19) Ngồi tụng niệm tức được ngồi cùng các Thiên Thần, còn ngồi nói chuyện ba hoa là ngồi cùng Shayton.

20) Lời tụng niệm làm cho ngày sau được an lòng, còn sự ngồi tán gẫu làm cho ngày sau bị bất an.

21) Khi tụng niệm ở nơi vắng vẻ và khiếp sợ hành phạt của Allah đến rơi lệ sẽ được Ngài che mát dưới ngai vương vào ngày phán xử còn người lơ là sẽ bị thiêu đốt dưới ánh nắng mặt trời.

22) Allah thưởng cho người tụng niệm trọng hậu hơn người cầu xin.

23) Lời tụng niệm là sự tôn thờ tốt nhất và rất dễ thực hiện dù ở nơi nào hay trong hoàn cảnh nào.

24) Lời tụng niệm là sự gieo trồng trong thiên đàng như Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{مَنْ قَالَ سُبْحَانَ اللَّهِ الْعَظِيمِ وَبِحَمْدِهِ غُرِسَتْ لَهُ نَخْلَةٌ فِي الْجَنَّةِ}

“Ai nói “Sub haa nol lo hil a’ z.i.m, wa bi ham dih”⁽¹⁾ thì y được trồng cho một cây chà là ở thiên đàng.”
Hadith do Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi.

25) Bông lộc và sự ưu đãi được sắp xếp bởi lời tụng niệm trong khi các việc làm khác thì không.

26) Lời tụng niệm đem lại ánh sáng cho y ở trần gian, ở trong mộ và cả ngày sau. Chẳng những thế lời tụng niệm còn theo soi sáng cho y khi qua cầu định mệnh vào ngày xét xử. Vì lẽ đó, Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم đã cầu xin Allah ban cho Người ánh sáng ở mọi phía: từ phía trước, phía sau, bên trên, bên dưới, bên phải, bên trái, trong mắt, trong tai, trong miệng, trong tóc, trong thịt, trong xương, trong máu thậm chí cầu xin biến Người thành ánh sáng, và được bao quanh bởi ánh sáng từ trong ra ngoài. Đặt biệt chính tôn giáo Islam, Kinh Sách và Thiên Sứ của Allah là ánh sáng. Bên cạnh đó Ánh Sáng còn là một trong những đại danh của Ngài và Allah là ánh sáng của các tầng trời và đất.

27) Lời tụng niệm là gốc của mọi điều, là con đường ngay chính dẫn đến Allah. Vì vậy, hãy tẩy rửa sạch sẽ để đến với Ngài rồi sẽ tìm thấy ở nơi Ngài tất cả những gì ao ước. Ai bỏ lỡ cơ hội thì đã bỏ lỡ tất cả.

28) Lời tụng niệm là sự kết hợp và tách rời, là sự kéo lại gần và đẩy xa. Tách rời sự buồn bã, lo âu, đau khổ ra khỏi con người, kể cả Shayton đáng bị nguyên rủa và bè lũ của hắn. Kéo con người gần ngày sau hơn và

⁽¹⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, Đáng vĩ đại và bằng lời ca ngợi Ngài mà tụng niệm tán dương.}

xem trọng nó trong con tim, đẩy xa trần gian ra khỏi tầm mắt và xem nó rất nhẹ.

29) Lời tụng niệm làm cho con người gan dạ hơn khi Jihaad.

30) Người mà được Allah biệt đãi nhất trong nhóm người có đức tin là người luôn miệng tụng niệm. Vì lẽ đó y được ban cho thiên đàng và được bảo vệ khỏi hỏa ngục.

31) Trong con tim luôn có tính tàn nhẫn và không thể xua đuổi được tính tàn nhẫn trừ phi tụng niệm Allah. Có người đàn ông tâm sự với ông Al-Hasan Al-Bosri رضي الله عنه: “*Hỡi Aba Sa-e’d, con tim tôi rất tàn nhẫn.*” Ông đáp: “*Anh hãy tiêu diệt nó bằng lời tụng niệm.*”

32) Người tụng niệm được Allah khen ngợi và được các vị Thiên Thần cầu xin cho sự tha thứ. Ai được Allah khen ngợi và các vị Thiên Thần cầu xin cho sự tha thứ là người chiến thắng, Allah phán:

﴿يَتَأْتِيهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا أَذْكُرُوا اللَّهَ ذِكْرًا كَثِيرًا ﴿٤١﴾ وَسَبِّحُوهُ بُكْرَةً وَأَصِيلًا ﴿٤٢﴾ هُوَ الَّذِي يُصَلِّي عَلَيْكُمْ وَمَلَائِكَتُهُ لِيُخْرِجَكُم مِّنَ الظُّلُمَاتِ إِلَى النُّورِ وَكَانَ بِالْمُؤْمِنِينَ رَحِيمًا ﴿٤٣﴾﴾ الأَحْزَابُ: 41 - 42

﴿Này hỡi những người có đức tin, hãy tụng niệm Allah cho thật nhiều * Và hãy tán dương Ngài vào mỗi sáng và mỗi chiều * Ngài là Đấng luôn khen ngợi các người và các Thiên Thần của Ngài cầu xin cho các người sự tha thứ.﴾ Al-Ahzaab: 41 - 43 (chương 33).

33) Người tụng niệm được Allah khoe với các Thiên Thần như có Hadith do Mua'wiyah رضي الله عنه kể: Có lần khi Rasul صلى الله عليه وسلم đến gặp nhóm bạn đang ngồi thì Người hỏi: **“Việc gì làm cho các bạn ngồi đây?”** Họ đáp: *“Bây tôi ngồi đây tụng niệm Allah, tạ ơn Ngài đã hướng dẫn bày tôi vào Islam và biệt đãi bày tôi ở gần Người.”* Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói tiếp: **“Ta thề bởi Allah chứng giám, các bạn không ngồi đây ngoại trừ việc đó sao?”** Họ đáp: *“Bây tôi thề bởi Allah chứng giám, bày tôi ngồi đây chỉ vì việc đó.”* Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{أَمَا إِنِّي لَمْ أَسْخَلِفِكُمْ تُهْمَةً لَكُمْ وَلَكِنَّهُ أَتَانِي جِبْرِيلُ العلين
فَأَخْبَرَنِي أَنَّ اللَّهَ يُبَاهِي بِكُمْ الْمَلَائِكَةَ}

“Không phải Ta bảo các bạn thề vì Ta nghi ngờ hay vu oan cho các bạn nói dối nhưng Đại Thiên Thần Jibril báo cho Ta biết Allah đang khoe các bạn với các Thiên Thần.” Hadith do Muslim ghi.

Đây là lời khoe của Đấng Chúa Tể vũ trụ, điều đó chứng tỏ lời tụng niệm rất cao quý và rất được Allah yêu thích mà những việc làm khác không có được.

34) Người tốt nhất trong thiên hạ là người tụng niệm Allah nhiều nhất. Người nhịn chay tốt nhất là người tụng niệm nhiều nhất, người làm Hajj tốt nhất là người tụng niệm nhiều nhất và tương tự thế trong mọi việc làm.

35) Thường xuyên tụng niệm thay thế được những việc làm Sunnah khác dù việc làm đó bằng thể xác hoặc bằng của cải hoặc bằng của cải và thể xác như hành hương Hajj lần hai. Ông Abu Hurairah رضي الله عنه kể: Những

người nghèo Muhajirin⁽²⁾ đến gặp Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم họ nói: Thừa Thiên Sứ của Allah, những người giàu họ sống sung sướng và hưởng thụ. Họ dâng lễ Salah, nhịn chay như bầy tôi nhưng họ lại có tiền đi hành hương Hajj, làm U' mrah và Jihaad. Rasul صلی اللہ علیہ وسلم đáp:

{أَلَا أَعَلَّمَكُم شَيْئًا تَذَرِكُونَ بِهِ مَنْ سَبَقَكُمْ، وَتَسْبِقُونَ بِهِ مَنْ بَعْدَكُمْ، وَلَا يَكُونُ أَحَدٌ أَفْضَلَ مِنْكُمْ إِلَّا مَنْ صَنَعَ مِثْلَ مَا صَنَعْتُمْ؟}

“Các bạn có muốn Ta dạy cho một điều nếu như làm sẽ đuổi kịp những ai trước các bạn và bỏ xa thế hệ sau các bạn. Đồng thời không ai vượt qua các bạn được trừ khi ai đó làm như các bạn vậy?” Họ đáp: “Muốn, bầy tôi muốn thừa Thiên Sứ.” Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{تَسْبِحُونَ وَتُكَبِّرُونَ وَتُحَمِّدُونَ دُبْرَ كُلِّ صَلَاةٍ ثَلَاثًا وَثَلَاثِينَ مَرَّةً}

“Hãy nói “Sub haa nol loh, Allahu Akbar, Al ham du lil lah” ba mươi ba lần sau mỗi lần Salah (bắt buộc)” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

36) Lời tụng niệm làm việc khó thành dễ và làm giảm đi sự rắc rối.

37) Lời tụng niệm là nguồn sức mạnh của cơ thể. Khi bà Fatimah con Nabi صلی اللہ علیہ وسلم xin Cha một người giúp việc Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم bảo:

(2) Mu-ha-ji-rin: là những người di cư từ Makkah đến Madinah.

{ إِذَا أَخَذْتُمْ مَضَاجِعَكُمْ أَوْ أَوَيْتُمْ إِلَى فِرَاشِكُمْ فَسَبِّحَا ثَلَاثًا
وَتَلَاثِينَ، وَاحْمَدَا ثَلَاثًا وَتَلَاثِينَ، وَكَبِّرَا أَرْبَعًا وَتَلَاثِينَ فَهُوَ خَيْرٌ لَكُمْ
مِنْ خَادِمٍ }

“Khi hai con lên giường ngủ hãy nói “Sub haa nol loh” ba mươi ba lần, “Al ham du lil lah” ba mươi ba lần và “Allahu Akbar” ba mươi bốn lần. Quả thực, việc đó tốt hơn là có được người giúp việc.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

38) Khi tụng niệm nhiều tránh được mầm bệnh Nifaaq (tức đạo đức giả) vì kẻ Munaafiq rất ít tụng niệm Allah. Allah phán:

﴿إِنَّ الْمُنَافِقِينَ يُخَدِعُونَ اللَّهَ وَهُوَ خَدِيعُهُمْ وَإِذَا قَامُوا إِلَى الصَّلَاةِ
قَامُوا كَسَالَى يُرَاءُونَ النَّاسَ وَلَا يَذْكُرُونَ اللَّهَ إِلَّا قَلِيلًا﴾ النساء: 164

142

﴿Quả thật những tên Munaafiq tìm cách lừa dối Allah nhưng chính Ngài đã đánh lừa mình (rơi vào cạm bẫy của chúng). Mỗi khi chúng đứng dậy để dâng lễ Salah đều với bộ dạng uể oải, chúng chỉ muốn phô trương cho thiên hạ thấy và chúng chỉ tưởng nhớ đến Allah rất ít.﴾ Al-Nisa: 142 (Chương 4).

(Trích từ quyển Al-Wabil Al-Saiyib của Sheikh Ibnu Qaiyim.)

II- Cung cách tụng niệm và cầu xin.

Theo Islam, sự tụng niệm và cầu xin Allah có rất nhiều cung cách, nếu ai áp dụng đúng theo những cung cách này và thành tâm với Ngài ắt được Ngài chấp nhận và đáp lại, còn những ai ngụy tạo và giả dối hoặc không thành tâm với Ngài sẽ không được chấp nhận và đáp lại lời tụng niệm và cầu xin đó, sau đây là những bằng chứng từ Qur'an và Hadith.

1- Qua các sách sử học ghi thì các vị Thiên Sứ và những người đức hạnh khi muốn cầu xin việc gì từ Allah thì họ bắt đầu bằng những lời ca tụng, tán dương về Rabb, (Thượng Đế của nhân loại), rồi sau đó mới cầu xin đến Rabb của họ.

Như: Nabi Ibrahim عليه السلام trước khi cầu xin Allah điều gì Người bắt đầu bằng lời ca ngợi như được nhắc đến trong Qur'an:

﴿الَّذِي خَلَقَنِي فَهُوَ يَهْدِينِ ﴿٧٨﴾ وَالَّذِي هُوَ يُطْعِمُنِي وَيَسْقِينِ ﴿٧٩﴾ وَإِذَا مَرِضْتُ فَهُوَ يَشْفِينِ ﴿٨٠﴾ وَالَّذِي يُمِيتُنِي ثُمَّ يُحْيِينِ ﴿٨١﴾ وَالَّذِي أَطْمَعُ أَنْ يَغْفِرَ لِي خَطِيئَتِي يَوْمَ الدِّينِ ﴿٨٢﴾﴾ الشعراء: 78 - 82

﴿(Allah) là Đấng đã tạo ra tôi rồi Ngài hướng dẫn tôi
* Ngài là Đấng ban cho tôi thức ăn và thức uống *
Ngài là Đấng ban cho tôi mạnh khỏe mỗi khi tôi bệnh
* Ngài là Đấng làm cho tôi chết rồi sau đó phục sinh tôi lại *
Ngài là Đấng mà tôi hy vọng, ao ước được tha thứ mọi tội lỗi đã phạm ở ngày xét xử.﴾ Al-Shu-a'-ra 78 – 82 (chương 26), xong Người bắt đầu cầu xin:

﴿ رَبِّ هَبْ لِي حُكْمًا وَأَلْحِقْنِي بِالصَّالِحِينَ ﴿٨٧﴾ وَأَجْعَلْ لِي لِسَانَ صِدْقٍ فِي الْآخِرِينَ ﴿٨٨﴾ وَأَجْعَلْنِي مِنْ وَرَثَةِ جَنَّةِ النَّعِيمِ ﴿٨٩﴾ وَأَغْفِرْ لَائِي إِنَّهُوَ كَانَ مِنَ الضَّالِّينَ ﴿٩١﴾ وَلَا تُخْزِنِي يَوْمَ يُبْعَثُونَ ﴿٩٧﴾ ﴾ الشعراء: 83 - 87

﴿Lạy Thượng Đế bệ tôi, xin ban cho bệ tôi kiến thức và ban cho được ở cùng với những người đức hạnh * Và hãy dạy bệ tôi lời ca tụng hay nhất để thế hệ mai sau làm theo * Hãy giữ lời tụng niệm đó còn mãi ở trần gian và hãy ban cho bệ tôi hưởng thụ niềm hạnh phúc của thiên đàng vào ngày sau * Và hãy tha thứ cho cha của bệ tôi, chính ông ấy là người làm lạc. Và đừng guồng bỏ bệ tôi vào ngày xét xử.﴾ Al-Shu-a' -ra 83 – 87 (chương 26).

Qua cung cách đó Allah đáp lại lời cầu khẩn của Nabi Ibrahim عليه السلام ngoại trừ một điều, Allah phán:

﴿ فَقَدْ آتَيْنَا آلَ إِبْرَاهِيمَ الْكِتَابَ وَالْحِكْمَةَ وَعَاتَيْنَاهُمْ مُلْكًا عَظِيمًا ﴿٥٤﴾ ﴾ النساء: 54

﴿Rồi TA đã ban cho dòng dõi của Ibrahim Kinh Sách, sự sáng suốt và ban cho chúng vương quyền vĩ đại.﴾ Al-Nisa: 54 (chương 4), Allah phán ở chương khác:

﴿ وَإِنَّهُ فِي الْآخِرَةِ لَمِنَ الصَّالِحِينَ ﴿١٣٠﴾ ﴾ البقرة: 130

﴿Và quả thực, vào Ngày Sau Ibrahim thuộc nhóm người đức hạnh.﴾ Al-Baqarah: 130 (chương 2), Allah phán ở chương khác:

﴿رَحِمْتُ اللَّهَ وَبَرَكَتُهُ عَلَيْكُمْ أَهْلَ الْبَيْتِ﴾ هود: 73

﴿**Hồng ân và phúc lành của Allah đã ban các người
hồi dòng dõi Ibrahim.**﴾ Hud: 73 (chương).

Allah không chấp nhận lời thỉnh cầu tha thứ cho cha của Nabi Ibrahim عليه السلام, Allah phán:

﴿فَلَمَّا تَبَيَّنَ لَهُ أَنَّهُ عَدُوٌّ لِلَّهِ تَبَرَّأَ مِنْهُ﴾ التوبة: 114

﴿**Nhưng khi phân biệt được chính người cha là kẻ thù
của Allah (tức sau khi chết), lập tức Y đoạt tuyệt
quan hệ với cha mình.**﴾ Al-Tawbah: 114 (chương 9).

Tương tự thế Nabi Musa عليه السلام cũng ca tụng Allah trước khi thỉnh cầu, Allah phán:

﴿أَنْتَ وَلِيُّنَا فَاعْفِرْ لَنَا وَارْحَمْنَا﴾ الأعراف: 155

﴿**Ngài là Đấng Bảo Hộ của bầy tôi, xin hãy tha thứ và
thương xót bầy tôi.**﴾ Al-A'raaf: 155 (chương 7).

Trích từ Hadith sự biện hộ của Nabi صلی اللہ علیہ وسلم:

﴿أَنَّ الْخَلَائِقَ تَسْأَلُ الْأَنْبِيَاءَ - عَلَيْهِمُ السَّلَامُ - الشَّفَاعَةَ إِلَى رَبِّهَا فِي عَرَصَاتِ الْقِيَامَةِ، فَكُلُّ وَاحِدٍ يَذْكُرُ ذَنْبَهُ وَيَقُولُ: اذْهَبُوا إِلَى عَيْرِي، قَالَ: فَأَقُولُ: أَنَا لَهَا فَاسْتَأْذِنِ عَلَيَّ رَبِّي، فَإِذَا رَأَيْتَهُ وَقَعْتَ سَاجِدًا فَيَدْعُنِي مَا يَشَاءُ، ثُمَّ يُقَالُ: ارْفَعْ رَأْسَكَ، وَسَلْ تُعْطَهُ، وَقُلْ تُسْمَعُ، وَأَشْفَعُ تُشْفَعُ، فَيُلْهِمُنِي مُحَمَّدٌ أَحْمَدُهُ بِهَا، فَأَحْمَدُهُ بِتِلْكَ الْمُحَامِدِ﴾

“Vào Ngày xét xử mọi người yêu cầu các vị Nabi biện hộ cho họ trước Allah nhưng bị họ khước từ. Các vị Nabi đều kể ra tội đã phạm làm cho Allah giận, rồi bảo: “*Hãy đi tìm người khác ngoài Ta.*” Cuối cùng Ta lên tiếng (tức Nabi Muhammad صلی اللہ علیہ وسلم): “Ta sẽ biện hộ cho các bạn rồi Ta đến xin phép Thượng Đế Ta. Khi gặp Ngài Ta cúi đầu quỳ lạy ca tụng Ngài, Ngài bỏ mặt Ta đến khi Ngài hài lòng. (Ngài ra lệnh cho Đại Thiên Thần Jibril bảo): **hỡi Muhammad hãy ngẩng đầu lên, hãy thỉnh cầu sẽ được đáp ứng, hãy nói sẽ được đáp lại, hãy biện hộ sẽ được đồng ý, lúc đấy có lời dạy Ta cách ca tụng, tán dương Allah và Ta làm theo lời chỉ dẫn.**” Hadith do Al-Bukhari và Muslim.

Ông Fadolah bin Ubaid رضی اللہ عنہ kể: “*Rasul* صلی اللہ علیہ وسلم nghe người đàn ông cầu xin trong lúc dâng lễ Salah mà không bắt đầu bằng lời ca tụng, tán dương và cũng không cầu xin bình an cho Nabi, Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم bảo: “**Y đã quá vội vàng.**” (sau khi xong lễ Salah) Nabi صلی اللہ علیہ وسلم cho gọi anh ta lại, rồi bảo:

{ إِذَا صَلَّى أَحَدُكُمْ فَلْيَبْدَأْ بِتَمْجِيدِ رَبِّهِ عَلَيْهِ وَالتَّعَانِ عَلَيْهِ ثُمَّ يُصَلِّ عَلَى النَّبِيِّ صلی اللہ علیہ وسلم، ثُمَّ يَدْعُو بَعْدَ بِمَا شَاءَ }

“**Khi các bạn cầu xin hãy bắt đầu bằng lời ca tụng tán dương Allah trước, kế tiếp cầu xin bằng an cho Nabi صلی اللہ علیہ وسلم rồi sau đó cầu xin những gì muốn.**” Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

2- Thành tâm, hy vọng, sợ hãi, khúm núm và hạ mình khiêm tốn trước Allah. Allah phán:

﴿إِنَّهُمْ كَانُوا يُسْرِعُونَ فِي الْخَيْرَاتِ وَيَدْعُونَنَا رِعْبًا وَرَهْبًا وَكَانُوا لَنَا

خَلِيعِينَ ﴿٩٠﴾ الأنبياء: 90

﴿Quả thật, họ là những người hay thi đua nhau làm phúc. Họ thường cầu nguyện TA vừa khao khát vừa kính sợ và họ là những người hạ mình sùng kính TA.﴾ Al-Ambiya: 90 (chương 21).

3- Cố gắng, kiên trì và đừng bao giờ nói: hãy ban cho bề tôi nếu Ngài muốn, Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{لَا يَقُلْ أَحَدُكُمْ: اللَّهُمَّ ارْحَمْنِي إِنْ شِئْتَ لِيَعْزِمَ الْمَسْأَلَةَ فَإِنَّهُ لَا مُكْرَهَ لَهُ}

“Đừng bao giờ nói trong lời cầu xin: cầu xin Allah hãy tha thứ cho bề tôi nếu Ngài muốn, ngược lại hãy cố van xin vì Allah không đổ kị khi ban phát.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói:

{إِذَا دَعَا أَحَدُكُمْ فَلْيَعْزِمِ الْمَسْأَلَةَ، وَلَا يَقُولَنَّ: اللَّهُمَّ إِنْ شِئْتَ فَأَعْطِنِي، فَإِنَّهُ لَا مُسْتَكْرَهَ لَهُ}

“Khi cầu xin các bạn hãy cố van xin trong lời thỉnh cầu và đừng bao giờ nói: Lạy Allah, Hãy ban cho bề tôi nếu Ngài muốn. Quả thực, Allah không đổ kị khi ban phát.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

4- Hy vọng Allah sẽ đáp lại lời cầu xin và không được tuyệt vọng về lòng khoan dung, rộng lượng của Allah cho dù sự đáp lại có bị trễ, phải biết rằng mọi việc đã được an bài sẵn. Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ لَا يَزَالُ يُسْتَجَابُ لِلْعَبْدِ مَا لَمْ يَدْعُ بِإِثْمٍ أَوْ قَطِيعَةٍ رَحِمَ مَا لَمْ يَسْتَعْجِلْ }

“Lời cầu xin của bầy tôi luôn được đáp lại ngoại trừ cầu xin điều tội lỗi hoặc cầu xin đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc và Istéjal.” Có lời hỏi: “Istéjal là gì thưa Thiên Sứ ?” Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم đáp:

{ يَقُولُ قَدْ دَعَوْتُ وَقَدْ دَعَوْتُ فَلَمْ أَرِ يَسْتَجِيبُ لِي فَيَسْتَحْسِرُ عِنْدَ ذَلِكَ، وَيَدْعُ الدُّعَاءَ }

“Là người cầu xin nói: tôi cầu xin hoài mà chẳng thấy gì cả, thế là y hối tiếc về vấn đề đó và chấm dứt lời cầu xin.” Hadith do Muslim ghi.

Cầu xin cho những người có đức tin khác cùng với bản thân. Allah phán:

﴿وَأَسْتَغْفِرُ لِدُنْيِكَ وَلِلْمُؤْمِنِينَ وَالْمُؤْمِنَاتِ﴾ محمد: 19

﴿Và Người hãy cầu xin Allah tha thứ tội lỗi cho Người và cho những người có đức tin nam và nữ.﴾ Muhammad: 19 (chương 47).

6- Bắt đầu bằng lời Tawhid như Nabi Yunus عليه السلام cầu xin, Allah phán:

﴿فَتَادَى فِي الظُّلْمَتِ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ سُبْحَانَكَ إِنِّي كُنْتُ مِنَ

الظَّالِمِينَ ﴿٨٧﴾ الأنبياء: 87

﴿(Yunus ở trong bụng cá voi) thỉnh cầu Allah trong sự u tối: “Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, vinh quang thay Ngài. Quả thực, bẻ tôi là người sai quấy.”﴾ Al-Ambiya: 87 (chương 21).

Allah đáp lại lời cầu xin:

﴿فَأَسْتَجِبْنَا لَهُ وَنَجَّيْنَاهُ مِنَ الْغَمِّ ﴿٨٨﴾ الأنبياء: 88

﴿Bởi thế, TA đáp lại lời cầu xin và cứu Y ra khỏi (bụng cá).﴾ Al-Ambiya: 88 (chương 21).

7- Thì thầm trong lời cầu xin kể cả người bên cạnh cũng không nghe được. Allah phán:

﴿أَدْعُوا رَبَّكُمْ تَضَرُّعًا وَخُفْيَةً ﴿٥٥﴾ الأعراف: 55

﴿Các người hãy cầu xin Thượng Đế các người khúm núm và thì thầm.﴾ Al-A'raaf: 55 (chương 7).

8- Khi tụng niệm hoặc cầu xin phải trang hoàng trong tư thế, nếu ngồi thì nên hướng về Qiblah, khúm núm, khiêm tốn và điềm tĩnh. Nếu không thì ngồi bất cứ tư thế nào cũng được.

9- Cổ nài nỉ khi cầu xin.

10- Đưa hai tay và hướng về Qiblah.

Ông U'mar bin Al-Khattaab رضي الله عنه kể: “Trong trận chiến Badr Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nhìn về kẻ địch với hàng ngàn quân trong khi Sahabah chỉ có ba trăm mười bảy quân.

Nabi صلی الله علیه وسلم hướng về Qiblah và đưa cao hai tay than khóc với Thượng Đế của Người:

{اللَّهُمَّ أَنْجِزْ لِي مَا وَعَدْتَنِي، اللَّهُمَّ آتِ مَا وَعَدْتَنِي، اللَّهُمَّ إِنَّ تُهْلِكَ هَذِهِ الْعِصَابَةَ مِنْ أَهْلِ الْإِسْلَامِ لَا تُعْبَدُ فِي الْأَرْضِ}

“Lạy Allah, xin hãy thực hiện lời giao ước mà Ngài đã hứa với Bè Tôi. Lạy Allah, xin hãy cho bè tôi những gì Ngài đã hứa. Lạy Allah, nếu Ngài hủy diệt hết nhóm người Muslim này sẽ không có ai tôn thờ Ngài trên trái đất nữa.” *Cứ thể Rasul صلی الله علیه وسلم khóc lóc với Thượng Đế đến nỗi rơi cả áo khoác trên vai mà Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم không biết. Lúc đó, Abu Bakar đến cúi lấy áo khoác choàng lại cho Nabi صلی الله علیه وسلم, từ đó ông luôn đứng phía sau Nabi và khuyên: ‘Thưa Nabi của Allah! Nabi than khóc với Thượng Đế thế là đủ rồi, chắc chắn Allah sẽ thi hành lời giao ước đã hứa.’ Khi đó, Allah mặc khải xuống:*

﴿إِذْ تَسْتَعِينُونَ رَبَّكُمْ فَأَسْتَجَابَ لَكُمْ أَنِّي مُّمِدُّكُمْ بِالْفِ مِّنَ الْمَلَائِكَةِ مُرْدِفِينَ ﴿٩﴾﴾ الأنفال: 9

﴿Và (hãy nhớ) khi các người cầu xin Thượng Đế của các người cứu giúp thì Ngài đã đáp lời cầu xin đó mà phán: “TA sẽ ẽm trợ các người một ngàn thiên thần xếp thành hàng ngũ”﴾. Al-Anfaal: 9 (chương 8). *Cứ thể Thiên Thần được Allah cho nói tiếp nhau xuống.*” Hadith do Muslim ghi.

Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

{إِنَّ اللَّهَ حَيٌّ كَرِيمٌ يَسْتَحْيِي إِذَا رَفَعَ الرَّجُلُ إِلَيْهِ يَدَيْهِ أَنْ يَرُدَّهُمَا
صَفْرًا خَائِبَتَيْنِ}

“Quả thực, Allah là Đấng E Thẹn, Đấng Rất Rộng Lượng, Ngài cảm thấy xấu hổ khi ai giơ tay cầu xin Ngài mà Ngài không đáp lại.” Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ahmad ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

11- Nơi cầu xin phải sạch sẽ tránh ồn ào, dơ bẩn, điều đó chứng tỏ sự tôn trọng Allah. Tốt nhất nên cầu xin ở các Masjid và những nơi thiêng liêng. Ông Abu Maysaroh nói: “*Đừng bao giờ tụng niệm Allah ngoại trừ ở những nơi sạch sẽ, tốt đẹp.*”

12- Miệng phải sạch sẽ, nếu không được sạch hãy tẩy sạch bằng Siwaak⁽³⁾ hoặc bằng nước.

13- Lời tụng niệm được khuyến khích làm trong mọi hoàn cảnh trừ trong những trường hợp sau: đang tiểu hay đại tiện, đang quan hệ vợ chồng, đang ngồi nghe Khutbah ngày thứ sáu và đang đứng hành lễ Salah.

III- Những thời điểm lời cầu xin được chấp nhận.

1- Một phần ba cuối cùng của đêm.

Allah phán:

⁽³⁾ Siwaak là loại cây mà Nabi ﷺ rất thích trà răng bằng nó.

﴿قَالُوا يَا أَبَانَا أَسْتَغْفِرُ لَنَا ذُنُوبَنَا إِنَّا كُنَّا خَاطِئِينَ ﴿٧٧﴾ قَالَ سَوْفَ
 أَسْتَغْفِرُ لَكُمْ رَبِّي إِنَّهُ هُوَ الْغَفُورُ الرَّحِيمُ ﴿٧٨﴾﴾ يوسف: 97 - 98

﴿(Các con của Ya'qob) thưa với cha: “Thưa cha chúng con, cha hãy cầu xin (Allah) tha thứ tội lỗi cho chúng con. Quả thực, chúng con là những kẻ sai quấy.” * (Người cha) bảo: “Cha sẽ sớm cầu xin Thượng Đế của cha tha thứ cho các con. Bởi vì, Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Rất Mực Nhân Từ.”﴾ Yusuf: 97 – 98 (chương 12).

Ông Abdullah bin A'bbaas رضي الله عنه nói về thời gian Nabi Yaqob عليه السلام cầu xin Allah tha thứ cho các con của Người: “Nabi Yaqob عليه السلام đã hoãn lại lời cầu xin cho đến gần sáng.” Trích từ Tafseer Ibnu Katheer.

Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói:

{يَنْزِلُ رَبُّنَا كُلَّ لَيْلَةٍ إِلَى السَّمَاءِ الدُّنْيَا حِينَ يَبْقَى ثُلُثُ اللَّيْلِ الْآخِرِ
 يَقُولُ: مَنْ يَدْعُونِي فَأَسْتَجِيبَ لَهُ؟ مَنْ يَسْأَلُنِي فَأُعْطِيَهُ؟ مَنْ
 يَسْتَغْفِرُنِي فَأَغْفِرَ لَهُ؟}

“Thượng Đế của chúng ta hạ giới vào một phần ba cuối cùng của mỗi đêm, khi ấy Ngài hỏi: “Ai cầu xin TA sẽ được TA đáp lại, ai thỉnh cầu TA sẽ được TA chấp thuận và ai cầu xin TA tha thứ sẽ được TA tha thứ.”” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

2- Lúc quỳ lạy.

Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói:

{نُهِيتُ أَنْ أَقْرَأَ الْقُرْآنَ رَاكِعًا، أَوْ سَاجِدًا، فَأَمَّا الرَّكُوعُ فَعَظَّمُوا فِيهِ
الرَّبَّ، وَأَمَّا السُّجُودُ فَاجْتَهِدُوا فِي الدُّعَاءِ، فَقَمِنَ أَنْ يُسْتَجَابَ لَكُمْ}

“Ta bị cấm đọc Qur’an trong lúc Rukua’ và trong lúc quỳ lạy. Lúc Rukua’ các bạn hãy ca tụng tán dương Thượng Đế còn lúc quỳ lạy cố cầu xin thật nhiều. Quả thực, khi đó lời cầu xin xứng đáng được đáp lại.”
Hadith do Muslim ghi.

Và Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{أَقْرَبُ مَا يَكُونُ الْعَبْدُ مِنْ رَبِّهِ وَهُوَ سَاجِدٌ، فَأَكْثِرُوا الدُّعَاءَ}

“Con người sẽ được gần với Thượng Đế mình nhất là lúc y quỳ lạy. Vì thế, hãy cầu xin cho thật nhiều.”
Hadith do Muslim ghi.

3- Có một giờ trong ngày thứ sáu.

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{خَيْرُ يَوْمٍ طَلَعَتْ عَلَيْهِ الشَّمْسُ يَوْمَ الْجُمُعَةِ، فِيهِ خُلِقَ آدَمُ، وَفِيهِ
أُدْخِلَ الْجَنَّةَ، وَفِيهِ تَبِتَ عَلَيْهِ، وَفِيهِ أُهْبِطَ إِلَى الْأَرْضِ، وَفِيهِ تَقُومُ
السَّاعَةُ}

“Ngày tốt nhất khi mặt trời mọc lên đó là ngày thứ sáu, vào ngày đó Nabi Adam عليه السلام được tạo ra, vào ngày đó Người được vào thiên đàng, vào ngày đó Allah chấp nhận lời sám hối của Người, và vào ngày đó Người bị hạ giới cũng vào ngày đó dựng lên Ngày Tận Thế.” Hadith do Muslim ghi.

Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói:

{ فِي يَوْمِ الْجُمُعَةِ سَاعَةٌ لَا يُوَافِقُهَا مُسْلِمٌ وَهُوَ قَائِمٌ يُصَلِّي يَسْأَلُ اللَّهَ خَيْرًا إِلَّا أَعْطَاهُ }

“Vào ngày thứ sáu có một giờ nếu người Muslim nào đứng dâng lễ Salah đúng vào thời khắc đó rồi cầu xin sẽ được Allah chấp nhận.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Đa số Ulama cho rằng thời khắc đó rơi vào những giờ cuối cùng của ngày thứ sáu (tức trước khi mặt trời lặn).

4- Sau những lần Salah bắt buộc.

Ông Abu Umamah رضي الله عنه kể: “Có người hỏi Rasul صلی الله علیه وسلم: “Khi nào lời cầu xin được nghe thấy?” Nabi صلی الله علیه وسلم đáp:

{ جَوْفُ اللَّيْلِ الْآخِرِ وَدُبُرُ الصَّلَوَاتِ مَكْتُوبَاتٍ }

“Vào phần cuối của đêm và sau những lần Salah bắt buộc.” Hadith do Abu Dawood ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

5- Khoảng giữa Azan⁽⁴⁾ và Iqomah⁽⁵⁾.

Rasul صلی الله علیه وسلم nói:

{ لَا يَرُدُّ الدُّعَاءَ بَيْنَ الْأَذَانِ وَالْإِقَامَةِ }

(4) Azan là lời kêu gọi đến hành lễ Salah.

(5) Iqomah là lời kêu gọi đứng dậy dâng lễ Salah.

“Lời cầu xin sẽ không bị khước từ khoảng giữa Azan và Iqomah.” Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

6- Khi chạm trán với kẻ thù.

Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ثِنْتَانِ لَا تُرَدَّانِ أَوْ قَلَّمَا تُرَدَّانِ الدُّعَاءِ عِنْدَ التَّدَائِ وَعِنْدَ الْبَأْسِ حِينَ يُلْحِمُ بَعْضُهُمْ بَعْضًا}

“Hai lời cầu xin sẽ không bị từ chối hoặc hiềm khi bị từ chối: lời cầu xin khi nghe Azan và khi chiến đấu với kẻ thù.” Hadith do Abu Dawood ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

7- Lailatul Qadr (Đêm định mệnh).

Trong đêm đó bầu trời được bao trùm bởi sự bình an, đêm đó lời cầu xin sẽ được đáp lại và mọi việc làm tôn thờ đều được nhân lên tốt hơn một ngàn tháng. Allah phán:

﴿لَيْلَةُ الْقَدْرِ خَيْرٌ مِّنْ أَلْفِ شَهْرٍ﴾ القدر: 3

﴿Đêm định mệnh tốt hơn một ngàn tháng bình thường.﴾ Al-Qadr: 3 (chương 97).

8- Lời cầu xin của vị lãnh tụ liêm chính, người nhịn chay đến khi xả chay và người bị đối xử bất công bằng.

Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ثَلَاثَةٌ لَا تُرَدُّ دَعْوَتُهُمْ: الْإِمَامُ الْعَادِلُ، وَالصَّائِمُ حَتَّى يُفْطِرَ، وَدَعْوَةُ الْمَظْلُومِ، يَرْفَعُهَا اللَّهُ دُونَ الْعَمَامِ يَوْمَ الْقِيَامَةِ، وَتُفْتَحُ لَهَا أَبْوَابُ السَّمَاءِ وَيَقُولُ: بِعِزَّتِي لَا أَنْصُرَنَّكَ وَلَوْ بَعْدَ حِينٍ}

“Có ba loại người mà lời cầu xin của họ không bị khước từ: lời cầu xin của vị lãnh tụ liêm chính, người nhịn chay đến khi xả chay và người bị đối xử bất công. Allah nâng lời cầu xin đó lên vào ngày phục sinh được mây hộ tống và mở sẵn các cửa của bầu trời tiếp đón rồi phán: *“TA thề bởi uy quyền của TA là TA sẽ giúp đỡ người cho dù có trễ.”*” Hadith do Ibn Maajah ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

Nabi صلى الله عليه وسلم căn dặn Muaz bin Jabal رضي الله عنه khi bảo ông ta đi Yamen:

{أَتَقِ دَعْوَةَ الْمَظْلُومِ فَإِنَّهَا لَيْسَ بَيْنَهَا وَبَيْنَ اللَّهِ حِجَابٌ}

“Hãy sợ lời cầu xin của người bị đối xử bất công. Quả thực, giữa lời cầu xin đó với Allah không có vật chắn.” Hadith do Al-Bukhari ghi.

9- Cầu xin cho người anh em Muslim khác.

Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{دَعْوَةُ الْمَرْءِ الْمُسْلِمِ لِأَخِيهِ بظَهْرِ الْغَيْبِ مُسْتَجَابَةٌ، عِنْدَ رَأْسِهِ مَلَكٌ مُوَكَّلٌ كُلَّمَا دَعَا لِأَخِيهِ بِخَيْرٍ: قَالَ الْمَلَكُ الْمُوَكَّلُ بِهِ: آمِينَ وَلَكَ بِمِثْلِ}

“Lời cầu xin của người Muslim cho anh em đồng đạo khác luôn được chấp nhận. Lúc đó, có một vị Thiên

Thần được phái đến đứng trên đầu y, cứ mỗi lần y cầu xin điều tốt cho anh em của mình thì vị Thiên Thần nói: “*Cầu xin Allah hãy chấp nhận và anh được như lời anh cầu xin.*”” Hadith do Muslim ghi.

Qua Hadith trên, chúng ta đừng bao giờ cầu xin điều bất lợi, điều xấu để hại người anh em Muslim, nếu làm thế chẳng khác chi gây ông đập lưng ông.

IV- Lời cầu xin được đáp lại ra sao ?

Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

{ مَا مِنْ مُسْلِمٍ يَدْعُو اللَّهَ بِدَعْوَةٍ لَيْسَ فِيهَا إِثْمٌ وَلَا قَطِيعَةٌ رَحِمَ إِلَّا أَعْطَاهُ اللَّهُ بِهَا إِحْدَى ثَلَاثٍ: إِمَّا أَنْ تُعَجَّلَ لَهُ دَعْوَتُهُ، وَإِمَّا أَنْ يَدَّخِرَهَا لَهُ فِي الْآخِرَةِ، وَإِمَّا أَنْ يَصْرِفَ عَنْهُ مِنَ السُّوءِ مِثْلَهَا }

“Bất cứ người Muslim nào cầu xin Allah và trong lời cầu xin không có điều phạm tội cũng không cầu xin đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc sẽ được đáp lại một trong ba cách: Được đáp lại ngay hoặc Allah để dành ban thưởng vào ngày sau hoặc được thay thế bởi định mệnh xấu tương đương với lời cầu xin.” Sahabah nói: “*Vậy bây tôi sẽ cầu xin thật nhiều.*” Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم tiếp: “**Vậy hãy cầu xin Allah nhiều hơn.**” Hadith do Ahmad ghi.

V- Khi nào lời cầu xin không được đáp lại ?

Rasul صلی الله علیه وسلم nói:

{أَيُّهَا النَّاسُ إِنَّ اللَّهَ طَيِّبٌ لَا يَقْبَلُ إِلَّا طَيِّبًا وَإِنَّ اللَّهَ أَمَرَ الْمُؤْمِنِينَ بِمَا
أَمَرَ بِهِ الْمُرْسَلِينَ فَقَالَ: ﴿يَأَيُّهَا الرُّسُلُ كُلُّوْا مِنَ الطَّيِّبَاتِ وَأَعْمَلُوا
صَالِحًا إِنِّي بِمَا تَعْمَلُونَ عَلِيمٌ﴾ ﴿٥١﴾ المؤمنون: 51

“Hỡi nhân loại! Quả thực, Allah là Đấng Tốt Đẹp, Ngài sẽ không chấp nhận ngoại trừ điều tốt lành và Ngài đã ra lệnh cho những người Mumin giống như Ngài đã hạ lệnh cho các vị Thiên Sứ. Allah phán: ﴿Hỡi các sứ giả! Hãy dùng thức ăn tốt và sạch và làm việc thiện. Quả thật, TA hằng biết điều các ngươi làm.﴾ Al-Muminoon: 51 (chương 23), và Allah phán:

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ آمَنُوا كُلُوا مِن طَيِّبَاتِ مَا رَزَقْنَاكُمْ وَأَشْكُرُوا لِلَّهِ إِن
كُنْتُمْ إِيَّاهُ تَعْبُدُونَ﴾ البقرة: 172

﴿Hỡi những người Mumin, hãy ăn những thức ăn tốt sạch mà TA (Allah) đã cung cấp cho các ngươi; và hãy biết ơn Allah nếu các ngươi chỉ thờ phụng riêng Ngài.﴾ Al-Baqarah: 172 (chương 2). Xong Thiên Sứ

صلی الله
عليه وسلم kê:

{الرَّجُلُ يُطِيلُ السَّفَرَ أَشْعَثَ أَغْبَرَ يَمُدُّ يَدَيْهِ إِلَى السَّمَاءِ: يَا رَبِّ يَا رَبِّ
... وَمَطْعَمُهُ حَرَامٌ، وَمَشْرَبُهُ حَرَامٌ، وَمَلْبَسُهُ حَرَامٌ، وَعُذِي بِالْحَرَامِ،
فَأَنِّي يُسْتَجَابُ لِذَلِكَ}

“Có một người đàn ông trong chuyến đi xa bị đầu tóc bù xù, thân hình dơ bẩn vì mệt, đưa hai tay lên trời cầu xin: “Lạy Thượng Đế, lạy Thượng Đế...” trong

khí đó thức ăn, nước uống, quần áo và tiền cấp dưỡng tất cả có được bằng tiền không sạch sẽ (Haram) thì làm sao được đáp lại lời cầu xin!” Hadith do Muslim ghi.

Imam Al-Nawawi رحمته الله nói: “Người đàn ông trong Hadith là đang trên đường đi làm những việc tốt, việc thiện như hành hương Hajj hoặc kết nối quan hệ dòng tộc hoặc viếng thăm những nơi khuyến khích đi hoặc những điều tương tự.” Trích từ Sharhun Muslim của Imam.

Trong chuyến đi xa là một trong những thời điểm chấp nhận lời cầu xin bên cạnh đó người đàn ông đi làm việc tốt, việc thiện đáng lẽ ra cơ hội sẽ được tăng lên bội phần. Ngược lại, ông ta không được đáp lại bởi trên cơ thể ông ta từ trong ra ngoài có được bởi số tiền không sạch sẽ (Haram). Vì vậy, không được đáp lại lời cầu xin.

VI- Những điều cấm trong lời cầu xin.

1- Cấm hỏi thúc hành phạt ở trần gian.

Ông Anas رضي الله عنه kể: “Có người đàn ông Muslim trở về trong tình trạng yếu ớt như trẻ nhỏ, Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم hỏi:

{هَلْ كُنْتَ تَدْعُو بِنَبِيِّ أَوْ تَسْأَلُهُ إِيَّاهُ؟}

“Anh đã cầu xin Allah điều gì đó liên quan đến sức khỏe anh phải không?” Ông đáp: “Vâng, đúng vậy. Tôi đã cầu xin: Lạy Allah, Những hành phạt nào Ngài đã chuẩn bị phạt bề tôi vào ngày sau thì hãy hành phạt bề tôi ngay ở trần gian này.” Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói:

{سُبْحَانَ اللَّهِ لَا تُطِيقُهُ أَوْ لَا تَسْتَطِيعُهُ! أَفَلَا قُلْتِ اللَّهُمَّ ﴿ رَبَّنَا آتِنَا فِي الدُّنْيَا حَسَنَةً وَفِي الْآخِرَةِ حَسَنَةً وَقِنَا عَذَابَ النَّارِ ﴾ ﴿٢٠١﴾ البقرة: 201

“Vinh quang thay Allah, Anh không có khả năng chịu đựng đau. Tại sao anh không cầu xin: ﴿Lạy Allah, Xin hãy ban cho bầy tôi tất cả mọi điều tốt lành ở trần gian này và ở đời sau. Và xin hãy bảo vệ bầy tôi thoát khỏi hành phạt của hỏa ngục.﴾ Al-Baqarah: 201 (chương 2). Sau đó, Thiên Sứ cầu xin Allah cho anh thế là anh ta được bình phục.” Hadith do Muslim ghi.

2- Cấm vượt quá mức trong cầu xin.

Ông Abdullah bin Mughaffal رضي الله عنه nghe đứa con trai cầu xin: “*Lạy Allah, bẻ tôi thỉnh cầu Ngài ban cho tòa lâu đài màu trắng phía bên tay phải của thiên đàng khi bẻ tôi vào.*” Ông bảo: “*Này con yêu, hãy thỉnh cầu Allah, Đấng ban phát phúc lành ban cho thiên đàng và hãy cầu xin Ngài che chở khỏi hỏa ngục. Quả thực, cha nghe Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói:*

{يَكُونُ قَوْمٌ يَعْتَدُونَ فِي الدُّعَاءِ وَالظُّهُورِ}

“Sẽ có nhóm người vượt quá mức trong lời cầu xin và trong lấy nước Wudu.” Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

Quá mức trong lời cầu xin là cầu xin được phép màu như các vị Thiên Sứ v.v. còn trong lấy nước Wudu là rửa hai tay bốn lần, rửa mặt bốn lần, rửa chân bốn lần. Điều đó là cái mới (Bid-a’h).

3- **Cấm cầu xin điều tội lỗi và đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc.**

Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

{لَا يَزَالُ يُسْتَجَابُ لِلْعَبْدِ مَا لَمْ يَدْعُ بِإِثْمٍ أَوْ قَطِيعَةٍ رَحِمٍ مَا لَمْ يَسْتَعْجِلْ}

“Lời cầu xin của bầy tôi luôn được đáp lại ngoại trừ cầu xin điều tội lỗi hoặc cầu xin đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc và Istéjal.” Có lời hỏi: “Istéjal là gì thưa Thiên Sứ ?” Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم đáp:

{يَقُولُ قَدْ دَعَوْتُ وَقَدْ دَعَوْتُ فَلَمْ أَرِ يَسْتَجِبْ لِي فَيَسْتَحْسِرُ عِنْدَ ذَلِكَ، وَيَدْعُ الدُّعَاءَ}

“Là người cầu xin nói: tôi cầu xin hoài mà chẳng thấy gì cả thế là y hối tiếc về vấn đề đó và chấm dứt lời cầu xin.” Hadith do Muslim ghi.

4- **Cấm cầu xin điều hại bản thân, con cái, đầy tớ và tài sản.**

Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

{لَا تَدْعُوا عَلَى أَنْفُسِكُمْ، وَلَا تَدْعُوا عَلَى أَوْلَادِكُمْ، وَلَا تَدْعُوا عَلَى خَدَمِكُمْ، وَلَا تَدْعُوا عَلَى أَمْوَالِكُمْ، لَا تَوَافِقُوا مِنَ اللَّهِ سَاعَةً نَبِيلٍ فِيهَا عَطَاءٌ فَيَسْتَجِبُ لَكُمْ}

“Cấm các bạn cầu xin điều hại bản thân, con cái, đầy tớ và tài sản của các bạn. Để lời cầu xin không hợp

với thời khắc Allah chấp nhận lời cầu xin rồi đáp lại cho các bạn.” Hadith do Muslim và Abu Dawood ghi.

5- *Cám ao ước để được chết.*

Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ لَا يَتَمَتَّيْنِ أَحَدُكُمْ الْمَوْتَ لِضُرِّ نَزَلَ بِهِ، فَإِنْ كَانَ لَا بُدَّ مُتَمَتِّيًا فَلْيَقُلْ: اللَّهُمَّ أَحْيِنِي مَا كَانَتْ الْحَيَاةَ خَيْرًا لِي وَتَوَفَّنِي إِذَا كَانَتْ الْوَفَاةَ خَيْرًا لِي }

“Đừng nên nghĩ đến cái chết khi các bạn gặp phải tai nạn. Nếu bị bắt buộc phải nghĩ đến thì hãy cầu xin:

{ اللَّهُمَّ أَحْيِنِي مَا كَانَتْ الْحَيَاةَ خَيْرًا لِي، وَتَوَفَّنِي إِذَا كَانَتْ الْوَفَاةَ خَيْرًا لِي }

“Ol lo hum ma ah yi ni maa kaa na til ha yaa tu khoi ron li, wa ta waf fa ni i za kaa na til wa faa tu khoi ron li.”⁽⁶⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

VII- Khuyến khích cầu xin.

Allah phán:

﴿وَقَالَ رَبُّكُمْ ادْعُونِي أَسْتَجِبْ لَكُمْ إِنَّ الَّذِينَ يَسْتَكْبِرُونَ عَنْ عِبَادَتِي سَيَدْخُلُونَ جَهَنَّمَ دَاخِرِينَ ﴿٦٠﴾﴾ غافر: 60

⁽⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban cho bề tôi sức sống nếu cuộc sống tốt hơn (cái chết), ngược lại nếu cái chết thoải mái, nhẹ nhõm hơn thì hãy cho bề tôi được chết.}

﴿Và Thượng Đế của các người phán rằng: “Hãy cầu xin TA đi sẽ được TA đáp lại cho các người. Quả thật, những kẻ kiêu ngạo xem thường việc thờ phụng TA thì sẽ đi vào hỏa ngục một cách nhục nhã.”﴾

Ghaafir: 60 (chương 40), Allah phán ở chương khác:

﴿وَإِذَا سَأَلَكَ عِبَادِي عَنِّي فَإِنِّي قَرِيبٌ أُجِيبُ دَعْوَةَ الدَّاعِ إِذَا دَعَانِ

فَلْيَسْتَجِيبُوا لِي وَلْيُؤْمِنُوا بِي لَعَلَّهُمْ يَرْشُدُونَ ﴿١٨٦﴾ البقرة: 186

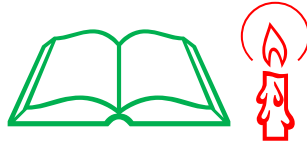
﴿Và khi bày tỏ của TA hỏi Người Muhammad về TA thì hãy bảo chúng rằng TA luôn gần kề. TA sẽ đáp lại lời cầu xin của ai cầu nguyện khi y cầu xin TA. Ngược lại, chúng cũng phải đáp lại lời gọi của TA và hãy tin tưởng nơi Ta để may ra chúng được hướng dẫn đúng đường.﴾ Al-Baqarah: 186 (chương 2), Allah phán ở chương khác:

﴿ادْعُوا رَبَّكُمْ تَضَرُّعًا وَخُفْيَةً إِنَّهُ لَا يُحِبُّ الْمُعْتَدِينَ ﴿٥٥﴾ وَادْعُوهُ

خَوْفًا وَطَمَعًا إِنَّ رَحْمَتَ اللَّهِ قَرِيبٌ مِّنَ الْمُحْسِنِينَ ﴿٥٦﴾ الأعراف:

56 - 55

﴿Các người hãy cầu xin Thượng Đế các người khúm núm và thì thầm. Quả thật, Ngài không yêu thích những kẻ làm điều quá đáng * Và hãy cầu nguyện Ngài với nỗi sợ hãi và niềm hy vọng. Quả thật, lòng thương xót và nhân từ của Allah luôn gần kề với những người làm tốt.﴾ Al-A'raaf: 55 - 56 (chương 7).



Sự Ưu Đãi Của Lời Tụng Niệm

Allah phán:

﴿فَاذْكُرُونِي أَذْكُرْكُمْ وَاشْكُرُوا لِي وَلَا تَكْفُرُونِ﴾ البقرة: 152

﴿Các người hãy tụng niệm TA, TA sẽ nhớ đến các người, các người hãy tri ơn TA nhưng chớ có tự phụ TA.﴾ Al-Baqarah: 152 (chương 2), Allah phán ở chương khác:

﴿يَا أَيُّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا أَذْكُرُوا اللَّهَ ذِكْرًا كَبِيرًا﴾ الأحزاب: 41

﴿Này hỡi những người có đức tin, hãy tụng niệm Allah cho thật nhiều.﴾ Al-Ahzaab: 41 - 43 (chương 33), Allah phán ở chương khác:

﴿وَالذَّاكِرِينَ اللَّهَ كَثِيرًا وَالذَّاكِرَاتِ أَعَدَّ اللَّهُ لَهُم مَّغْفِرَةً وَأَجْرًا عَظِيمًا ﴿٣٥﴾﴾ الأحزاب: 35

﴿Và những người tụng niệm Allah nam và nữ, tất cả họ đã được Allah tha thứ tội và chuẩn bị cho sẵn phần thưởng vĩ đại.﴾ Al-Ahzaab: 35 (chương 33), Allah phán ở chương khác:

﴿وَأذْكُر رَبَّكَ فِي نَفْسِكَ تَضَرُّعًا وَخِيفَةً وَدُونَ الْجَهْرِ مِنَ الْقَوْلِ بِالْغُدُوِّ وَالْآصَالِ وَلَا تَكُن مِنَ الْغَافِلِينَ ﴿٢٠٥﴾﴾ الأعراف: 205

﴿Này (Muhammad) hãy tụng niệm Thượng Đế Ngươi trong thanh tâm bằng sự khiêm nhường sùng kính, âm thầm chớ có phô trương, vào mỗi sáng và mỗi chiều, và Ngươi đừng như những kẻ lơ là trong việc tụng niệm.﴾ Al-A'raaf: 205 (Chương 7).

Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{مَثَلُ الَّذِي يَذْكُرُ رَبَّهُ وَالَّذِي لَا يَذْكُرُ رَبَّهُ مَثَلُ الْحَيِّ وَالْمَيِّتِ}

“Hình ảnh một người tụng niệm Thượng Đế và hình ảnh một người không tụng niệm, giống như hình ảnh một người đang sống và người kia đã chết.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{أَلَا أُنبِّئُكُمْ بِخَيْرِ أَعْمَالِكُمْ وَأَزْكَاهَا عِنْدَ مَلِكِكُمْ وَأَرْفَعِهَا فِي دَرَجَاتِكُمْ وَخَيْرٍ لَكُمْ مِنْ إِنْفَاقِ الذَّهَبِ وَالْوَرِقِ وَخَيْرٍ لَكُمْ مِنْ أَنْ تَلْقَوْا عَدُوَّكُمْ فَتَضْرِبُوا أَعْنَاقَهُمْ وَيَضْرِبُوا أَعْنَاقَكُمْ؟}

“Chẳng lẽ không muốn Ta báo cho các bạn biết một việc làm tốt đẹp nhất khi thực hiện, sạch sẽ nhất đối với Allah, cấp bậc của các bạn sẽ được nâng lên tốt đẹp hơn cả việc bỏ thí bằng vàng và bạc, tốt hơn cả việc Jihaad và hi sinh ?” Họ đáp: “Vâng, bầy tôi muốn.”

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم tiếp: “Tụng niệm Allah, Đấng tối cao.”
Hadith do Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{يَقُولُ اللَّهُ تَعَالَى: أَنَا عِنْدَ ظَنِّ عَبْدِي بِي، وَأَنَا مَعَهُ إِذَا ذَكَرَنِي، فَإِنِ ذَكَرَنِي فِي نَفْسِهِ ذَكَرْتُهُ فِي نَفْسِي، وَإِنِ ذَكَرَنِي فِي مَلَأٍ ذَكَرْتُهُ فِي مَلَأٍ خَيْرٍ مِنْهُمْ، وَإِنِ تَقَرَّبَ إِلَيَّ بِشِرِّ تَقَرَّبْتُ إِلَيْهِ ذِرَاعًا، وَإِنِ تَقَرَّبَ إِلَيَّ ذِرَاعًا تَقَرَّبْتُ إِلَيْهِ بَاعًا، وَإِنِ اتَّانِي يَمْسِي أَتَيْتُهُ هَرَوَلَةً}

“Allah phán: Bầy tôi của TA có nhiều quan niệm về TA, ai quan niệm tốt thì được tốt còn ai quan niệm xấu thì được xấu. TA sẽ ở cùng với người nào tụng niệm TA, khi y tụng niệm TA trong thanh tâm, TA sẽ nhớ y trong thanh tâm. Khi y khoe TA với mọi người, TA sẽ khoe y với các Thiên Thần tốt hơn chúng. Khi y dâng hiến cho TA (việc làm tốt đẹp) khoảng một gang tay TA sẽ đến gần y khoảng một cánh tay, khi y dâng hiến cho TA (việc làm tốt đẹp) khoảng một cánh tay

TA sẽ đến gần y khoảng một gang tay và khi y đi đến TA, TA sẽ chạy đến y.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Ông Abdullah bin Busr رضي الله عنه kể: “*Có người đàn ông thừa với Nabi صلى الله عليه وسلم: “Thừa Thiên Sứ, thật sự, những định luật Islam quá nhiều đối với tôi, vậy hãy dạy tôi một việc để tôi làm thường xuyên hơn.”* Nabi صلى الله عليه وسلم đáp:

{ لَا يَزَالُ لِسَانُكَ رَطْبًا مِنْ ذِكْرِ اللَّهِ }

“Cái lưỡi của anh không ngừng tụng niệm Allah.” Hadith do Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

Rasul صلى الله عليه وسلم nói:

{ مَنْ قَرَأَ حَرْفًا مِنْ كِتَابِ اللَّهِ فَلَهُ بِهِ حَسَنَةٌ وَالحَسَنَةُ بِعَشْرِ أَمْثَالِهَا، لَا أَقُولُ: ﴿آلَ﴾ حَرْفٌ، وَلَكِنْ أَلِفٌ حَرْفٌ، وَلَا مٌ حَرْفٌ، وَمِيمٌ حَرْفٌ }

“Ai đọc một chữ trong Kinh Sách của Allah (tức Qur’an) sẽ được một điều tốt và một điều tốt được nhân lên mười lần. Đừng tưởng ﴿آلَ﴾ là một chữ ngược lại, “Alif” là một chữ, “Làm” là một chữ và “Mim” là một chữ.” Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

Ông U’qbah bin A’mir رضي الله عنه kể: “*Rasul صلى الله عليه وسلم đến thăm bầy tôi ở Al-Soffah⁽⁷⁾ và nói:*

(7) Al-Soffah là tên của trại tị nạn nằm phía sau Masjid Nabi صلى الله عليه وسلم.

{أَيُّكُمْ يُحِبُّ أَنْ يَغْدُوَ كُلَّ يَوْمٍ إِلَى بُطْحَانَ أَوْ إِلَى الْعَقِيقِ فَيَأْتِي مِنْهُ
بِنَاقَتَيْنِ كَوْمَاوَيْنِ فِي غَيْرِ إِثْمٍ وَلَا قَطْعِ رَحِمٍ؟}

“Ai trong các bạn thích vào mỗi sáng đi đến (thung lũng) But-haan hoặc (thung lũng) A’qeeq rồi dắt về hai con lạc đà cái to và mập mà không bị mắc tội cũng như không bị đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc.” Bầy tôi đáp: “*Thura Thiên Sứ, bầy tôi đều thích.*” Người tiếp:

{أَفَلَا يَغْدُو أَحَدُكُمْ إِلَى الْمَسْجِدِ فَيَعْلَمُ أَوْ يَقْرَأُ آيَتَيْنِ مِنْ كِتَابِ اللَّهِ
عَزَّ وَجَلَّ خَيْرٌ لَهُ مِنْ نَاقَتَيْنِ، وَثَلَاثٌ خَيْرٌ لَهُ مِنْ ثَلَاثٍ، وَأَرْبَعٌ خَيْرٌ لَهُ
مِنْ أَرْبَعٍ، وَمِنْ أَعْدَادِهِنَّ مِنَ الْإِبِلِ}

“Vậy sao các bạn không đi đến Masjid vào mỗi sáng rồi đọc hai Ayat từ Qur’an, điều đấy tốt hơn hai con lạc đà cái, đọc ba (Ayat) tốt hơn ba (con lạc đà cái), đọc bốn (Ayat) tốt hơn bốn (con lạc đà cái), và (cứ thể) nhân lên theo số lượng lạc đà.” Hadith do Muslim ghi.

Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{مَنْ قَعَدَ مَقْعَدًا لَمْ يَذْكُرْ اللَّهَ فِيهِ كَانَتْ عَلَيْهِ مِنَ اللَّهِ تِرَةً، وَمَنْ
اضْطَجَعَ مَضْجَعًا لَا يَذْكُرُ اللَّهَ فِيهِ كَانَتْ عَلَيْهِ مِنَ اللَّهِ تِرَةً}

“Ai đã ngồi hoặc nằm mà y không tụng niệm Allah là điều hối tiếc.” Hadith do Abu Dawood ghi.

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ مَا جَلَسَ قَوْمٌ مَجْلِسًا لَمْ يَذْكُرُوا اللَّهَ فِيهِ، وَلَمْ يُصَلُّوا عَلَى نَبِيِّهِمْ إِلَّا
كَانَ عَلَيْهِمْ تِرَةٌ، فَإِنْ شَاءَ عَذَّبَهُمْ وَإِنْ شَاءَ غَفَرَ لَهُمْ }

“Bất cứ nhóm nào khi ngồi không tụng niệm Allah và cũng không cầu xin bằng an cho Nabi của họ là điều hối tiếc. Nếu muốn Allah sẽ trừng phạt họ và nếu muốn Ngài sẽ tha thứ cho họ.” Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ مَا مِنْ قَوْمٍ يَقُومُونَ مِنْ مَجْلِسٍ لَا يَذْكُرُونَ اللَّهَ فِيهِ إِلَّا قَامُوا عَنْ
مِثْلِ حَيْفَةِ حِمَارٍ وَكَانَ لَهُمْ حَسْرَةٌ }

“Bất cứ nhóm nào khi đứng dậy mà không tụng niệm Allah trong suốt thời gian họ ngồi giống như họ đã đứng trên xác thối của con lừa rồi họ sẽ hối hận.” Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi.

 Dưới đây là các lời tụng niệm đúng theo Sunnah của Nabi Muhammad صلی اللہ علیہ وسلم :

1- Lời tụng niệm sau khi thức dậy.

1-

{ الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي أَحْيَانَا بَعْدَ مَا أَمَاتَنَا وَإِلَيْهِ النُّشُورُ }

“Al ham du lil la hil la zi ah yaa naa ba’ da maa a maa ta naa, wa i lai hin nu shur”⁽⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

2-

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. سُبْحَانَ اللَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، وَلَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَاللَّهُ أَكْبَرُ، وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ الْعَلِيِّ الْعَظِيمِ، رَبِّ اغْفِرْ لِي }

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du wa hu wa a’ la kul li shai in qo deer. Sub haa nol loh, wal ham du lil lah, wa laa i laa ha il lol loh, wol lo hu ak bar, wa la haw la wa la qu wa ta il la bil la hil a’ li yil a’ zim. Rab bigh fir li.”⁽⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

3-

⁽⁸⁾ Ý nghĩa: {Mọi lợi ca ngợi tán dương đều kính dâng Allah, Ngài đã phục sinh bày tôi lại sau khi đã làm bày tôi chết, và rồi bày tôi sẽ trở về trình diện Ngài}

⁽⁹⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Allah, Đấng duy nhất không có đối tác với Ngài, mọi vương quyền, mọi lời ca ngợi thuộc về Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả. Xin tạ ơn Allah, vinh quang thay Allah, không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Allah, Allah vĩ đại nhất và không có sự chuyển động và quyền lực nào phát huy được trừ phi Allah Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại muốn. Lạy Allah, xin hãy tha thứ cho bề tôi.}

{الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي عَافَانِي فِي جَسَدِي، وَرَدَّ عَلَيَّ رُوحِي، وَأَذِنَ لِي بِذِكْرِهِ}

“Al ham du lil la hil la zi a’ a faa ni fi ja sadi, wa rad da a’ lai ya ru hi, wa a zi na li bi zik rih.”⁽¹⁰⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

4-

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ra jim”⁽¹¹⁾

﴿إِنَّ فِي خَلْقِ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَأَخْتِلَافِ اللَّيْلِ وَالنَّهَارِ لَآيَاتٍ لِأُولِي الْأَلْبَابِ ﴿١٠١﴾ الَّذِينَ يَذْكُرُونَ اللَّهَ قِيَمًا وَقُعُودًا وَعَلَىٰ جُنُوبِهِمْ وَيَتَفَكَّرُونَ فِي خَلْقِ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ رَبَّنَا مَا خَلَقْتَ هَذَا بَطِيلًا سُبْحَانَكَ فَقِنَا عَذَابَ النَّارِ ﴿١٠٢﴾ رَبَّنَا إِنَّكَ مَن تُدْخِلِ النَّارَ فَقَدْ أَخْرَجْتَهُ وَمَا لِلظَّالِمِينَ مِن أَنصَارٍ ﴿١٠٣﴾ رَبَّنَا إِنَّا سَمِعْنَا مُنَادِيًا يُنَادِي لِلإِيمَنِ أَنْ ءَامِنُوا بِرَبِّكُمْ فَآمَنَّا رَبَّنَا فَاغْفِرْ لَنَا ذُنُوبَنَا وَكَفِّرْ عَنَّا سَيِّئَاتِنَا وَتَوَقَّنَا مَعَ الْأَبْرَارِ ﴿١٠٤﴾ رَبَّنَا وَعَايِنَا مَا وَعَدْتَنَا عَلَىٰ رُسُلِكَ وَلَا

⁽¹⁰⁾ Ý nghĩa: {Mọi loại ca ngợi, tán dương đều kính dâng Allah Đấng đã ban sự lành mạnh cho cơ thể bề tôi, Đấng đã trả linh hồn lại cho bề tôi và ban cho bề tôi sự dễ dàng khi ca tụng Ngài. }

⁽¹¹⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin Allah che chở tránh khỏi lũ Shayton đáng bị nguyền rủa. }

نُخْرِزْنَا يَوْمَ الْقِيَمَةِ إِنَّكَ لَا تُخْلِفُ الْمِيعَادَ ﴿١٧٤﴾ فَاسْتَجَابَ لَهُمْ رَبُّهُمْ أَنِّي
 لَا أُضِيعُ عَمَلَ عَمَلٍ مِّنْكُمْ مِّنْ ذَكَرٍ أَوْ أُنثَىٰ بَعْضُكُمْ مِّنْ بَعْضٍ
 فَالَّذِينَ هَاجَرُوا وَأُخْرِجُوا مِنْ دِيَارِهِمْ وَأُودُوا فِي سَبِيلِي وَقَتَلُوا وَقُتِلُوا
 لَأُكَفِّرَنَّ عَنْهُمْ سَيِّئَاتِهِمْ وَلَأُدْخِلَنَّهُمْ جَنَّاتٍ تَجْرِي مِنْ تَحْتِهَا الْأَنْهَارُ
 ثَوَابًا مِّنْ عِنْدِ اللَّهِ وَاللَّهُ عِنْدَهُ حُسْنُ الثَّوَابِ ﴿١٧٥﴾ لَا يَغْرَنَّاكَ تَقَلُّبُ
 الَّذِينَ كَفَرُوا فِي الْبِلَادِ ﴿١٧٦﴾ مَتَّعٌ قَلِيلٌ ثُمَّ مَأْوَاهُمْ جَهَنَّمُ وَبِئْسَ
 الْمِهَادُ ﴿١٧٧﴾ لَكِنَّ الَّذِينَ اتَّقَوْا رَبَّهُمْ لَهُمْ جَنَّاتٌ تَجْرِي مِنْ تَحْتِهَا الْأَنْهَارُ
 خَالِدِينَ فِيهَا نُزُلًا مِّنْ عِنْدِ اللَّهِ وَمَا عِنْدَ اللَّهِ خَيْرٌ لِلْأَبْرَارِ ﴿١٧٨﴾ وَإِنَّ
 مِنْ أَهْلِ الْكِتَابِ لَمَنْ يُؤْمِنُ بِاللَّهِ وَمَا أُنزِلَ إِلَيْكُمْ وَمَا أُنزِلَ إِلَيْهِمْ
 خَشَعِينَ لِلَّهِ لَا يَشْتَرُونَ بِآيَاتِ اللَّهِ ثَمَنًا قَلِيلًا أُولَٰئِكَ لَهُمْ أَجْرُهُمْ
 عِنْدَ رَبِّهِمْ إِنَّ اللَّهَ سَرِيعُ الْحِسَابِ ﴿١٧٩﴾ يَتَأَيَّهَا الَّذِينَ ءَامَنُوا أَصْبِرُوا
 وَصَابِرُوا وَرَابِطُوا وَاتَّقُوا اللَّهَ لَعَلَّكُمْ تُفْلِحُونَ ﴿١٨٠﴾ آل عمران: 190 -

(12) 200

(12) Ý nghĩa: Quả thực, trong việc tạo hóa các tầng trời, trái đất và trong việc luân chuyển của ban đêm và ban ngày là những dấu hiệu cho những người hiểu biết * Họ là những người tưởng nhớ Allah (trong mọi hoàn cảnh) lúc đứng, lúc ngồi cũng như lúc nằm nghiêng một bên và nghiên ngấm (về sự màu nhiệm) trong việc tạo hóa các tầng trời và đất (đến nỗi phải thốt lên): “*Lạy Thượng Đế bày tôi! Ngài đã không tạo hóa (mọi thứ) này vô mục đích. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Xin Ngài hãy bảo vệ bày tôi*

*tránh khỏi sự trừng phạt của hỏa ngục * Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Quả thực, ai đã bị Ngài cho vào hỏa ngục thì y đã bị Ngài sỉ nhục. Và những kẻ lầm đường lạc lối sẽ không được ai giúp đỡ * Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Bầy tôi đã nghe lời gọi của (Thiên Sứ Muhammad) mời (bầy tôi) đến với đức tin, bảo: “Này các bạn hãy tin tưởng nơi Thượng Đế của các bạn” bởi thế bầy tôi đã tin tưởng * Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin ngài hãy tha tội cho bầy tôi và xóa bỏ mọi việc làm xấu của bầy tôi và xin cho bầy tôi được chết cùng với nhóm người đức hạnh * Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài ban cho bầy tôi điều mà Ngài đã hứa với bầy tôi qua (lời nói của) các vị Thiên Sứ của Ngài và đừng sỉ nhục bầy tôi vào Ngày phục sinh. Quả thực, Ngài (rất uy tín) không bao giờ thất hứa.” * Do đó, Thượng Đế của họ đã đáp lời cầu nguyện của họ, Ngài phán bảo: “TA sẽ không làm phí mất công của bất cứ ai làm việc gì trong các người dù là nam hay nữ, dù người này hay người kia. Bởi thế, những ai đã di cư hoặc bị trục xuất ra khỏi nhà cửa của họ và chịu hoạn nạn đau khổ vì chính nghĩa của TA, song đã anh dũng chiến đấu và bị giết thì chắc chắn TA sẽ xóa bỏ mọi tội lỗi của họ cho họ và thu nhận họ vào những ngôi vườn thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy, (đấy là) một phần thưởng xứng đáng từ Allah. Và Allah có những phần thưởng tốt đẹp nhất.” * (Này Muhammad) Người chớ bị mắc lừa bởi việc đi lại hí hửng của những kẻ ngoại đạo trên mặt đất * (Đó chỉ là) một sự hưởng thụ tạm bợ, rồi nhà ở của chúng sẽ là hỏa ngục, một nơi ở vô cùng tồi tệ * Ngược lại, những ai sợ Thượng Đế của họ thì sẽ được hưởng những ngôi vườn thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy, nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời, một sự biệt đãi từ Allah và những gì của Allah sẽ tốt nhất cho những người đức hạnh * Và Quả thực, trong nhóm người Do Thái giáo và người Thiên Chúa giáo có số người tin tưởng nơi Allah, tin tưởng vào điều (mặc khải) đã được ban xuống cho (Nabi Muhammad) và điều (mặc khải) đã được*

2- Lời cầu xin khi mặc trang phục.

5- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai mặc áo và nói:

{الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي كَسَانِي هَذَا الثَّوْبَ، وَرَزَقَنِيهِ مِنْ غَيْرِ حَوْلٍ
مِّنِّي وَلَا قُوَّةٍ}

“Al ham du lil la hil la zi ka saa ni ha zath thaw ba, wa ra za qo ni hi min ghoi ri haw lin min ni, wa laa qu wah.” sẽ được xóa sạch những tội lỗi đã và chưa phạm.”⁽¹³⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

3- Lời cầu xin khi mặc áo mới.

6-

{اللَّهُمَّ لَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ كَسَوْتَنِيهِ، أَسْأَلُكَ مِنْ خَيْرِهِ وَخَيْرِ مَا صُنِعَ
لَهُ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّهِ وَشَرِّ مَا صُنِعَ لَهُ}

“Ol lo hum ma la kal ham du, an ta ka saw ta ni hi, as a lu ka min khoi ri hi, wa khoi ra maa su ni a’ lah, wa

ban cho họ, họ hạ mình khiêm tốn trước Allah, họ không che giấu hay thay đổi những lời mặc khải của Allah. Họ đã được Allah chuẩn bị sẵn cho một phần thưởng. Quả thực, Allah rất nhanh trong việc tính sổ (thưởng phạt) * Hỡi những người có đức tin! Hãy tuyệt đối kiên nhẫn, kiên quyết và hãy kính sợ Allah để may ra các ngươi được chiến thắng. ﴿Ali I’ mraam: 190 – 200 (chương 3).

⁽¹³⁾ Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi tán dương đều kính dâng Allah, Đấng đã ban cái mặc và ban tặng bổng lộc cho bề tôi trong khi bề tôi không có khả năng tạo ra nó.}

a u' zu bi ka min shar ri hi, wa shar ri maa su ni a' lah.”⁽¹⁴⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi ghi.

4- Lời cầu xin cho người khác khi mặc được áo mới.

7-

{تُبِّي وَيُخْلِفُ اللَّهُ تَعَالَى}

“Tub li wa yukh li ful lo hu ta a' la”⁽¹⁵⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

8-

{الْبَسْ جَدِيداً وَعِشْ حَمِيداً وَمُتْ شَهِيداً}

“Il bas ja di dan, wa i'sh ha mi dan, wa mut sha hi dan.”⁽¹⁶⁾ Hadith do Ibnu Majaah và Al-Baghowi ghi.

5- Nói khi treo (hoặc móc) áo.

9-

{بِسْمِ اللَّهِ}

“Bis mil lah”⁽¹⁷⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

⁽¹⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, mọi lời ca ngợi tán dương là của Ngài, Ngài đã ban cho bề tôi cái mặc. Cầu xin hãy ban cho bề tôi những điều tốt lành từ áo này và tránh mọi điều xấu xa từ nó.}

⁽¹⁵⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah, Đấng Tối Cao ban cho anh sống thọ để được mặc áo đến cũ, sau đó thay cho anh áo khác tốt hơn nó.}

⁽¹⁶⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban cho bạn luôn được áo mới, ban cho bạn được sống hạnh phúc và ban cho bạn chết vinh quang.}

6- Lời cầu xin khi vào nhà vệ sinh.

10-

{ بِسْمِ اللّٰهِ، اللّٰهُمَّ اِنِّيْ اَعُوْذُ بِكَ مِنَ الْخُبْثِ وَالْخَبَائِثِ }

“Bis mil lah, ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal khu buth, wal kha baa ith.”⁽¹⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

7- Lời cầu xin khi ra nhà vệ sinh.

11-

{ غُفْرَانَكَ }

“Ghuf ro nak.”⁽¹⁹⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

8- Lời tụng niệm khi lấy Wudu.

12-

{ بِسْمِ اللّٰهِ }

“Bis mil lah”

9- Lời tụng niệm sau khi lấy nước Wudu.13- Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói: “**Ai nói:**

⁽¹⁷⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah}

⁽¹⁸⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah. Lạy Allah, cầu xin Ngài che chở bề tôi tránh xa Shayton nam và Shayton nữ.}

⁽¹⁹⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin sự tha thứ của Ngài.}

{أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ}

“Ash ha du al laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, wa ash ha du an na mu ham ma dan a’b du hu wa ra su lah”⁽²⁰⁾ sau khi lấy Wudu sẽ được mở tám cánh cửa của thiên đàng, y đi vào bất cứ cửa nào muốn.” Hadith do Muslim ghi.

14-

{اللَّهُمَّ اجْعَلْنِي مِنَ التَّوَّابِينَ وَاجْعَلْنِي مِنَ الْمُتَطَهِّرِينَ}

“Ol lo hum maj a’l ni mi nat taw waa bin, waj a’l ni mi nal mu ta toh hi rin.”⁽²¹⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

15-

{سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِكَ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَسْتَغْفِرُكَ وَأَتُوبُ إِلَيْكَ}

“Sub haa na kol lo hum ma wa bi ham dik, ash ha du al laa i laa ha il la an ta, as tagh fi ru ka, wa a tu bu i lai ka.”⁽²²⁾ Hadith do Al-Nasaa-i ghi.

⁽²⁰⁾ Ý nghĩa: {Tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài và chúng nhận rằng Muhammad là bề tôi và cũng là vị Thiên Sứ của Ngài.}

⁽²¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy biến bề tôi thành một trong những người thành thật sám hối và hãy thu nạp bề tôi vào nhóm người sạch sẽ}

10- Lời tụng niệm khi ra khỏi nhà.

16- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “**Ai ra khỏi nhà và nói:**

{بِسْمِ اللّٰهِ، تَوَكَّلْتُ عَلَى اللّٰهِ، وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللّٰهِ}

“Bis mil lah, ta wak kal tu a’ lol loh, wa laa haw la, wa la qu wa ta il la bil lah”⁽²³⁾ sẽ có lời bảo: “*Anh đã được bảo vệ, đã được hướng dẫn và Shayton không đến gần anh được.*” Lúc đấy Shayton nói với nhau: “*Làm sao anh hại được đối với người đã được hướng dẫn và được bảo vệ.*”” Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

17-

{اللّٰهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ أَنْ أَضِلَّ أَوْ أُضَلَّ أَوْ أَزِلَّ أَوْ أُزَلَ أَوْ أُظْلِمَ أَوْ أُظْلَمَ أَوْ أَجْهَلَ أَوْ يُجْهَلَ عَلَيَّ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka an a dhil, aw u dhol, aw a zil, aw u zal, aw oz lim, aw uz lam, aw aj hal, aw yuj ha la a’ lai ya.”⁽²⁴⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

⁽²²⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương, tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài. Cầu xin Ngài dung thứ tội cho bề tôi và bề tôi trở về sám hối với Ngài.}

⁽²³⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, bề tôi xin phó thác cho Ngài, không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn.}

⁽²⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi lầm lạc hoặc bị làm cho lầm lạc hoặc làm sai hoặc bị hướng dẫn sai hoặc làm điều bất công hoặc bị ép buộc làm điều bất

11- Lời tụng niệm khi vào nhà.

18-

{بِسْمِ اللَّهِ وَلَجْنَا، وَبِسْمِ اللَّهِ خَرَجْنَا، وَعَلَى اللَّهِ رَبَّنَا تَوَكَّلْنَا}

“Bis mil la hi wa laj naa, wa bis mil la hi kho raj naa, wa a’ lol lo hi rab bi naa ta wak kal naa.”⁽²⁵⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

Sau khi tụng niệm xong thì nói:

{السَّلَامُ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَةُ اللَّهِ وَبَرَكَاتُهُ}

“As sa la mu a’ lai kum wa roh ma tul lo hi wa ba ro kaa tuh”⁽²⁶⁾ cho mọi người trong nhà.”

12- Lời cầu xin khi đi đến Masjid.

19-

{اللَّهُمَّ اجْعَلْ فِي قَلْبِي نُورًا، وَفِي لِسَانِي نُورًا، وَفِي سَمْعِي نُورًا، وَفِي بَصَرِي نُورًا، وَمِنْ فَوْقِي نُورًا، وَمِنْ تَحْتِي نُورًا، وَعَنْ يَمِينِي نُورًا، وَعَنْ شِمَالِي نُورًا، وَمِنْ أَمَامِي نُورًا، وَمِنْ خَلْفِي نُورًا، وَاجْعَلْ فِي نَفْسِي نُورًا، وَأَعْظِمْ لِي نُورًا، وَعَظِّمْ لِي نُورًا، وَاجْعَلْ لِي نُورًا، وَاجْعَلْنِي نُورًا. اللَّهُمَّ

công hoặc làm điều ngu muội hoặc bị hướng dẫn làm điều ngu dân.}

⁽²⁵⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah bày tôi vào, nhân danh Allah bày tôi đã ra và chỉ có Allah là Thượng Đế của bày tôi mà bày tôi ủy thác.}

⁽²⁶⁾ Ý nghĩa: {Xin chúc bình an, lòng thương xót và hồng phúc từ Allah đến mọi người.}

أَعْطِنِي نُورًا، وَاجْعَلْ فِي عَصَبِي نُورًا، وَفِي لَحْمِي نُورًا، وَفِي دَمِي نُورًا، وَفِي شَعْرِي نُورًا، وَفِي بَشْرِي نُورًا

“Ol lo hum maj a’l ni fi qol bi nu ro, wa fi li saa ni nu ro, wa fi sam i’ nu ro, wa fi ba so ri nu ro, wa min faw qi nu ro, wa min tah ti nu ro, wa a’n ya mi ni nu ro, wa a’n shi maa li nu ro, wa min a maa mi nu ro, wa min khol fi nu ro, waj a’l fi naf si nu ro, wa a’ zim li nu ro, wa a’z zim li nu ro, waj a’l li nu ro, waj a’l ni nu ro. Ol lo hum ma a’ ti ni nu ro, waj a’l fi a’ so bi nu ro, wa fi lah mi nu ro, wa fi da mi nu ro, wa fi sha’ ri nu ro, wa fi ba sha ri nu ro.”⁽²⁷⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

{اللَّهُمَّ اجْعَلْ لِي نُورًا فِي قَبْرِي ... وَنُورًا فِي عِظَامِي}

“Ol lo hum maj a’l li nu ron fi qob ri ... wa nu ron fi i’ zo mi.”⁽²⁸⁾

{وَزِدْنِي نُورًا، وَزِدْنِي نُورًا، وَزِدْنِي نُورًا}

“Wa zid ni nu ro, wa zid ni nu ro, wa zid ni nu ro.”⁽²⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽²⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài ban ánh sáng cho con tim, cho lưỡi, cho lỗ tai, cho mắt của bề tôi. Xin hãy ban ánh sáng trùm lấy bề tôi từ phía trên, ở bên dưới, ở bên phải, ở bên trái, ở phía trước và ở phía sau bề tôi. Xin ban ánh sáng vào trong cơ thể, trong tinh thần, trong thịt, trong máu, trong tóc và trong con người của bề tôi.}

⁽²⁸⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, hãy thấp sáng ngôi mộ của bề tôi ... cả trong xương của bề tôi.}

{وَهَبْ لِي نُورًا عَلَى نُورٍ}

“**Wa hab li nu ro a’ la nur.**”⁽³⁰⁾ Hadith được trích trong quyển Fat-hul Baari của Ibnu Hajar.

13- Lời cầu xin khi vào Masjid.

20-

{بِسْمِ اللَّهِ، وَالصَّلَاةُ وَالسَّلَامُ عَلَى رَسُولِ اللَّهِ}

“**Bis mil lah, vos so laa tu, was sa laa mu a’ la ro su lil lah.**”⁽³¹⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Nasaa-i ghi.

{اللَّهُمَّ افْتَحْ لِي أَبْوَابَ رَحْمَتِكَ}

“**Oi lo hum maf tah li ab waa ba roh ma tik.**”⁽³²⁾ Hadith do Muslim ghi.

{أَعُوذُ بِاللَّهِ الْعَظِيمِ، وَبِوَجْهِهِ الْكَرِيمِ، وَسُلْطَانِهِ الْقَدِيمِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ}

“**A u’ zu bil la hil a’ zim, wa bi waj hi hil ka rim, wa sul to ni hil qo dim, mi nash shay to nir ra jim.**”⁽³³⁾

⁽²⁹⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Ngài, tăng thêm ánh sáng cho bề tôi.}

⁽³⁰⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Ngài, ban cho bề tôi ánh sáng đẹp nhất.}

⁽³¹⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, cầu xin Allah ban hồng ân và sự bình an cho Thiên Sứ của Ngài.}

⁽³²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, cầu xin Ngài hãy mở các cánh cửa khoan dung độ lượng của Ngài cho bề tôi.}

Thiên sứ صلی الله علیه وسلم nói: “**Khi cầu xin như thế Shayton sẽ nói: “Y đã được bảo vệ tránh khỏi mình trong ngày hôm nay.”**” Hadith do Abu Dawood ghi.

14- Lời cầu xin khi ra Masjid.

21-

{بِسْمِ اللَّهِ، وَالصَّلَاةُ وَالسَّلَامُ عَلَى رَسُولِ اللَّهِ، اللَّهُمَّ إِنِّي
أَسْأَلُكَ مِنْ فَضْلِكَ، اللَّهُمَّ اعْصِمْنِي مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ}

“**Bis mil lah, wos so laa tu, was sa laa mu a’ la ro su lil lah. Ol lo hum ma in ni as a lu ka min fodh lik. Ol lo hum ma’ sim ni mi nash shay to nir ro jim.**”⁽³⁴⁾
Hadith do Muslim, Abu Dawood và Ibnu Majaah ghi.

15- Lời tụng niệm khi nghe Azan.

22- Nabi صلی الله علیه وسلم nói: “**Khi nghe Muazzin⁽³⁵⁾ nói thì cứ nói theo lời anh ta ngoại trừ hai câu:**

{حَيَّ عَلَى الصَّلَاةِ}

“**Hay ya a’ los so lah**”⁽³⁶⁾ và câu:

⁽³³⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah Đấng Vĩ Đại, Đấng Rất Mực Rộng Lượng, Đấng có uy quyền vĩnh hằng che chở tránh xa sự cảm dỗ của Shayton đáng bị nguyên rủa.}

⁽³⁴⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, cầu xin Allah ban hồng ân và sự bình an cho Thiên Sứ của Ngài, bẻ tôi cầu xin sự ưu đãi nơi Ngài, và cầu xin Ngài che chở bảo vệ bẻ tôi tránh khỏi sự cảm dỗ của loài Shayton đáng bị nguyên rủa.}

⁽³⁵⁾ Mu-az-zin là người kêu gọi hành lễ Salah.

⁽³⁶⁾ Ý nghĩa: {Hãy nhanh nhanh đến dâng lễ Salah.}

{حَيَّ عَلَى الْفَلَاحِ}

“Hay ya a’ lal fa lah.”⁽³⁷⁾ thì nói:

{لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ}

“Laa haw la wa laa qu wa ta il la bil lah.”⁽³⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

**** Lời tụng niệm sau Azan.**

23-

{وَأَنَا أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، وَأَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ، رَضِيتُ بِاللَّهِ رَبًّا، وَبِمُحَمَّدٍ رَسُولًا، وَبِالْإِسْلَامِ دِينًا}

“Wa a na ash ha du al laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, wa an na mu ham ma dan a’b du hu wa ro su luh, ro dhi tu bil la hi rab ba, wa bi mu ham mad ro su la, wa bil is laa mi di na.”⁽³⁹⁾ Hadith do Muslim ghi.

24-

⁽³⁷⁾ Ý nghĩa: {Hãy nhanh nhanh đến với sự chiến thắng.}

⁽³⁸⁾ Ý nghĩa: {Không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn.}

⁽³⁹⁾ Ý nghĩa: {Và tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài và xin chứng nhận Muhammad là bề tôi, là Thiên Sứ của Ngài. Tôi đã hài lòng Allah là Thượng Đế, hài lòng Muhammad صلى الله عليه وسلم là Thiên Sứ và hài lòng Islam là chính đạo.}

{اللَّهُمَّ صَلِّ وَسَلِّمْ عَلَى نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ}

“Ol lo hum ma sol li wa sal lim a’ la na bi yi naa mu ham mad.”⁽⁴⁰⁾

25-

{اللَّهُمَّ رَبَّ هَذِهِ الدَّعْوَةِ التَّامَّةِ، وَالصَّلَاةِ الْقَائِمَةِ، آتِ مُحَمَّدًا الْوَسِيلَةَ وَالْفَضِيلَةَ، وَابْعَثْهُ مَقَاماً مَحْمُوداً الَّذِي وَعَدْتَهُ، إِنَّكَ لَا تُخْلِفُ الْمِيعَادَ}

“Ol lo hum ma rab ba ha zi hid da’ wa tit t.a.m mah, wos so laa til qo i mah, a ti mu ham ma dal wa si lah wal fa dhi lah, wab a’th hu ma qo man mah du da, al la zi wa a’d tah, in na ka laa tukh li ful mi a’d.”⁽⁴¹⁾
Hadith do Al-Bukhari ghi.

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai cầu xin (như vậ sau Azan) thì y được Ta biện hộ cho vào ngày sau.” Hadith do Al-Bukhari ghi.

26- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{يَدْعُو لِنَفْسِهِ بَيْنَ الْأَذَانِ وَالْإِقَامَةِ، فَإِنَّ الدُّعَاءَ حِينَئِذٍ لَا يُرَدُّ}

⁽⁴⁰⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban hồng phúc và sự bình an cho Nabi Muhammad của bầy tôi.}

⁽⁴¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của lời kêu gọi này, là Chủ Nhân của sự bình an vĩnh hằng. Cầu xin Ngài hãy ban cho Nabi Muhammad ngôi nhà trên thiên đàng, ở trên một địa vị cao nhất trên mọi tạo vật. Và hãy phục sinh Người lại vào ngày phán xử trên cương vị được mọi người khen ngợi. Quả thực, Ngài không bao giờ bội tín.}

“Hãy cầu xin cho bản thân trong khoảng giữa Azan và Iqomah. Quả thực, lời cầu xin lúc đó không bị từ chối.” Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ahmad ghi.

16- Lời cầu xin Is-tif-taah ⁽⁴²⁾

27-

{اللَّهُمَّ بَاعِدْ بَيْنِي وَبَيْنَ خَطَايَايَ، كَمَا بَاعَدْتَ بَيْنَ الْمَشْرِقِ وَالْمَغْرِبِ. اللَّهُمَّ نَقِّنِي مِنْ خَطَايَايَ، كَمَا يُنَقِّي الثَّوْبَ الْأَبْيَضَ مِنَ الدَّنَسِ. اللَّهُمَّ اغْسِلْنِي مِنَ خَطَايَايَ بِالْقَلْحِ وَالْمَاءِ وَالْبَرْدِ}

“Ol lo hum ma baa i’d bai ni wa bai na kho to yaa ya, ka maa baa a’d ta bai nal mash ri qi wal magh rib. Ol lo hum ma naq qi ni min kho to yaa ya, ka ma yu naq qoth thaw bul ab ya dhu mi nad da nas. Ol lo hum magh sil ni mi kho to yaa ya bith thal ji wa maa i wal ba rad.” ⁽⁴³⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

28-

{سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِكَ، وَتَبَارَكَ اسْمُكَ، وَتَعَالَى جَدُّكَ
وَلَا إِلَهَ غَيْرُكَ}

⁽⁴²⁾ Is-tif-taah là lời cầu xin trong lúc dâng lễ Salah sau khi nói Allahu Akbar lần đầu tiên.

⁽⁴³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài hãy kéo xa bề tôi và tội lỗi giống như Ngài đã kéo xa hai hướng đông và tây. Hãy tẩy sạch tội lỗi cho bề tôi giống như tẩy chất dơ ra khỏi áo trắng và hãy tẩy rửa bề tôi được sạch tội lỗi (như được tắm sạch) bằng nước tinh khiết.}

“Sub haa na kol lo hum ma wa bi ham dik, wa ta baa ra kas muk, wa ta a’ la jad duk, wa laa i laa ha ghoi ruk.”⁽⁴⁴⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Nasa-y và Ibnu Majaah ghi.

29-

{وَجَّهْتُ وَجْهِيَ لِلَّذِي فَطَرَ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ حَنِيفًا، وَمَا أَنَا مِنَ الْمُشْرِكِينَ، إِنَّ صَلَاتِي، وَنُسُكِي، وَمَحْيَايَ، وَمَمَاتِي لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ، لَا شَرِيكَ لَهُ، وَبِذَلِكَ أُمِرْتُ وَأَنَا مِنَ الْمُسْلِمِينَ. اللَّهُمَّ أَنْتَ الْمَلِكُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَنْتَ رَبِّي، وَأَنَا عَبْدُكَ، ظَلَمْتُ نَفْسِي، وَاعْتَرَفْتُ بِذُنُوبِي، فَاعْفِرْ لِي ذُنُوبِي جَمِيعًا، إِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ، وَاهْدِنِي لِأَحْسَنِ الْأَخْلَاقِ لَا يَهْدِي لِأَحْسَنِهَا إِلَّا أَنْتَ، وَاصْرِفْ عَنِّي سَيِّئَهَا لَا يَصْرِفْ عَنِّي سَيِّئَهَا إِلَّا أَنْتَ، لَبَّيْكَ وَسَعْدَيْكَ، وَالْخَيْرُ كُلُّهُ فِي يَدَيْكَ، وَالشَّرُّ لَيْسَ إِلَيْكَ، أَنَا بِكَ وَإِلَيْكَ، تَبَارَكْتَ وَتَعَالَيْتَ، أَسْتَغْفِرُكَ وَأَتُوبُ إِلَيْكَ}

“Waj jah tu waj hi lil la zi fa to ros sa maa waa ti wal ar dho ha ni fa, wa maa a na mi nal mush ri kin, in na so la ti, wa nu su ki, wa mah yaa ya, wa ma maa ti lil la hi rab bil a’ laa la min, laa sha ri ka lah, wa bi zaa li ka u mir tu wa a na mi nal mus li min. Ol lo hum

⁽⁴⁴⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Allah và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương, may mắn thay Đại Danh của Ngài, tội cao thay uy quyền của Ngài và không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài. }

ma an tal ma lik, laa i laa ha il la an ta, an ta rab bi, wa a na a' b duk, zo lam tu naf si, wa' ta raf tu bi zam bi, fagh fir li zu nu bi ja mi a', in na hu laa yagh fi ruz zu nu ba il la an ta, wah di ni li ah sa nil akh laaq, laa ya di li ah sa ni haa il laa an ta, wos rif a'n ni sai yi a haa, laa yos rif a'n ni sai yi a' haa il laa an ta, bab bai ka wa sa' dai ka, wal khoi ru kul lu hu fi ya dai ka, wash shar ru lai sa i lai ka, ta baa rak ta wa ta a' laa lai ta, as tagh fi ru ka, wa a tu bu i lai ka.”⁽⁴⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

30-

⁽⁴⁵⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi đã hướng mặt về Đấng đã tạo các tầng trời và đất thật vững trãi và bề tôi không phải là người thờ đa thần. Quả thực, lễ Salah, vật tế và mạng sống lẫn cái chết của bề tôi thuộc về Allah Đấng Chúa Tể của vũ trụ mà không có cộng tác, vì lẽ đó bề tôi nhận được lệnh phải thành tâm tôn thờ và bề tôi thuộc nhóm người Muslim. Lay Allah, Ngài là Chúa Tể mà không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Thượng Đế của bề tôi và bề tôi là nô lệ của Ngài. Bề tôi đã phạm sai lầm và tội lỗi, cầu xin Ngài dung thứ tất cả tội lỗi cho bề tôi. Quả thực, không ai có khả năng dung thứ tội đó ngoại trừ Ngài. Cầu xin hãy ban cho bề tôi có được đức tính tốt đẹp nhất, không ai có khả năng ban cho thứ đó ngoại trừ Ngài. Và xin bảo vệ bề tôi tránh mọi điều xấu bởi vì không ai có khả năng đó ngoài Ngài. Vâng, bề tôi nghe lời Ngài, tuân lệnh Ngài, tất cả điều tốt xuất phát từ đôi tay Ngài và mọi điều xấu không được dâng hiến cho Ngài. Bề tôi là do Ngài tạo hóa và thuộc về Ngài, Ngài là Đấng Tối Cao đã ban mọi điều may mắn, cầu xin Ngài dung thứ tội lỗi cho bề tôi và bề tôi quay trở về sám hối với Ngài.}

{اللَّهُمَّ رَبَّ جِبْرَائِيلَ، وَمِيكَائِيلَ، وَإِسْرَافِيلَ، فَاطِرَ السَّمَاوَاتِ
وَالْأَرْضِ، عَالِمَ الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، أَنْتَ تَحْكُمُ بَيْنَ عِبَادِكَ فِيمَا
كَانُوا فِيهِ يَخْتَلِفُونَ، اهْدِنِي لِمَا اخْتَلَفَ فِيهِ مِنَ الْحَقِّ بِإِذْنِكَ،
إِنَّكَ تَهْدِي مَنْ تَشَاءُ إِلَى صِرَاطٍ مُسْتَقِيمٍ}

“Ol lo hum ma rab ba jib ro il, wa mi kaa il, wa is ro fil, faa ti ros sa maa waa ti wal ardh, a’ li mal ghoi bi wash sha haa dah, an ta tah ku mu bai na i’ baa di ka fi maa kaa nu fi hi yakh ta li fun, eh di ni li makh tu li fa fi hi mi nal ha qi bi iz nik, in na ka tah di man ta shaa u i la si ro tim mus ta qim.”⁽⁴⁶⁾ Hadith do Muslim ghi.

31-

{اللَّهُ أَكْبَرُ كَبِيرًا، اللَّهُ أَكْبَرُ كَبِيرًا، اللَّهُ أَكْبَرُ كَبِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ
كَثِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ كَثِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ كَثِيرًا، وَسُبْحَانَ اللَّهِ بُكْرَةً
وَأَصِيلًا، وَسُبْحَانَ اللَّهِ بُكْرَةً وَأَصِيلًا، وَسُبْحَانَ اللَّهِ بُكْرَةً
وَأَصِيلًا، أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ مِنْ نَفْخِهِ وَنَفْثِهِ وَهَمْزِهِ}

⁽⁴⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của Jib-ro-il, Mi-ka-il và Is-ro-fil, Đấng đã tạo ra các tầng trời và đất, Đấng am tường mọi việc vô hình và hữu hình, Ngài là Thâm Phán phân xử mọi điều tranh cãi giữa đám bầy tôi của Ngài. Cầu xin hãy hướng dẫn bầy tôi làm đúng nhất trong sự bị tranh cãi đó bằng mệnh lệnh của Ngài. Quả thực, Ngài muốn hướng dẫn bất cứ ai tùy thích theo con đường chính đạo.}

“Ol lo hu ak bar ka bi ro, Ol lo hu ak bar ka bi ro, Ol lo hu ak bar ka bi ro, wal ham du lil la hi ka thi ro, wal ham du lil la hi ka thi ro, wal ham du lil la hi ka thi ro, wa sub haa nol lo hi buk ro taw wa a si la, wa sub haa nol lo hi buk ro taw wa a si la, wa sub haa nol lo hi buk ro taw wa a si la, a u’ zu bil la hi mi nash shay to ni min naf khi hi, wa naf thi hi, wa ham zi hi.”⁽⁴⁷⁾ Hadith do Muslim, Abu Dawood, Ibnu Majaah và Ahmad ghi.

32-

{اللَّهُمَّ لَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ نُورُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَنْ فِيهِنَّ، وَلَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ قِيَمُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَنْ فِيهِنَّ، وَلَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ رَبُّ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَنْ فِيهِنَّ، وَلَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ مَلِكُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ، وَلَكَ الْحَمْدُ، أَنْتَ الْحَقُّ، وَوَعْدُكَ الْحَقُّ، وَقَوْلُكَ الْحَقُّ، وَلِقَاؤُكَ الْحَقُّ، وَالْجَنَّةُ حَقٌّ، وَالتَّارُ حَقٌّ، وَالتَّبِيُّونَ حَقٌّ، وَمُحَمَّدٌ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ حَقٌّ، وَالسَّاعَةُ حَقٌّ. اللَّهُمَّ لَكَ أَسَلَمْتُ، وَعَلَيْكَ تَوَكَّلْتُ، وَبِكَ آمَنْتُ، وَإِلَيْكَ أُنَبْتُ، وَبِكَ خَاصَمْتُ، وَإِلَيْكَ حَاكَمْتُ. فَاعْفِرْ

⁽⁴⁷⁾ Ý nghĩa: {Allah vĩ đại nhất, Allah vĩ đại nhất, Allah vĩ đại nhất; tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài; vinh quang thay Allah từ sáng đến chiều, vinh quang thay Allah từ sáng đến chiều, vinh quang thay Allah từ sáng đến chiều; cầu xin Allah che chở tránh khỏi sự thối phù phép và lời xúi giục của Shayton.}

لِي مَا قَدَّمْتُ، وَمَا أَخَّرْتُ، وَمَا أَسْرَرْتُ، وَمَا أَعْلَنْتُ، أَنْتَ الْمُقَدَّمُ،
وَأَنْتَ الْمُؤَخَّرُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَنْتَ إِلَهِي لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ {

“Ol lo hum ma la kal ham du, an ta nu rus sa maa waa ti wal ardh, wa man fi hin; wa la kal ham du, an ta qoi yi mus sa maa waa ti wal ardh; wa man fi hin, wa la kal ham du, an ta rab bus sa maa waa ti wa ardh, wa man fi hin; wa la kal ham du, an ta mul kus sa maa waa ti wa ardh, wa man fi hin, wa la kal ham du, an ta ma li kus sa maa waa ti wa ardh; wa la kal ham du, an tal haq, wa wa’ du kal haq, wa qaw lu kal haq, wa li qo u kal haq, wal jan na tu haq, wal naa ru haq, wan na bi yu na haq, wa mu ham mad sol lol lo hu a’ lai hi wa sal lam haq, was saa a’ tu haq. Ol lo hum ma la ka as lam tu, wa a’ lai ka ta wak kal tu, wa bi ka ã man tu, wa i lai ka a nab tu, wa bi ka kho sam tu, wa i lai ka haa kam tu. Fagh fir li maa qad dam tu, wa maa akh khar tu, wa maa as rar tu, wa maa a’ lan tu, an tal mu qad dim, wa an tal mu akh khir, laa i laa ha il laa an ta, an ta i laa hi laa i laa ha il laa an ta.”⁽⁴⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

⁽⁴⁸⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Ánh Sáng của trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng. Tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Đấng dựng lên trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng. Tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Chủ Nhân, là Thượng Đế của trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng. Tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài cai quản, điều hành trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng. Tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Chúa Tể của trời, đất. Tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều

17- Lời cầu xin khi Rukua'

33- Đọc ba lần câu:

{سُبْحَانَ رَبِّيَ الْعَظِيمِ}

“Sub haa na rab bi yal a’ zim.”⁽⁴⁹⁾

34-

{سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ رَبَّنَا وَبِحَمْدِكَ، اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي}

“Sub haa na kol lo hum ma rab ba naa wa bi ham dik, ol lo hum magh fir li.”⁽⁵⁰⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

35-

{سُبُوْحٌ قُدُوْسٌ رَبُّ الْمَلَائِكَةِ وَالرُّوْحِ}

là của Ngài, Ngài luôn hiện hữu; lời hứa của Ngài, lời nói của Ngài và cuộc gặp gỡ Ngài là chắc chắn; thiên đàng, hỏa ngục và các Thiên Sứ là có thực; Muhammad صلى الله عليه وسلم là có thực; ngày tận thế là sự thật. Lạy Allah, vì Ngài bẻ tôi phủ phục, vì Ngài bẻ tôi ủy thác, vì Ngài bẻ tôi tin tưởng, vì Ngài bẻ tôi sám hối và vì Ngài bẻ tôi Jihaad và cũng vì Ngài bẻ tôi phân xử. Cầu xin hãy tha thứ cho bẻ tôi mọi tội lỗi của quá khứ; mọi tội lỗi của tương lai; mọi tội lỗi thầm kín; mọi tội lỗi đã phơi bày. Ngài là Đấng Khởi Điểm, là Đấng Kết Thúc, Đấng mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Thượng Đế của bẻ tôi mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài. }

⁽⁴⁹⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Thượng Đế của bẻ tôi, Ngài vĩ đại nhất }

⁽⁵⁰⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Ngài, Thượng Đế của bẻ tôi và bằng lời ca ngợi Ngài mà tụng niệm tán dương, xin Ngài hãy tha thứ cho bẻ tôi. }

“Sub bu hun, qud du sun, rab bul ma laa i ka ti war ruh.”⁽⁵¹⁾ Hadith do Muslim ghi.

36-

{اللَّهُمَّ لَكَ رَكَعْتُ، وَبِكَ آمَنْتُ، وَلَكَ أَسَلْتُ، خَشَعَ لَكَ سَمْعِي، وَبَصَرِي، وَحُحِّي، وَعَظْمِي، وَعَصْبِي، وَمَا اسْتَقَلَّتْ بِهِ قَدَمَيَّ }

“Ol lo hum ma la ka ro ka’ tu, wa bi ka ã man tu, wa la ka as lam tu, kho sha a’ la ka sam i’, wa ba so ri, wa mukh khi, wa o’z mi, wa a’ so bi, wa mas taq ba lat bi hi qa da mi.”⁽⁵²⁾ Hadith do Muslim, Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Al-Nasaa-i ghi.

37-

{سُبْحَانَ ذِي الْجَبْرُوتِ وَالْمَلَكُوتِ وَالْكِبْرِيَاءِ وَالْعَظَمَةِ }

“Sub haa na zil ja ba rut, wal ma la kut, wal kib ri ya, wal a’ zo mah.”⁽⁵³⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Nasaa-i và Ahmad ghi.

18- Lời cầu xin đứng trở lại sau Rukua’.

38-

⁽⁵¹⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay, trong sạch thay Thượng Đế của Thiên Thần và Ruh (Jibril). }

⁽⁵²⁾ Ý nghĩa: { Lạy Allah, vì Ngài bề tôi Rukua’, vì Ngài bề tôi tin tưởng, vì Ngài bề tôi phủ phục, vì Ngài mà thính giác, thị giác, trí tuệ, xương cốt lẫn toàn cơ thể và tất cả những gì đôi chân bề tôi chịu đựng đều kính sợ Ngài. }

⁽⁵³⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Đấng có uy quyền tối cao, Đấng sở hữu tất cả, Đấng Tự Cao Tự Đại và Đấng Vĩ Đại. }

{سَمِعَ اللَّهُ لِمَنْ حَمِدَهُ}

“Sa mi ol lo hu li man ha mi dah.”⁽⁵⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

39-

{رَبَّنَا وَلَكَ الْحَمْدُ، حَمْدًا كَثِيرًا، طَيِّبًا مُبَارَكًا فِيهِ}

“Rab ba naa wa la kal ham du, ham dan ka thi ron, toi yi ban, mu baa ra kan f.i.h.”⁽⁵⁵⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

40-

{مِلءَ السَّمَاوَاتِ، وَمِلءَ الْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا، وَمِلءَ مَا شِئْتَ
مِنْ شَيْءٍ بَعْدُ، أَهْلَ الثَّنَاءِ وَالْمَجْدِ، أَحَقُّ مَا قَالَ الْعَبْدُ، وَكُنَّا
لَكَ عَبْدًا. اللَّهُمَّ لَا مَانِعَ لِمَا أَعْطَيْتَ، وَلَا مُعْطِيَ لِمَا مَنَعْتَ، وَلَا
يَنْفَعُ ذَا الْجَدِّ مِنْكَ الْجَدُّ}

“Mil as sa maa waa ti, wa mil al ar dhi wa maa bai na hu ma, wa mil a maa shi ta min shai in ba’d, ah lath tha na wal majd, a haq qu maa qo lal a’bd, wa kul lu naa la ka a’bd. Ol lo hum ma laa maa ni a’ li maa a’

⁽⁵⁴⁾ Ý nghĩa: {Allah nghe thấy tất cả lời ca ngợi của ai tán dương ca tụng Ngài.}

⁽⁵⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Thượng Đế của bầy tôi, mọi lời ca ngợi tán dương là của Ngài, chỉ vì Ngài bầy tôi thành tâm ca tụng và ngày càng nhiều hơn.}

toi ta, wa laa mua' ti ya li maa ma na' ta, wa laa yan fa u' zal jad di min kal jad.”⁽⁵⁶⁾ Hadith do Muslim ghi.

19- Lời cầu xin lúc quỳ lạy.

41- Đọc ba lần câu:

{سُبْحَانَ رَبِّيَ الْأَعْلَى}

“Sub haa na rab bi yal a’ la.”⁽⁵⁷⁾

42-

{سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ رَبَّنَا وَبِحَمْدِكَ، اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي}

“Sub haa na kol lo hum ma rab ba naa wa bi ham dik, ol lo hum magh fir li.”⁽⁵⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

43-

{سُبُّوحٌ قُدُّوسٌ رَبُّ الْمَلَائِكَةِ وَالرُّوحِ}

⁽⁵⁶⁾ Ý nghĩa: {Trong các tầng trời, dưới đất và vạn vật giữa chúng đây ập (lời ca tụng tán dương Allah), và đất ập cả những gì Ngài muốn sau đó. Allah là Chủ Nhân của mọi lời ca tụng tán dương, là Đấng nắm giữ mọi uy quyền, là Đấng rất xứng đáng được đấm nô lệ ca ngợi, và bầy tôi là nô lệ của Ngài. Lạy Allah, sẽ không có quyền lực nào ngăn cản với những gì Ngài đã ban phát cũng như không có thế lực nào ban phát trong khi Ngài đã ngăn cấm và cũng không có sự giàu có nào giúp đỡ được bản thân y đối với Ngài (ngoại trừ những việc làm tốt đẹp).}

⁽⁵⁷⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Thượng Đế của bầy tôi, Ngài tối cao nhất.}

⁽⁵⁸⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Ngài, Thượng Đế của bầy tôi và bằng lời ca ngợi Ngài mà tụng niệm tán dương, xin Ngài hãy tha thứ cho bầy tôi.}

“Sub bu hun, qud du sun, rab bul ma laa i ka ti war ruh.”⁽⁵⁹⁾ Hadith do Muslim ghi.

44-

{اللَّهُمَّ لَكَ سَجَدْتُ، وَبِكَ آمَنْتُ، وَلَكَ أَسَلْتُ، سَجَدَ وَجْهِي
لِلَّذِي خَلَقَهُ، وَصَوَّرَهُ، وَشَقَّ سَمْعَهُ، وَبَصَّرَهُ، تَبَارَكَ اللَّهُ أَحْسَنُ
الْحَاقِقِينَ}

“Ol lo hum ma la ka sa jad tu, wa bi ka ã man tu, wa la ka as lam tu, sa ja da waj hi lil la zi kho la qoh, wa saw wa roh, wa shaq qo sam a’h, wa ba so roh, ta baa ro lol lo hu ah sa nul kho li q.i.n.”⁽⁶⁰⁾ Hadith do Muslim ghi.

45-

{سُبْحَانَ ذِي الْجَبْرُوتِ وَالْمَلَائِكَةِ وَالْكَوْبَرِيَّاءِ وَالْعِظْمَةِ}

“Sub haa na zil ja ba rut, wal ma la kut, wal kib ri ya, wal a’ zo mah.”⁽⁶¹⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Nasaa-i và Ahmad ghi.

46-

⁽⁵⁹⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay, trong sạch thay Thượng Đế của Thiên Thần và Ruh (Jibril). }

⁽⁶⁰⁾ Ý nghĩa: { Lạy Allah, vì Ngài bẻ tôi quỳ lạy, vì Ngài bẻ tôi tin tưởng và cũng vì Ngài bẻ tôi phủ phục. Đây bẻ tôi cúi mặt quỳ lạy Ngài, Đấng đã tạo hóa ra nó và làm cho nó hoàn hảo đồng thời tạo cho nó thính giác và thị giác, phúc thay Allah, Đấng xuất sắc nhất trong những ai tạo hóa. }

⁽⁶¹⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Đấng có uy quyền tối cao, Đấng sở hữu tất cả, Đấng Tự Cao Tự Đại và Đấng Vĩ Đại. }

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي ذَنْبِي كُلَّهُ، دِقَّةَ وَجْهِهِ، وَأَوَّلَهُ وَآخِرَهُ،
وَعَلَانِيَتَهُ وَسِرَّهُ}

“Ol lo hum magh fir li zam bi kul lah, diq qo hu wa jil lah, wa aw wa lu hu wa ā khi roh, wa a’ laa ni ya ta hu wa sir roh.”⁽⁶²⁾ Hadith do Muslim ghi.

47-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِرِضَاكَ مِنْ سَخَطِكَ، وَبِمُعَافَاتِكَ مِنْ
عُقُوبَتِكَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْكَ لَا أُحْصِي ثَنَاءً عَلَيْكَ، أَنْتَ كَمَا
أَثْنَيْتَ عَلَيَّ نَفْسِكَ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ri dho ka min sa kho tik, wa bi mu ā’ faa ti ka min u’ qu ba tik, wa a u’ zu bi ka min ka, laa uh si tha naa anh a’ lai ka, an ta ka maa ath nai ta a’ la naf sik.”⁽⁶³⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

20- LỜI CẦU XIN KHI NGỒI GIỮA HAI LẦN QUỖ LAY.

48-

⁽⁶²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy tha thứ mọi tội lỗi cho bề tôi cho dù đã phạm ít hay nhiều, cả quá khứ lẫn tương lai, tất cả tội lỗi đã phơi bày hay còn giấu kín.}

⁽⁶³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi cầu xin sự hài lòng của Ngài che chở khỏi sự giận dữ của Ngài, cầu xin sự thứ của Ngài tránh khỏi hành phạt của Ngài, xin Ngài đừng bắt tội về những gì bề tôi không có khả năng thực hiện, cho dù bề tôi có ca tụng Ngài thế nào cũng không thể đủ, Ngài là Đấng xứng đáng với những gì mà Ngài đã tự ca ngợi.}

{ رَبِّ اغْفِرْ لِي، رَبِّ اغْفِرْ لِي }

“Rab bigh fir li, rab bigh fir li.”⁽⁶⁴⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

49-

{ اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَارْحَمْنِي، وَاهْدِنِي، وَاجْبُرْنِي، وَعَافِنِي
وَارْزُقْنِي، وَارْفَعْنِي }

“Ol lo hum magh fir li, war ham ni, wah di ni, waj bur ni, wa ã’ fi ni, war zuq ni, war fa’ ni.”⁽⁶⁵⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

21- LỜI CẦU XIN LÚC QUỲ LAY KHI ĐỌC QUR’AN.

50-

{ سَجَدَ وَجْهِي لِلَّذِي خَلَقَهُ، وَشَقَّ سَمْعَهُ، وَبَصَرَهُ بِحَوْلِهِ وَقُوَّتِهِ،
﴿فَتَبَارَكَ اللَّهُ أَحْسَنُ الْخَالِقِينَ﴾ (المؤمنون: 14) }

“Sa ja da waj hi lil la zi kho la qoh, wa shaq qo sam a’h, wa ba so roh bi haw li hi wa qu wa tih, fa ta baa

⁽⁶⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin hãy dung thứ tội lỗi cho bề tôi.}

⁽⁶⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy dung thứ, khoan dung độ lượng và dẫn dắt bề tôi. Cầu xin Ngài ban cho bề tôi phú quý, sự lành mạnh, bổng lộc và nâng cao địa vị của bề tôi (ở trần gian và ngày sau).}

ro lol lo hu ah sa nul kho li q.i.n.”⁽⁶⁶⁾ Hadith do Al-Tirmizhi, Ahmad và Al-Hakim ghi.

51-

{اللَّهُمَّ اكْتُبْ لِي بِهَا عِنْدَكَ أَجْرًا، وَضَعْ عَنِّي بِهَا وَزْرًا، وَاجْعَلْهَا لِي عِنْدَكَ دُخْرًا، وَتَقَبَّلْهَا مِنِّي، كَمَا تَقَبَّلْتَهَا مِنْ عَبْدِكَ دَاوُدَ}

“Ol lo hum mak tub li bi haa i’n da ka aj ro, wa dho’ a’n ni bi haa wiz ro, waj a’l haa li i’n da ka zukh ro, wa ta qob bal min ni, ka maa ta qob bal ta haa min a’b di ka da wud.”⁽⁶⁷⁾ Hadith do Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi.

22- Lời cầu xin lúc Al-Ta-shah-hud⁽⁶⁸⁾

52-

⁽⁶⁶⁾ Ý nghĩa: {Đây bề tôi cúi mặt quỳ lạy Đấng đã tạo hóa ra nó đồng thời tạo cho nó đôi tai và cặp mắt bằng uy quyền và sức mạnh của Ngài. Do đó, phúc thay Allah, Đấng xuất sắc nhất trong những ai tạo hóa..}

⁽⁶⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài hãy viết (cái lạy này) của bề tôi là một phần thưởng từ Ngài, hãy xóa cho bề tôi một tội lỗi và hãy biến nó thành một kho báu nơi Ngài. Cầu xin hãy chấp nhận nó giống như Ngài đã chấp nhận việc hành đạo của nô lệ của Ngài, Dawood.}

⁽⁶⁸⁾ Al-Ta-shah-hud là ngòai lại tụng niệm ở Rak-at thứ hai lúc dâng lễ Salah và ở Rak-at cuối cùng trước chào Salam.

{التَّحِيَّاتُ لِلَّهِ، وَالصَّلَوَاتُ وَالطَّيِّبَاتُ، السَّلَامُ عَلَيْكَ أَيُّهَا النَّبِيُّ
وَرَحْمَةُ اللَّهِ وَبَرَكَاتُهُ، السَّلَامُ عَلَيْنَا، وَعَلَى عِبَادِ اللَّهِ الصَّالِحِينَ،
أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَأَشْهَدُ أَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُهُ وَرَسُولُهُ}

“At ta hi da tu lil lah, wos so la waa tu wat toy yi b.a.t, as sa laa mu a' lai ka ai yu han na bi yu wa roh ma tul lo hi wa ba ro kaa tuh, as sa la mu a' lai naa wa a' la i' baa dil la his so li h.i.n, ash ha du al laa i laa ha il lol loh, wa ash ha du an na mu ham ma dan a'b du hu wa ro su luh.”⁽⁶⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

23- Lời Solawat cho Nabi صلی اللہ علیہ وسلم sau Al-Ta-Shah-hud.

53-

{اللَّهُمَّ صَلِّ عَلَى مُحَمَّدٍ، وَعَلَى آلِ مُحَمَّدٍ، كَمَا صَلَّيْتَ عَلَى
إِبْرَاهِيمَ، وَعَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ. اللَّهُمَّ بَارِكْ عَلَى
مُحَمَّدٍ، وَعَلَى آلِ مُحَمَّدٍ، كَمَا بَارَكْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ، وَعَلَى آلِ
إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ}

“Ol lo hum ma sol li a' la mu ham mad, wa a' la ã li mu ham mad, ka maa sol lai ta a' la ib ro h.i.m, wa a'

⁽⁶⁹⁾ Ý nghĩa: {Mọi điều bình an, tốt đẹp và những hành động tôn thờ là của Allah. Cầu xin Ngài ban bình an, sự khoan dung và phúc lành cho Nabi, cho bày tôi và cho tất cả người đạo hạnh trong số bày tôi của Ngài. Tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah và xin chứng nhận Muhammad là bề tôi, là vị Thiên Sứ của Ngài.}

la ã li ib ro h.i.m, in na ka ha mi dum ma j.i.d. Ol lo hum ma baa rik a' la mu ham mad wa a' la ã li mu ham mad, ka maa baa rak ta a' la ib ro h.i.m, wa a' la ã li ib ro h.i.m, in na ka ha mi dum ma j.i.d.”⁽⁷⁰⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

54-

{اللَّهُمَّ صَلِّ عَلَى مُحَمَّدٍ، وَعَلَى أَزْوَاجِهِ وَذُرِّيَّتِهِ، كَمَا صَلَّيْتَ عَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ، وَبَارِكْ عَلَى مُحَمَّدٍ، وَعَلَى أَزْوَاجِهِ وَذُرِّيَّتِهِ، كَمَا بَارَكْتَ عَلَى آلِ إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مُجِيدٌ}

“Ol lo hum ma sol li a' la mu ham mad, wa a' la az waa ji hi, wa zur ri ya tih, ka maa sol lai ta a' la ã li ib ro h.i.m, wa baa rik a' la mu ham mad, wa a' la az waa ji hi, wa zur ri ya tih, ka maa baa rak ta a' la ã li ib ro h.i.m, in na ka ha mi dum ma j.i.d.”⁽⁷¹⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

24- Lời cầu xin trước khi chào Salam trong lễ Salah.

55-

⁽⁷⁰⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban sự bình an và phúc lành cho Nabi Muhammad và dòng tộc của Người giống như Ngài đã ban cho Nabi Ibrahim và dòng tộc của Người. Quả thực, Ngài là Đấng Tối Cao và Rộng Lượng.}

⁽⁷¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban sự bình an và phúc lành cho Nabi Muhammad, cho các phu nhân và con cháu của Người giống như Ngài đã ban cho dòng tộc của Nabi Ibrahim. Quả thực, Ngài là Đấng Tối Cao và Rộng Lượng.}

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَمِنْ عَذَابِ جَهَنَّمَ،
وَمِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ، وَمِنْ شَرِّ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka min a’ zaa bil qab ri, wa min a’ zaa bi ja han nām, wa min fit na til mah yaa, wal ma maat, wa min shar ri fit na til ma si hid daj jaal.”⁽⁷²⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

56-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ
الْمَسِيحِ الدَّجَالِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ. اللَّهُمَّ
إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْمَأْتَمِ وَالْمُغْرَمِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka min a’ zaa bil qab ri, wa a u’ zu bi ka min fit na til ma si hid daj jaal, wa a u’ zu bi ka min fit na til mah yaa, wal ma maat. Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal ma tham wal magh ram.”⁽⁷³⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

57-

⁽⁷²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự hành phạt trong cõi mộ và hành phạt nơi hỏa ngục, tránh khỏi mọi thử thách cám dỗ của cuộc sống trần gian, trước khi chết và tránh mọi điều xấu khi Dajjaal xuất hiện.}

⁽⁷³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài che chở tránh khỏi sự hành phạt nơi cõi mộ, tránh khỏi mọi thử thách cám dỗ khi Dajjaal xuất hiện, xin Ngài che chở mọi thử thách lúc sống và trước khi chết. Lạy Allah, xin hãy che chở bẻ tôi tránh khỏi tội lỗi và nợ nần.}

{اللَّهُمَّ إِنِّي ظَلَمْتُ نَفْسِي ظُلْمًا كَثِيرًا، وَلَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ، فَاعْفِرْ لِي مَغْفِرَةً مِنْ عِنْدِكَ، وَارْحَمْنِي، إِنَّكَ أَنْتَ الْعَفُورُ الرَّحِيمُ}

“Ol lo hum ma in ni zo lam tu naf si zul man ka thi ro, wa laa yagh fi ruz zu nu ba il laa an ta, fagh fir li mugh fi ro tan min i’n dik, war ham ni, in na ka an tan gho fu rur ro him.”⁽⁷⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

58-

{اللَّهُمَّ اعْفِرْ لِي مَا قَدَّمْتُ، وَمَا أَخَّرْتُ، وَمَا أَسْرَرْتُ، وَمَا أَعْلَنْتُ، وَمَا أَسْرَفْتُ، وَمَا أَنْتَ أَعْلَمُ بِهِ مِنِّي، أَنْتَ الْمُقَدِّمُ وَأَنْتَ الْمُؤَخِّرُ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ}

“Ol lo hum magh fir li maa qad dam tu, wa maa akh khar tu, wa maa as rar tu, wa maa a’ lan tu, wa maa as raf tu, wa an ta a’ la mu bi hi min ni, an tal mu qad dim, wa an tal mu akh khir, laa i laa ha il laa an ta.”⁽⁷⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

⁽⁷⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi đã sai quấy rất nhiều, không ai có khả năng tha thứ cho sự sai quấy đó mà chỉ có Ngài. Cầu xin Ngài lượng thứ, khoan dung cho bẻ tôi. Quả thực, Ngài là Đấng Rất Mực Khoan Dung, Rất Mực Nhân Từ.}

⁽⁷⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy dung thứ tội cho bẻ tôi với những tội lỗi đã qua và sau này, về những tội lỗi mà bẻ tôi còn giấu kín và đã công khai, những tội lỗi đã phạm nhiều lần và những tội lỗi mà Ngài biết rõ hơn bẻ tôi. Ngài là Đấng Đầy

59-

{اللَّهُمَّ اعْنِي عَلَي ذِكْرِكَ، وَشُكْرِكَ، وَحُسْنِ عِبَادَتِكَ}

“Ol lo hum ma a i’ n ni a’ la zik ri ka, wa shuk ri ka, wa hus ni i’ baa dik.”⁽⁷⁶⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi ghi và đượ Sheikh Al-Albani xúc thực.

60-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْبُخْلِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنَ الْجُبْنِ، وَأَعُوذُ بِكَ أَنْ أُرَدَّ إِلَى أَرْذَلِ الْعُمْرِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الدُّنْيَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal bukh li, wa a u’ zu bi ka mi nal jub ni, wa a u’ zu bi ka an u rod da i la ar za lil u’ m ri, wa a u’ zu bi ka min fit na tid dun ya, wa a u’ zu bi ka min a’ zaa bil qob ri.”⁽⁷⁷⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

61-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْجَنَّةَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنَ النَّارِ}

Tiên, là Đấng Cuối Cùng mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài.}

⁽⁷⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy phù hộ bề tôi luôn (miệng) ca tụng, luôn miệng tạ ơn Ngài và luôn làm hành đạo đúng theo Qur’an và Sunnah.}

⁽⁷⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự keo kiệt, bần tiện, nhúc nhát, tránh khỏi sự yếu ớt khi về già, tránh khỏi sự thử thách của Dajjaal và tránh khỏi sự hành phạt ở dưới mộ.}

“Ol lo hum ma in ni as a lu kal jan nah, wa a u’ zu bi ka mi nan naar.”⁽⁷⁸⁾ Hadith do Abu Dawood và Ibnu Majaah ghi.

62-

{اللَّهُمَّ بِعِلْمِكَ الْغَيْبِ وَقُدْرَتِكَ عَلَى الْخَلْقِ، أَحْيِنِي مَا عَلِمْتَ الْحَيَاةَ خَيْرًا لِي، وَتَوَفَّنِي إِذَا عَلِمْتَ الْوَفَاةَ خَيْرًا لِي. اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَشْيَتَكَ فِي الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، وَأَسْأَلُكَ كَلِمَةَ الْحَقِّ فِي الرِّضَا وَالْغَضَبِ، وَأَسْأَلُكَ الْقَصْدَ فِي الْغِنَى وَالْفَقْرِ، وَأَسْأَلُكَ نَعِيمًا لَا يَنْفَدُ، وَأَسْأَلُكَ فُرَّةَ عَيْنٍ لَا تَنْقَطِعُ، وَأَسْأَلُكَ الرِّضَا بَعْدَ الْقَضَاءِ، وَأَسْأَلُكَ بَرْدَ الْعَيْشِ بَعْدَ الْمَوْتِ، وَأَسْأَلُكَ لَذَّةَ النَّظَرِ إِلَى وَجْهِكَ، وَالشَّوْقَ إِلَى لِقَائِكَ، فِي غَيْرِ ضَرَاءٍ مُضِرَّةٍ، وَلَا فِتْنَةٍ مُضِلَّةٍ. اللَّهُمَّ زَيْنًا بَزِينَةَ الْإِيمَانِ، وَاجْعَلْنَا هُدَاةً مُهْتَدِينَ }

“Ol lo hum ma bi i’l mi kal ghoi ba, wa qud ro ti ka a’ lal khol qi, ah yi ni maa a’ lim tal ha yaa ta khoi ron li, wa taf fa ni i za a’ lim tal wa faa ta khoi ron li. Ol lo hum ma as a lu ka khosh ya ta ka fil ghoi bi wash sha haa dah, wa as a lu ka ka li ma tal haq qi fir ri dho wal gho dhab, wa as a lu ka qos da fil ghi na wal faq ri, wa as a lu ka na i’ man laa yan fad, wa as a lu ka qur ro ta a’i nin laa tan qo te’, wa as a lu kar ri dho ba’ dal qo dho, wa as a lu ka bar dal a’i shi ba’ dal maw ti, wa as a lu ka laz za tan na zo ri i la waj hik,

⁽⁷⁸⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài ban cho thiên đàng và xin hãy bảo vệ bẻ tôi khỏi hỏa ngục.}

wash shaw qo i la li qo ik, fi ghoi ri ghor ro a mu dhir roh, wa laa fit na tin mu dhil lah. Ol lo hum ma zai zin naa bi zi na til i m.a.n, waj a'l naa hu daa tan muh ta d.i.n.”⁽⁷⁹⁾ Hadith do Al-Nasaa-i, Ahmad ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

63-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ يَا اللَّهُ بِأَنَّكَ الْوَاحِدُ الْأَحَدُ الصَّمَدُ، الَّذِي لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ، وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ، أَنْ تَغْفِرَ لِي ذُنُوبِي، إِنَّكَ أَنْتَ الْغَفُورُ الرَّحِيمُ}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka yaa ol loh, bi an na kal waa hi dul a ha dus so mad, al la zi lam ya lid wa lam yu lad, wa lam ya kun la hu ku fu wan a had, an tagh fi ro li zu nu bi, in na ka an tal gho fu rur ro

⁽⁷⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài am tường mọi điều huyền bí và có khả năng trên mọi tạo vật, xin hãy ban cho bề tôi được sống nếu cuộc sống tốt đẹp hơn đối với bề tôi, bằng ngược lại hãy ban cho cái chết nếu sự chết đó tốt hơn đối với bề tôi. Cầu xin Ngài ban cho bề tôi lòng kính sợ Ngài trong mọi hoàn cảnh lúc ở chung mọi người và chỉ ở riêng. Cầu xin ban cho bề tôi luôn nói đúng trong lúc hài lòng cũng như lúc giận. Cầu xin ban cho bề tôi cuộc sống khá giả không quá giàu cũng không bần hàn. Cầu xin ban cho bề tôi sự hưởng thụ vĩnh viễn (ở thiên đàng) và sự vui vẻ, hạnh phúc không hồi kết. Cầu xin ban cho bề tôi sự hài lòng về định mệnh dù tốt hay xấu và sự thoải mái sau khi chết. Cầu xin ban cho sự sung sướng khi được nhìn thấy gương mặt Ngài và nỗi mong ước được gặp Ngài. Cầu xin hãy trang hoàng đức tin cho bầy tôi và hãy ban cho bầy tôi thuộc nhóm người được hướng dẫn.}

h.i.m.”⁽⁸⁰⁾ Hadith do Al-Nasaa-i, Ahmad ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

64-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ بِأَنَّ لَكَ الْحَمْدُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ وَحَدَّكَ لَا شَرِيكَ لَكَ، الْمَنَّانُ، يَا بَدِيعَ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ، يَا ذَا الْجَلَالِ وَالْإِكْرَامِ، يَا حَيُّ يَا قَيُّوْمُ، إِنِّي أَسْأَلُكَ الْجَنَّةَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنَ النَّارِ}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka bi an na la kal ham du laa i laa ha il laa an ta wah da ka laa sha ri ka lak, al man naan, yaa ba di a’s sa maa waa ti wal ar dhi, yaa zal ja laa li wal ik rom, yaa hai yum, in ni as a lu kal jan nah, wa a u’ zu bi ka mi nan naar.”⁽⁸¹⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

⁽⁸⁰⁾ **Ý nghĩa:** {Lạy Allah, bẻ tôi van xin Ngài bởi vì Ngài là Đấng duy nhất, Đấng Tự Hữu, Đấng Độc Lập mà tất cả (vạn vật) phải nhờ vả, Ngài không sinh đẻ ra ai và cũng không do ai sinh ra, và không một ai (hay vật gì) có thể so sánh với Ngài đấng, hãy dung thứ tội cho bẻ tôi. Quả thực, Ngài là Đấng Rất Mực Khoan Dung, Rất Mực Nhân Từ.}

⁽⁸¹⁾ **Ý nghĩa:** {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài bởi vì Ngài là Đấng đáng được kính dâng tất cả mọi lời ca ngợi và tán dương. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài duy nhất không có cộng tác với Ngài. Ngài là Đấng ban phát tất cả, Ngài là Đấng tạo hóa trời, đất từ cõi không, Ngài là Đấng có quyền uy tối cao và rộng lượng, Ngài là Đấng Hằng Sống, là Đấng Bất Diệt, van xin Ngài ban cho thiên đàng và xin bảo vệ bẻ tôi khỏi hỏa ngục.}

65-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ بِأَنِّي أَشْهَدُ أَنَّكَ أَنْتَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ،
الْأَحَدُ الصَّمَدُ، الَّذِي لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka bi an na ka an tol lo hu
laa i laa ha il laa na ta, al a ha dus so mad, al la zi lam
ya lid wa lam yu lad, wa lam ya kun la hu ku fu wan a
had.”⁽⁸²⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Ibnu
Majaah và Ahmad ghi.

25- Những lời tụng niệm sau những lần Salah bắt buộc.

66- Đọc ba lần câu:

{أَسْتَغْفِرُ اللَّهَ}

“As tagh fi rul lah.”⁽⁸³⁾ Hadith do Muslim ghi.

67-

{اللَّهُمَّ أَنْتَ السَّلَامُ، وَمِنْكَ السَّلَامُ تَبَارَكْتَ ذَا الْجَلَالِ
وَالْإِكْرَامِ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ

⁽⁸²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi van xin Ngài bởi vì Ngài là Đấng duy nhất, Đấng Tự Hữu, Đấng Độc Lập mà tất cả (vạn vật) phải nhờ và, Ngài không sinh đẻ ra ai và cũng không do ai sinh ra, và không một ai (hay vật gì) có thể so sánh với Ngài đấng.}

⁽⁸³⁾ Ý nghĩa: {Van xin Allah tha thứ tội cho bề tôi}.

الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. اللَّهُمَّ لَا مَانِعَ لِمَا أَعْطَيْتَ، وَلَا مُعْطِي لِمَا مَنَعْتَ، وَلَا يَنْفَعُ ذَا الْجَدِّ مِنْكَ الْجَدُّ

“Ol lo hum ma an tas sa lam, wa min kas sa lam, ta baa rak ta zal ja laa li wal ik rom. Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r. Ol lo hum ma laa ma ni a’ li maa a’ toi ta, wa laa mua’ ti ya li maa ma na’ ta, wa laa yan fa u’ zal jad di min kal jad.”⁽⁸⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

68-

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَلَا نَعْبُدُ إِلَّا إِيَّاهُ، لَهُ النِّعْمَةُ وَلَهُ الْفَضْلُ وَلَهُ الثَّنَاءُ الْحَسَنُ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ وَلَوْ كَرِهَ الْكَافِرُونَ}

⁽⁸⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Đấng Bình An và sự bình an được đến từ Ngài. Ngài là Đấng có quyền uy tối cao và rộng lượng, Ngài đã ban sự may mắn và hạnh phúc. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Lạy Allah, sẽ không có uy quyền nào ngăn cản với những gì Ngài đã ban phát cũng như không có quyền thế nào ban phát trong khi Ngài đã ngăn cấm và cũng không có sự giàu có nào giúp đỡ được bản thân y đối với Ngài (ngoại trừ những việc làm tốt đẹp).}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r. Laa haw la wa laa qu wa ta il laa bil lah. Laa i laa ha il lol loh, wa laa na’ bu du il laa i yaa hu, la hun ne’ ma tu, wa la hul fodh lu, wa la huth tha naa ul ha san. Laa i laa ha il lol lo hu mukh li si na la hud d.i.n, wa law ka ri hal kaa fi roon.”⁽⁸⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

69- Đọc mỗi câu dưới đây ba mươi ba lần.

{سُبْحَانَ اللَّهِ} “Sub haa nol loh”⁽⁸⁶⁾

{وَالْحَمْدُ لِلَّهِ} “Wal ham du lil lah”⁽⁸⁷⁾

{وَاللَّهُ أَكْبَرُ} “Wol lo hu ak bar”⁽⁸⁸⁾

Đọc một lần câu:

⁽⁸⁵⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, bày tôi không tôn thờ (bất cứ thần linh nào) ngoại trừ Ngài (duy nhất), mọi hồng ân, mọi sự ưu đãi và mọi lời ca ngợi tán dương tốt đẹp đều là của Ngài. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, thành tâm thờ phụng Ngài cho dù có bị bọn ngoại đạo ganh ghét.}

⁽⁸⁶⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah}

⁽⁸⁷⁾ Ý nghĩa: {Và mọi lời ca ngợi đều kính dâng Allah}

⁽⁸⁸⁾ Ý nghĩa: {Và Allah vĩ đại nhất}

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r.”⁽⁸⁹⁾

Và Rasul صلى الله عليه وسلم nói: “**Ai tụng niệm như thế sau mỗi lần Salah thì y tội lỗi của y được xóa sạch cho dù có nhiều như bọt biển.**” Hadith do Muslim ghi.

70- Đọc mỗi chương một lần sau Salah Al-Zuhr, Salah Al-A’sr và Salah Al-I’sha, đọc ba lần sau Salah Al-Fajr và Salah Al-Maghrib:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ro j.i.m”⁽⁹⁰⁾

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

“Bis mil la hir roh maa nir ro h.i.m”⁽⁹¹⁾

⁽⁸⁹⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

⁽⁹⁰⁾ Ý nghĩa: Bề tôi cầu xin Allah bảo vệ tránh khỏi Shayton đáng bị nguyên rủa.

⁽⁹¹⁾ Nhân danh Allah, Đấng Rất Mực Độ Lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung.

﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ① اللَّهُ الصَّمَدُ ② لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ③ وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ ④﴾ (92)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ① مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ② وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ③ وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ④ وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ⑤﴾ (93)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ① مَلِكِ النَّاسِ ② إِلَهِ النَّاسِ ③ مِنْ شَرِّ أَلْوَسَايِ الْخَنَّاسِ ④ الَّذِي يُوَسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ⑤ مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ⑥﴾ (94)

(92) Ý nghĩa: ﴿(Hỡi Muhammad) hãy nói (với những người Do Thái, người Thiên Chúa Giáo và những kẻ thờ đa thần): “Ngài là Allah, Đấng duy nhất * Allah là Đấng tự hữu, Đấng độc lập mà tất cả (vạn vật) phải nhờ và * Ngài không sinh để ra ai và cũng không do ai sinh ra * Và không một ai (hay vật gì) có thể so sánh với Ngài đặng.”﴾ Al-Ikhlâas (chương 112).

(93) Ý nghĩa: ﴿Hãy nói (hỡi Muhammad): “Tôi cầu xin Thượng Đế (Đấng Chúa Tể) của buổi rạng đông che chở * Tránh khỏi sự tác hại của những vật mà Ngài đã tạo * Và khỏi sự tác hại của màn đêm khi nó bao phủ * Và khỏi sự tác hại của những kẻ thổi (phù phép) vào những chiếc gút thắt * Và khỏi sự hãm hại của những kẻ đố kỵ khi họ ganh tị.”﴾ Chương Al-Falaq.

(94) Ý nghĩa: ﴿Hãy nói (hỡi Muhammad): “Ta cầu xin Thượng Đế (Đấng Chúa Tể) của nhân loại * Đức Vua của nhân loại * Thượng Đế của nhân loại * (Che chở) tránh khỏi sự hãm hại của kẻ thù thì thào (lời xúi giục) rồi lẫn mắt * Kẻ thì

71-

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ لَهُ مَا فِي السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ﴾ (95)

72- Đọc mười lần sau Salah Al-Fajr và Salah Al-Maghrib:

{ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ، يُحْيِي وَيُمِيتُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ }

*thào (những điều tác hại) vào lòng người * Thuộc loài Jin (ma) và loài người.”﴾* Chương Al-Nas.

(95) Ý nghĩa: ﴿Allah! Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Đấng Hằng Sống, Đấng Tự Hữu và Nuôi Dưỡng vạn vật, Ngài không buồn ngủ, cũng không ngủ. Mọi vật trong các tầng trời và đất đều là của Ngài. Ai là người có thể can thiệp được với Ngài nếu không có sự cho phép của Ngài? Ngài biết điều xảy ra trước họ và điều xảy ra sau họ. Họ không thể bao quát được sự hiểu biết của Ngài về bất cứ điều gì ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho họ biết. Ngài Vương của Ngài bao trùm cả các tầng trời và đất; và việc quản lý trời đất không làm cho Ngài mỗi mệt bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Chí Đại.﴾ Al-Baqarah: 255 (chương 2).

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, yuh yi wa yu mit, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r.”⁽⁹⁶⁾

Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “**Ai tụng niệm như thế mười lần thì y được viết mười điều tốt đồng thời được xóa đi mười điều xấu và được nâng lên mười cấp.**” Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

73- Đọc một lần sau Salah Al-Fajr.

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ عِلْمًا نَافِعًا، وَرِزْقًا طَيِّبًا، وَعَمَلًا مُتَقَبَّلًا}

“**Oi lo hum ma in ni as a lu ka i’l man naa fi a’**, wa riz qon toi yi ba, wa a’ ma lan mu ta qob ba la.”⁽⁹⁷⁾
Hadith do Ahmad và Ibnu Majaah ghi.

26- Lời cầu xin trong Salah Is-ti-kho-roh⁽⁹⁸⁾

74- Ông Jabir رضي الله عنه kể: “*Nabi صلی اللہ علیہ وسلم dạy chúng tôi Salah Is-ti-kho-roh giống như Người dạy chúng tôi một chương Kinh trong Qur’an vậy, Người nói: “**Khi ai đó gặp phải vấn đề quan trọng (bị lưỡng lự) thì hãy dâng lễ Salah hai Rak-at ngoài năm lần Salah bắt buộc.**” (sau đó đọc lời cầu xin dưới đây trước khi cho Salam).*

⁽⁹⁶⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài, Đấng Phục Sinh, Đấng Giết Chết và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

⁽⁹⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi cầu xin Ngài ban cho sự hiểu biết có lợi, ban cho bổng lộc tốt đẹp và chấp nhận việc thờ phượng của bề tôi.}

⁽⁹⁸⁾ Salah Is-ti-kho-roh là Salah cầu xin Allah chọn nên làm việc nào khi bị lưỡng lự.

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْتَخِيرُكَ بِعِلْمِكَ، وَأَسْتَقْدِرُكَ بِقُدْرَتِكَ، وَأَسْأَلُكَ مِنْ فَضْلِكَ الْعَظِيمِ، فَإِنَّكَ تَقْدِرُ وَلَا أَقْدِرُ، وَتَعْلَمُ وَلَا أَعْلَمُ، وَأَنْتَ عَلَامُ الْغُيُوبِ. اللَّهُمَّ إِنْ كُنْتَ تَعْلَمُ أَنَّ هَذَا الْأَمْرَ (nêu vấn đề) خَيْرٌ لِي فِي دِينِي، وَمَعَاشِي وَعَاقِبَةِ أَمْرِي (hoặc thêm) عَاجِلِهِ وَأَجَلِهِ) فَاقْدُرْهُ لِي، وَيَسِّرْهُ لِي، ثُمَّ بَارِكْ لِي فِيهِ، وَإِنْ كُنْتَ تَعْلَمُ أَنَّ هَذَا الْأَمْرَ شَرٌّ لِي فِي دِينِي وَمَعَاشِي وَعَاقِبَةِ أَمْرِي (hoặc thêm) عَاجِلِهِ وَأَجَلِهِ) فَاصْرِفْهُ عَنِّي، وَاصْرِفْني عَنْهُ، وَاقْدُرْ لِي الْخَيْرَ حَيْثُ كَانَ، ثُمَّ أَرْضِنِي بِهِ }

“Ol lo hum ma in ni as ta khi ru ka bi i’l mik, wa as taq di ru ka bi duq ro tik, wa as a lu ka min fodh li kal a’ zim, fa in na ka taq di ru wa laa aq dir, wa ta’ la mu wa laa a’ lam, wa an ta a’l laa mul ghu yub. Ol lo hum ma in kun ta ta’ la mu an na haa zal am ro (nếu vấn đề) khoi run li fi di ni, wa ma ã’ shi wa ã’ qi ba ti am ri (hoặc thêm: ã’ ji li hi wa ã’ ji lih) faq dur hu li, wa yas sir hu li, thum ma baa rik li fi hi; wa in kun ta ta’ la mu an na haa zal am ro shar run li fi di ni wa ma ã’ shi wa ã’ qi ba ti am ri (hoặc thêm: ã’ ji li hi wa ã’ ji lih) fos rif hu a’n ni, wos rif ni a’n hu, woq dur li yal khoi ro hai thu maa kaan, thum ma ar dhi ni bih.”⁽⁹⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽⁹⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin điều tốt, điều có lợi trong kiến thức của Ngài, cầu xin ban cho bẻ tôi năng lực vì Ngài là Đấng có sức mạnh vô biên, cầu xin sự ưu đãi vĩ đại nơi Ngài, bởi Ngài có sức mạnh còn bẻ tôi thì không, Ngài am tường tất cả mọi việc huyền bí còn bẻ tôi thì không. Lạy Allah, nếu như vấn đề này tốt cho tôn giáo, tốt cho cuộc sống và tốt cho kết

Rasul صلى الله عليه وسلم nói: “Ai đã cầu xin Allah như thế thì không bao giờ hối hận với việc đã làm, kể tiếp tham khảo ý kiến những người Muslim đức hạnh sau đó cố gắng thực hiện việc đã định. Allah phán:

﴿وَشَاوِرْهُمْ فِي الْأَمْرِ فَإِذَا عَزَمْتَ فَتَوَكَّلْ عَلَى اللَّهِ إِنَّ اللَّهَ يُحِبُّ

الْمُتَوَكِّلِينَ ﴿١٥٩﴾ آل عمران: 159

﴿Và hãy tham khảo ý kiến họ trong công việc (chung), đến một khi Người có quyết định rồi thì hãy phó thác cho Allah bởi vì Allah luôn thương yêu những ai phó thác công việc vì Ngài.﴾ Ali I’raan: 159 (chương 3).”

27- Lời tụng niệm vào mỗi sáng và mỗi chiều.

75- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều.

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ro j.i.m”⁽¹⁰⁰⁾

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ لَهُ مَا فِي

السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا

quả cuối cùng của bề tôi thì hãy ban cho bề tôi có năng lực và sự dễ dàng khi thực hiện, rồi hãy ban phúc lành vào việc làm này cho bề tôi. Bằng ngược lại, việc này sẽ gây bất lợi hại đến tôn giáo cũng như trong cuộc sống lẫn kết quả cuối cùng của bề tôi, xin hãy mang nó tránh xa bề tôi và hãy mang bề tôi tránh xa nó, và hãy đặt định mệnh lại cho bề tôi với những gì tốt đẹp hơn, rồi hãy khiến cho bề tôi hài lòng về những gì đã làm. }

⁽¹⁰⁰⁾ Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ
وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ
الْعَظِيمُ ﴿١٥٠﴾ (101)

76- Đọc các chương dưới đây mỗi chương ba lần vào mỗi sáng và mỗi chiều.

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

“(102) “Bis mil la hir roh maa nir ro h.i.m”

﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ۝ اللَّهُ الصَّمَدُ ۝ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ۝﴾ (1) ﴿وَلَمْ يَكُنْ
لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ ۝﴾ (103)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ۝﴾ (1) ﴿مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ۝﴾ (2)
﴿وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ۝﴾ (3) ﴿وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ۝﴾ (4) ﴿وَمِنْ شَرِّ
حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ۝﴾ (5) (104)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ۝﴾ (1) ﴿مَلِكِ النَّاسِ ۝﴾ (2)
﴿إِلَهِ النَّاسِ ۝﴾ (3) ﴿مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ۝﴾ (4) ﴿الَّذِي يُوسِّسُ فِي صُدُورِ
النَّاسِ ۝﴾ (5) ﴿مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ۝﴾ (6) (105)

(101) Xem ý nghĩa ở Hadith số 71.

(102) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

(103) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

(104) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

77- Đọc một lần vào mỗi sáng:

{أَصْبَحْنَا وَأَصْبَحَ الْمَلِكُ لِلَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. رَبِّ أَسْأَلُكَ خَيْرَ مَا فِي هَذَا الْيَوْمِ، وَخَيْرَ مَا بَعْدَهُ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا فِي هَذَا الْيَوْمِ، وَشَرِّ مَا بَعْدَهُ. رَبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْكَسَلِ، وَسَوْءِ الْكَبِيرِ، رَبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابٍ فِي النَّارِ، وَعَذَابٍ فِي الْقَبْرِ}

“Os bah naa, os ba hal mul ku lil lah, wal ham du lil lah, laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r; Rab bi as a lu ka khoi ro maa fi haa zal yaw mi, wa khoi ro maa ba’ dah; wa a u’ zu bi ka min shar ri maa fi haa zal yaw mi, wa shar ri maa ba’ dah. Rab bi a u’ zu bi ka mi nal ka sal, wa su il ki bar, rab bi a u’ zu bi ka min a’ zaa bin fin naar, wa a’ zaa bin fil qob ri.”⁽¹⁰⁶⁾ Hadith do Muslim ghi.

Khi về chiều thì đọc:

⁽¹⁰⁵⁾ Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

⁽¹⁰⁶⁾ Ý nghĩa: {Khi bình minh lên mọi quyền lực và mọi lời ca ngợi là của Allah. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Lạy Thượng Đế, bẻ tôi cầu xin Ngài mọi điều tốt đẹp của ngày hôm nay và của ngày mai. Và cầu xin Ngài che chở về mọi điều xấu của ngày hôm nay và của ngày mai. Lạy Thượng Đế, cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự lười biếng, tránh khỏi mọi tai nạn khủng khiếp, khỏi những hình phạt của hỏa ngục và hình phạt nơi cõi mộ.}

{أَمْسَيْنَا وَأَمْسَى الْمُلْكُ لِلَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. رَبِّ أَسْأَلُكَ خَيْرَ مَا فِي هَذِهِ اللَّيْلَةِ، وَخَيْرَ مَا بَعْدَهَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا فِي هَذِهِ اللَّيْلَةِ، وَشَرِّ مَا بَعْدَهَا. رَبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْكَسَلِ، وَسُوءِ الْكَبْرِ، رَبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابٍ فِي النَّارِ، وَعَذَابٍ فِي الْقَبْرِ}

“Am sai naa wa am sal mul ku lil lah, wal ham du lil lah, laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r; Rab bi as a lu ka khoi ro maa fi haa zi hil lai lah, wa khoi ro maa ba’ da ha; wa a u’ zu bi ka min shar ri maa fi haa zi hil lai lah, wa shar ri maa ba’ da ha. Rab bi a u’ zu bi ka mi nal ka sal, wa su il ki bar, rab bi a u’ zu bi ka min a’ zaa bin fin naar, wa a’ zaa bin fil qob ri”⁽¹⁰⁷⁾ Hadith do Muslim ghi.

78- Đọc một lần vào mỗi sáng:

⁽¹⁰⁷⁾ Ý nghĩa: {Khi hoàng hôn xuống mọi quyền lực và mọi lời ca ngợi là của Allah, không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Lạy Thượng Đế, bẻ tôi cầu xin Ngài mọi điều tốt đẹp của đêm hôm nay và của đêm mai. Và cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu của đêm nay và của đêm mai. Lạy Thượng Đế, cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự lười biếng, khỏi mọi tai nạn khủng khiếp, khỏi tất cả hình phạt của hỏa ngục và hình phạt dưới ngôi mộ.}

{اللَّهُمَّ بِكَ أَصْبَحْنَا، وَبِكَ أَمْسَيْنَا، وَبِكَ نَحْيَا، وَبِكَ نَمُوتُ،
وَإِلَيْكَ النُّشُورُ}

“Ol lo hum ma bi ka os bah naa, wa bi ka am sai naa, wa bi ka nah ya, wa bi ka na mut, wa i lai kan nu shur.”(108) Hadith do Abu Dawood ghi.

Khi về chiều thì đọc:

{اللَّهُمَّ بِكَ أَمْسَيْنَا، بِكَ وَأَصْبَحْنَا، وَبِكَ نَحْيَا، وَبِكَ نَمُوتُ،
وَإِلَيْكَ الْمَصِيرُ}

“Ol lo hum ma bi ka am sai naa, wa bi ka os bah naa, wa bi ka nah ya, wa bi ka na mut, wa i lai kal ma s.i.r.”(109) Hadith do Abu Dawood ghi.

79- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ أَنْتَ رَبِّي، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، خَلَقْتَنِي وَأَنَا عَبْدُكَ، وَأَنَا عَلَى عَهْدِكَ، وَوَعْدِكَ، مَا اسْتَطَعْتُ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا

(108) Ý nghĩa: {Mỗi sáng bình minh lên và mỗi chiều hoàng hôn xuống bày tôi nằm trong sự bảo vệ của Ngài. Ngài ban cho bày tôi sự sống và làm cho bày tôi chết rồi sau đó Ngài phục sinh bày tôi lại (để phán xử).}

(109) Ý nghĩa: {Mỗi chiều hoàng hôn xuống và mỗi sáng bình minh lên bày tôi nằm trong sự bảo vệ của Ngài. Ngài ban cho bày tôi sự sống và làm cho bày tôi chết rồi sau đó Ngài phục sinh bày tôi lại (để phán xử).}

صَنَعْتُ، أَبُوءُ لَكَ بِنِعْمَتِكَ عَلَيَّ، وَأَبُوءُ لَكَ بِذَنْبِي، فَاعْفِرْ لِي،
فَإِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ {

“Ol lo hum ma an ta rab bi, laa i laa ha il laa an ta, kho laq ta ni, wa a na a’b duk, wa a na a’ la a’ h di ka, wa wa’ di ka, mas ta to’ tu, a u’ zu bi ka min shar ri maa so na’ tu, a bu u la ka bi ne’ ma ti ka a’ lai, wa a bu u la ka bi zam bi, fagh fir li, fa in na hu laa yagh fi ruz zu nu ba il laa an ta.”⁽¹¹⁰⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai nói lời cầu xin này bằng niềm tin (của con tim) vào mỗi tối sau đó bị chết trước khi trời sáng thì y được vào thiên đàng, tương tự như thế khi đọc vào mỗi sáng sau đó bị chết trước khi hoàng hôn xuống thì y được vào thiên đàng.” Do Al-Bukhari ghi.

80- Đọc bốn lần vào mỗi sáng:

⁽¹¹⁰⁾ Ý nghĩa : {Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của bề tôi, không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Ngài đã tạo hóa ra bề tôi, và bề tôi là nô lệ để tôn thờ Ngài. Bề tôi xin hứa, giao ước rằng chỉ tôn thờ Ngài duy nhất và làm theo mệnh lệnh của Ngài với tất cả mọi khả năng (có thể), bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu mà bề tôi đã làm. Xin thừa nhận mọi hồng ân mà Ngài đã ban và xin thừa nhận những tội lỗi mà bề tôi đã phạm, vì thế cầu xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi. Quả thực, không có ai có khả năng tha thứ tội lỗi mà chỉ có Ngài. }

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَصْبَحْتُ أُشْهِدُكَ، وَأُشْهِدُ حَمَلَةَ عَرْشِكَ،
وَمَلَائِكَتَكَ، وَجَمِيعَ خَلْقِكَ، أَنَّكَ أَنْتَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ وَحْدَكَ
لَا شَرِيكَ لَكَ، وَأَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُكَ وَرَسُولُكَ }

“Ol lo hum ma in ni os bah tu ush hi du ka, wa ush hi du ha ma la ta a’r shik, wa ma laa i ka tak, wa ja mi a’ khol qik, an na ka an tol lo hu laa i laa ha il laa an ta wah da ka laa sha ri ka lak, wa an na mu ham ma dan a’b du ka wa ro su luk.”

Và đọc bốn lần mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ إِنِّي أُمْسَيْتُ أُشْهِدُكَ، وَأُشْهِدُ حَمَلَةَ عَرْشِكَ،
وَمَلَائِكَتَكَ، وَجَمِيعَ خَلْقِكَ، أَنَّكَ أَنْتَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ وَحْدَكَ
لَا شَرِيكَ لَكَ، وَأَنَّ مُحَمَّدًا عَبْدُكَ وَرَسُولُكَ }

“Ol lo hum ma in ni am sai tu ush hi du ka, wa ush hi du ha ma la ta a’r shik, wa ma laa i ka tak, wa ja mi a’ khol qik, an na ka an tol lo hu laa i laa ha il laa an ta wah da ka laa sha ri ka lak, wa an na mu ham ma dan a’b du ka wa ro su luk.”⁽¹¹¹⁾ Hadith do Al-Bukhari và Abu Dawood ghi.

⁽¹¹¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi xin tuyên thệ trước Ngài vào buổi sáng (vào buổi chiều), xin xác nhận các Thiên Thần gánh Ngai Vương của Ngài, các Thiên Thần (xung quanh) Ngài và tất cả mọi tạo vật của Ngài. Quả thực, Ngài là Allah mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài duy nhất không có cộng tác với Ngài và Muhammad là bề tôi cũng là Thiên Sứ của Ngài.}

81- Đọc một lần vào mỗi sáng:

{اللَّهُمَّ مَا أَصْبَحَ بِي مِنْ نِعْمَةٍ أَوْ بِأَحَدٍ مِنْ خَلْقِكَ فَمِنْكَ،
وَحَدِّكَ لَا شَرِيكَ لَكَ، فَלَكَ الْحَمْدُ وَلَكَ الشُّكْرُ}

“Ol lo hum ma maa os ba ha bi min ne’ ma tin, aw bi a ha din min khol qi ka, fa min ka wah da ka laa sha ri ka lak, fa la kal ham du wa la kash shuk ru.”

Đọc một lần vào mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ مَا أَمْسَى بِي مِنْ نِعْمَةٍ أَوْ بِأَحَدٍ مِنْ خَلْقِكَ فَمِنْكَ،
وَحَدِّكَ لَا شَرِيكَ لَكَ، فَلَكَ الْحَمْدُ وَلَكَ الشُّكْرُ}

“Ol lo hum ma maa am saa bi min ne’ ma tin, aw bi a ha din min khol qi ka, fa min ka wah da ka laa sha ri ka lak, fa la kal ham du wa la kash shuk ru.”⁽¹¹²⁾
Hadith do Abu Dawood và Al-Nasaa-i ghi.

82- Đọc ba lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ عَافِنِي فِي بَدَنِي، اللَّهُمَّ عَافِنِي فِي سَمْعِي، اللَّهُمَّ عَافِنِي فِي
بَصْرِي، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْكُفْرِ وَالْفَقْرِ،
وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ}

“Ol lo hum ma ã’ fi ni fi ba da ni, ol lo hum ma ã’ fi ni fi sam i’, ol lo hum ma ã’ fi ni fi ba so ri, laa i laa ha il

⁽¹¹²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, mọi hồng ân vào mỗi sáng (và mỗi chiều) của bề tôi là do Ngài duy nhất ban tặng không có ai cộng tác với Ngài, tất cả mọi lời ca ngợi, mọi lời tán dương, mọi lời tạ ơn đều dâng lên Ngài.}

laa an ta. Ol lo hum ma in ni a u' zu bi ka mi nal kuf ri, wal faq ri, wa a u' zu bi ka min a' zaa bil qob ri, laa i laa ha il laa an ta.”(113) Hadith do Abu Dawood ghi.

83- Đọc bảy lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{حَسْبِيَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ، عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ، وَهُوَ رَبُّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ}

“Has bi yol lo hu laa i laa ha il laa hu, a' lai hi ta wak kal tu, wa hu wa rab bul a'r shil a' zim.”(114) Hadith do Abu Dawood và Al-Sani ghi.

84- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْعَفْوَ، وَالْعَافِيَةَ فِي الدُّنْيَا وَالْآخِرَةِ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْعَفْوَ، وَالْعَافِيَةَ فِي دِينِي، وَدُنْيَايَ، وَأَهْلِي، وَمَالِي. اللَّهُمَّ اسْتُرْ عَوْرَاتِي، وَآمِنْ رَوْعَاتِي. اللَّهُمَّ احْفَظْنِي مِنْ بَيْنَ

(113) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban sự lành mạnh cho cơ thể bề tôi, cho thính giác của bề tôi, cho thị giác của bề tôi. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài. Lạy Allah, xin Ngài che chở về sự kufr (phản đạo), sự nghèo khổ và sự hành hạ nơi cõi mộ. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài.}

(114) Ý nghĩa: {Allah thừa khả năng giúp đỡ bề tôi, bởi không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, bề tôi ủy thác cho Ngài và Ngài là Chủ Nhân của ngai vương vĩ đại.}

يَدَيَّ، وَمِنْ خَلْفِي، وَعَنْ يَمِينِي، وَعَنْ شِمَالِي، وَمِنْ فَوْقِي،
وَأَعُوذُ بِعَظَمَتِكَ أَنْ أُغْتَالَ مِنْ تَحْتِي {

“Ol lo hum ma in ni as a lu kal a’f wa, wal a’ fi ya ta fid dun ya wal ā khi roh. Ol lo hum ma in ni as a lu kal a’f wa, wal a’ fi ya ta fi di ni, wa dun yai, wa ah li, wa maa li. Ol lo hum mas tur a’w ro ti, wa ā min raw ā’ ti. Ol lo hum mah fodh ni min bai na ya dai, wa min khol fi, wa a’n ya mi ni, wa a’n shi maa li, wa min faw qi, wa a u’ zu b a’ zo ma ti ka an ugh taa la min tah ti.” (115) Hadith do Abu Dawood, Ibnu Majaah và Ahmad ghi.

85- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ عَالِمَ الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، فَاطِرَ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ، رَبَّ كُلِّ شَيْءٍ وَمَلِيكَهُ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ نَفْسِي، وَمِنْ شَرِّ الشَّيْطَانِ وَشَرِّكَ، وَأَنْ أَقْتَرِفَ عَلَى نَفْسِي سُوءًا، أَوْ أُجْرَهُ إِلَى مُسْلِمٍ }

(115) Ý nghĩa: {Lạy Allah, cầu xin Ngài tha thứ và ban cho lành mạnh ở trần gian và ngày sau. Cầu xin Ngài tha thứ và ban cho lành mạnh trong tôn giáo, trong cuộc sống trần gian, trong gia đình và trong tài sản. Lạy Allah, xin hãy che đậy những phần kín của bề tôi và hãy ban cho bề tôi sự an nhàn. Xin hãy bảo vệ bề tôi từ phía trước, từ phía sau, từ bên phải, từ bên trái, từ phía trên và bề tôi cầu xin bởi sự Oai Vệ của Ngài che chở khỏi sự nắm kéo bất ngờ từ phía dưới.}

“Ol lo hum ma ã’ li mal ghoi bi wash sha haa dah, faa ti ros sa maa waa ti wal ardh, rab ba kul li shai in wa ma li kah, ash ha du al laa i laa ha il laa an ta, a u’ zu bi ka min shar ri naf si, wa min shar rish shai to ni wa shir kih, wa an aq ta ri fa a’ la naf si su an, aw a jur ro hu i la mus lim.”⁽¹¹⁶⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

86- Đọc ba lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{بِسْمِ اللَّهِ الَّذِي لَا يَضُرُّ مَعَ اسْمِهِ شَيْءٌ فِي الْأَرْضِ، وَلَا فِي السَّمَاءِ، وَهُوَ السَّمِيعُ الْعَلِيمُ}

“Bis mil la hil la zi laa ya dhur ru ma a’s mi hi shai in fil ar dhi, wa laa fis sa maa, wa hu was sa mi u’l a’ lim.”⁽¹¹⁷⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Ibnu Majaah và Ahmad ghi.

87- Đọc ba lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{رَضِيتُ بِاللَّهِ رَبًّا، وَبِالْإِسْلَامِ دِينًا، وَبِمُحَمَّدٍ ﷺ نَبِيًّا}

⁽¹¹⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Đấng am tường mọi việc huyền bí và hiện tại, Đấng tạo dựng lên trời đất, Thượng Đế của tất cả vạn vật và quyền cai quản thuộc về Ngài, bẻ tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu của bản thân, của Shayton và sự tổ hợp của hấn, và cầu xin hãy bao dung khi bẻ tôi phạm tội và truyền bá (tội lỗi đó) cho người Muslim khác.}

⁽¹¹⁷⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, Đấng mà không có vật gì trên trời hay dưới đất làm ảnh hưởng đến Đại Danh của Ngài và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Am Tường.

“Ro dhi tu bil la hi rab ba, wa bil is laa mi di nan, wa bi mu ham ma din – so lol lo hu a’ lai hi wa sal lam – na bi ya.”⁽¹¹⁸⁾ Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi.

88- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{ يَا حَيُّ يَا قَيُّوْمُ بِرَحْمَتِكَ أَسْتَغِيْثُ، أَصْلِحْ لِيْ شَأْنِيْ كَلِّهْ، وَلَا تَكْنِيْ إِلَى نَفْسِيْ طَرْفَةَ عَيْنٍ }

“Yaa hai yu, yaa qoi yu mu bi roh ma ti ka as ta ghith, os leh li sha ni kul lah, wa laa ta kil ni i la naf si tor fa ta a’in.”⁽¹¹⁹⁾ Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi.

89- Đọc một lần vào mỗi sáng:

{ أَصْبَحْنَا وَأَصْبَحَ الْمُلْكُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَ هَذَا الْيَوْمِ: فَتْحَهُ، وَنَصْرَهُ، وَنُورَهُ، وَبَرَكَتَهُ، وَهُدَاهُ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا فِيهِ، وَشَرِّ مَا بَعْدَهُ }

“Os bah naa wa os ba hal mul ku lil la hi rab bil ã’ la min. Ol lo hum ma in ni as a lu ka khoi ro haa zal yaw mi: fat ha hu, wa nos ro hu, wa nu ro hu, wa ba ro ka ta hu, wa hu daa hu, wa a u’ zu bi ka min shar ri maa

⁽¹¹⁸⁾ Ý nghĩa: {Tôi đã hài lòng chấp nhận Allah là Thượng Đế, chấp nhận Islam là tôn giáo và chấp nhận Muhammad صلی اللہ علیہ وسلم là Thiên Sứ.}

⁽¹¹⁹⁾ Ý nghĩa: {Hỡi Đấng Hằng Sống, hỡi Đấng Bất Diệt, với lòng yêu thương của Ngài bẻ tôi cầu xin phúc lộc, xin Ngài hãy cải thiện mọi vụ việc của bẻ tôi và đừng bỏ mặt bẻ tôi dù chỉ là nháy mắt.}

fi hi, wa shar ri maa ba' dah.”(120) Hadith do Abu Dawood ghi.

Khi về chiều thì đọc:

{أَمْسَيْنَا أَمْسَى الْمَلِكِ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَ هَذِهِ
اللَّيْلَةِ: فَتَحَهَا، وَنَصْرَهَا، وَنُورَهَا، وَبَرَكَتَهَا، وَهَدَاهَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ
شَرِّ مَا فِيهَا، وَشَرِّ مَا بَعْدَهَا}

“Am sai naa, wa am sal mul ku lil la hi rab bil ā’ la min. Ol lo hum ma in ni as a lu ka khoi haa zi hi lai lah: fat ha ha, wa nos ro ha, wa nu ro ha, wa ba ro ka ta ha, wa hu daa ha, wa a u’ zu bi ka min shar ri maa fi ha, wa shar ri maa ba’ da ha.”(121) Hadith do Abu Dawood ghi.

90- Đọc một lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

(120) Ý nghĩa: {Khi bình minh lên và khi hoàng hôn xuống mọi quyền lực và mọi lời ca ngợi là của Allah Đấng Chúa Tể của vũ trụ. Lạy Allah, cầu xin Ngài sự rộng mở, sự giúp đỡ, ánh sáng, sự may mắn và sự hướng dẫn tốt đẹp nhất của ngày hôm nay. Và cầu xin Ngài che chở tránh khỏi mọi điều xấu, điều bất lợi của ngày hôm nay và ngày mai.}

(121) Ý nghĩa: {Khi hoàng hôn xuống và khi bình minh lên mọi quyền lực và mọi lời ca ngợi là của Allah Đấng Chúa Tể của vũ trụ. Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài sự rộng mở, sự giúp đỡ, ánh sáng, sự may mắn và sự hướng dẫn tốt đẹp nhất của đêm nay. Và cầu xin Ngài che chở tránh khỏi mọi điều xấu, điều bất lợi của đêm nay và đêm mai.}

{أَصْبَحْنَا عَلَى فِطْرَةِ الْإِسْلَامِ، وَعَلَى كَلِمَةِ الْإِخْلَاصِ، وَعَلَى
دِينِ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ، وَعَلَى مِلَّةِ أَبِيْنَا
إِبْرَاهِيمَ، حَنِيفًا مُسْلِمًا، وَمَا كَانَ مِنَ الْمُشْرِكِينَ}

“Os bah naa a’ la fit ro til is laam, wa a’ la ka li ma til
ikh los, wa a’ la di ni na bi yi naa mu ham mad sol lol
lo hu a’ lai hi wa sal lam, wa a’ la mil la ti a bi naa ib
ro him, ha ni fan mus li ma, wa maa kaa na mi nal
mush ri kin.”

Buổi chiều thì đọc:

{أَمْسَيْنَا عَلَى فِطْرَةِ الْإِسْلَامِ، وَعَلَى كَلِمَةِ الْإِخْلَاصِ، وَعَلَى
دِينِ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ، وَعَلَى مِلَّةِ أَبِيْنَا
إِبْرَاهِيمَ، حَنِيفًا مُسْلِمًا، وَمَا كَانَ مِنَ الْمُشْرِكِينَ}

“Am sai naa a’ la fit ro til is laam, wa a’ la ka li ma til
ikh los, wa a’ la di ni na bi yi naa mu ham mad sol lol
lo hu a’ lai hi wa sal lam, wa a’ la mil la ti a bi naa ib
ro him, ha ni fan mus li ma, wa maa kaa na mi nal
mush ri kin.”⁽¹²²⁾ Hadith do Ahmad ghi.

91- Đọc một trăm lần vào mỗi sáng và mỗi
chiều câu:

⁽¹²²⁾ Ý nghĩa: {Khi bình minh lên và khi hoàng hôn đến bày tôi
sống trên con đường Islam, bằng sự thành tâm (trong sự tôn
thờ), ở trên tôn giáo của Nabi Muhammad صلى الله عليه وسلم của bày tôi và
trên giáo phái của tổ tiên Ibrahim, đó là giáo phái chính thống
Muslim chứ không phải là những người thờ đa thần.}

{سُبْحَانَ اللَّهِ وَبِحَمْدِهِ}

“Sub haa nol lo hi wa bi ham dih.”⁽¹²³⁾ Hadith do Muslim ghi.

92- Đọc mười lần hoặc một lần khi thấy lười biếng.

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r.”⁽¹²⁴⁾

93- Đọc một trăm lần vào mỗi sáng.

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r.”

94- Đọc ba lần vào mỗi sáng:

⁽¹²³⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương.}

⁽¹²⁴⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

{سُبْحَانَ اللَّهِ وَبِحَمْدِهِ عَدَدَ خَلْقِهِ وَرِضَا نَفْسِهِ وَزِنَةَ عَرْشِهِ
وَمِدَادَ كَلِمَاتِهِ}

“Sub haa nol lo hi wa bi ham di hi a’ da da kho qih, wa ri dho naf sih, wa zi na ta a’r shih, wa mi daa da ka li maa tih.”⁽¹²⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

95- Đọc một lần vào mỗi sáng:

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ عِلْمًا نَافِعًا، وَرِزْقًا طَيِّبًا، وَعَمَلًا مُتَقَبَّلًا}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka i’l man naa fi a’, wa riz qon toi yi ba, wa a’ ma lan mu ta qob ba la.”⁽¹²⁶⁾ Hadith do Ahmad và Ibnu Majaah ghi.

96- Nói một trăm lần trong ngày:

{أَسْتَغْفِرُ اللَّهَ وَأَتُوبُ إِلَيْهِ}

“As tagh fi rul loh, wa a tu bu i lai hi.”⁽¹²⁷⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

97- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai cầu xin vào buổi chiều ba lần câu:

⁽¹²⁵⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Allah, với muôn vạn tạo hóa của Ngài, sự tự hào lòng của Ngài cũng như sự vĩ đại chiếc ngai vương của Ngài cùng với sự phong phú ngôn từ của Ngài, xin kính dâng lên Ngài mọi ca ngợi và tán dương. }

⁽¹²⁶⁾ Ý nghĩa: { Lạy Allah, bề tôi cầu xin Ngài ban cho sự hiểu biết có lợi, ban cho bổng lộc tốt đẹp và chấp nhận việc thờ phượng của bề tôi. }

⁽¹²⁷⁾ Ý nghĩa: { Cầu xin Allah hãy tha tội lỗi cho bề tôi và bề tôi quay về sám hối với Ngài. }

{أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ، مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ}

“A u’ zu bi ka li maa til la hit taam maat, min shar ri maa kho laq.” thì không có gì hại đến y trong đêm đó.”⁽¹²⁸⁾ Hadith do Muslim và Al-Tirmizhi ghi.

98- Đọc mười lần vào mỗi sáng và mỗi chiều:

{اللَّهُمَّ صَلِّ وَسَلِّمْ عَلَى نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ}

“Ol lo hum ma sol li wa sal lim a’ la na bi yi naa mu ham mad.”⁽¹²⁹⁾

28- Lời tụng niệm trước khi ngủ.

99- Nabi صلی الله علیه وسلم dạy: “Đọc những chương Kinh dưới đây sau đó phun vào hai bàn tay và chùi lên người từ đầu đến chân bắt đầu từ đầu, mặt. . .” (làm như thế ba lần) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ro j.i.m”⁽¹³⁰⁾

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

“Bis mil la hir roh maa nir ro h.i.m”⁽¹³¹⁾

⁽¹²⁸⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin lời phán hoàn hảo của Allah che chở tránh khỏi mọi điều xấu và điều bất lợi mà Ngài đã tạo}

⁽¹²⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban hồng phúc và sự bình an cho Nabi Muhammad của bầy tôi.}

⁽¹³⁰⁾ Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

⁽¹³¹⁾ Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ① اللَّهُ الصَّمَدُ ② لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ③ وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ ④﴾ (132)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ① مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ② وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ③ وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ④ وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ⑤﴾ (133)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ① مَلِكِ النَّاسِ ② إِلَهِ النَّاسِ ③ مِنْ شَرِّ أَلْوَسَايِ الْخَنَّاسِ ④ الَّذِي يُوَسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ⑤ مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ⑥﴾ (134)

100-

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ لَهُ مَا فِي السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ ①﴾ (135)

101-

(132) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

(133) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

(134) Xem ý nghĩa ở Hadith số 70.

(135) Xem ý nghĩa ở Hadith số 71.

﴿عَامَنَ الرَّسُولُ بِمَا أُنزِلَ إِلَيْهِ مِنْ رَبِّهِ وَالْمُؤْمِنُونَ كُلٌّ آمَنَ بِاللَّهِ
 وَمَلَائِكَتِهِ وَكُتُبِهِ وَرُسُلِهِ لَا نُفَرِّقُ بَيْنَ أَحَدٍ مِّنْ رُّسُلِهِ وَقَالُوا
 سَمِعْنَا وَأَطَعْنَا غُفْرَانَكَ رَبَّنَا وَإِلَيْكَ الْمَصِيرُ ﴿١٣٦﴾ لَا يُكَلِّفُ اللَّهُ
 نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَا لَهَا مَا كَسَبَتْ وَعَلَيْهَا مَا اكْتَسَبَتْ رَبَّنَا لَا
 تُؤَاخِذْنَا إِنْ نَسِينَا أَوْ أَخْطَأْنَا رَبَّنَا وَلَا تَحْمِلْ عَلَيْنَا إِصْرًا كَمَا
 حَمَلْتَهُ عَلَى الَّذِينَ مِنْ قَبْلِنَا رَبَّنَا وَلَا تُحَمِّلْنَا مَا لَا طَاقَةَ لَنَا بِهِ
 وَاعْفُ عَنَّا وَاعْفِرْ لَنَا وَارْحَمْنَا أَنْتَ مَوْلَانَا فَانصُرْنَا عَلَى الْقَوْمِ
 الْكَافِرِينَ ﴿١٣٦﴾﴾

(136) Ý nghĩa: ﴿Rasul (Muhammad) đã tin tưởng vào điều đã được mặc khải xuống cho Y từ Thượng Đế của Y và những người có đức tin (cũng tin tưởng như Y). Tất cả đều tin tưởng vào Allah, vào các Thiên Thần của Ngài, vào các Kinh Sách của Ngài, vào các Rasul của Ngài, bầy tôi không hề kỳ thị, không phân biệt bất cứ ai trong số Rasul đó, bầy tôi đã nghe rồi (lời mặc khải) và xin tuân lệnh (nhất nhất làm theo). Xin hãy dung thứ cho bầy tôi, hồi Thượng Đế và cuối cùng bầy tôi sẽ phải trở về trình diện Ngài * Allah không bắt một ai gánh nặng trách nhiệm quá khả năng của mình. Mỗi người hưởng được phúc về điều tốt mà y đã làm ra và chịu phạt về tội y đã gây ra. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt tội bầy tôi nếu bầy tôi có quên lãng hay sai lầm. Lạy Thượng Đế bầy tôi, xin chớ bắt bầy tôi gánh vác công việc cực nhọc như Ngài đã bắt các thế hệ trước đã gánh vác. Lạy Thượng Đế bầy tôi, xin chớ bắt bầy tôi làm công việc vượt quá khả năng mình, xin hãy lượng thứ, bao dung và thương xót bầy tôi

102-

{بِاسْمِكَ رَبِّي وَضَعْتَ جَنِّي، وَبِكَ أَرْفَعُهُ، فَإِنْ أَمَسَكَتْ
نَفْسِي فَارْحَمْهَا، وَإِنْ أَرْسَلْتَهَا فَاحْفَظْهَا، بِمَا تَحْفَظُ بِهِ عِبَادَكَ
الصَّالِحِينَ }

“Bis mi ka rab bi wa dho’ tu jam bi, wa bi ka ar fa u’ hu, fa in am sak ta naf si far ham haa, wa in ar sal ta haa fah foz haa bi maa tah fa zu bi hi i’ baa da kos so li h.i.n.” (137) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

103-

{اللَّهُمَّ إِنَّكَ خَلَقْتَ نَفْسِي، وَأَنْتَ تَوَفَّاهَا، لَكَ مَمَاتُهَا، وَمَحْيَاهَا، إِنْ
أَحْيَيْتَهَا فَاحْفَظْهَا، وَإِنْ أَمَتَّهَا فَاعْفِرْ لَهَا، اللَّهُمَّ أَسْأَلُكَ الْعَافِيَةَ }

“Ol lo hum ma in na ka kho laq ta naf si, wa an ta ta waf faa haa, la ka ma maa tu haa, wa mah yaa haa, in ah yai ta haa fah foz haa, wa in a mat ta haa fagh la haa, ol lo hum ma as a lu kal ã’ fi yah.” (138) Hadith do Muslim và Ahmad ghi.

(nếu có sai lầm thiếu sót). Chính Ngài là Đấng Bảo Hộ cho bầy tôi, xin ban cho bầy tôi sự chiến thắng trước người ngoại đạo. ﴿ Al-Baqarah: 285 - 286 (chương 2).

(137) Ý nghĩa: {Nhân danh Ngài, Thượng Đế của bề tôi để nằm và thức dậy, giá như Ngài rút hồn bề tôi thì xin hãy thương xót nó và nêu Ngài cho nó trở lại sát thì xin hãy bảo vệ nó bằng sự bảo vệ nhóm người ngoan đạo. }

(138) Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Đấng tạo ra bề tôi và cũng là Đấng làm cho nó chết đi, Ngài là Đấng nắm trong tay cái chết và sự sống của bề tôi. Vì vậy, khi Ngài phục sinh nó, xin hãy

104-

{اللَّهُمَّ قِنِي عَذَابَكَ، يَوْمَ تَبْعَثُ عِبَادَكَ}

“Ol lo hum ma qi ni a’ zaa ba ka yaw ma tab a’ thu i’ baa dak.”⁽¹³⁹⁾ Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi.

105-

{بِاسْمِكَ اللَّهُمَّ أَمُوتُ وَأَحْيَا}

“Bis mi kol lo hum ma a mu tu wa ah ya.”⁽¹⁴⁰⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

106- Tụng niệm 33 lần câu:

{سُبْحَانَ اللَّهِ} “Sub haa nol loh”⁽¹⁴¹⁾

{وَالْحَمْدُ لِلَّهِ} “Wal ham du lil lah”⁽¹⁴²⁾

Và tụng niệm 34 lần câu:

{وَاللَّهُ أَكْبَرُ} “Wol lo hu ak bar”⁽¹⁴³⁾

107-

che chở bảo vệ nó tránh khỏi mọi điều xấu, còn khi Ngài rút hồn nó xin hãy dung thứ cho nó. Bề tôi cầu xin Ngài sự lành mạnh.}

⁽¹³⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy che chở bảo vệ bề tôi tránh khỏi hành phạt của Ngài vào ngày phục sinh nhân loại.}

⁽¹⁴⁰⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, vì Ngài mà bề tôi chết và cũng vì Ngài mà bề tôi sống.}

⁽¹⁴¹⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah}

⁽¹⁴²⁾ Ý nghĩa: {Và mọi lời ca ngợi đều kính dâng Allah}

⁽¹⁴³⁾ Ý nghĩa: {Và Allah vĩ đại nhất}

{اللَّهُمَّ رَبَّ السَّمَاوَاتِ السَّبْعِ، وَرَبَّ الْأَرْضِ، وَرَبَّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ، رَبَّنَا وَرَبَّ كُلِّ شَيْءٍ، فَالِقَ الْحَبِّ وَالنَّوَى، وَمُنزِلَ التَّوْرَةِ وَالْإِنْجِيلِ وَالْفُرْقَانِ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ كُلِّ شَيْءٍ، أَنْتَ آخِذٌ بِنَاصِيَتِهِ. اللَّهُمَّ أَنْتَ الْأَوَّلُ فَلَيْسَ قَبْلَكَ شَيْءٌ، وَأَنْتَ الْآخِرُ فَلَيْسَ بَعْدَكَ شَيْءٌ، وَأَنْتَ الظَّاهِرُ فَلَيْسَ فَوْقَكَ شَيْءٌ، وَأَنْتَ الْبَاطِنُ فَلَيْسَ دُونَكَ شَيْءٌ، اقْضِ عَنَّا الدَّيْنَ، وَأَغْنِنَا مِنَ الْفَقْرِ}

“Ol lo hum ma rab bas sa maa tis sab i’, wa rab bal ardh, wa rab bal a’r shil a’ zim, rab ba naa wa rab ba kul li shai, faa li qol hab bi wan na wa, wa mun zi lat taw ro ti, wal in ji li, wal fur qon, a u’ zu bi ka min shar ri kul li shai an ta ã khi zun bi naa si ya tih, ol lo hum ma an tal aw wal fa lai sa qob la ka shai, wa an tal aa khir fa lai sa ba’ da ka shai, wa an taz zo hir fa lai sa faw qo ka shai, wa an tal baa til fa lai sa du na ka shai, iq dhi a’n nad dai ni, wa ugh ni naa mi nal faq ri.”⁽¹⁴⁴⁾ Hadith do Muslim ghi.

⁽¹⁴⁴⁾ Ý nghĩa: “Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của các tầng trời và đất, là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại, là Chủ Nhân của bầy tôi và của tất cả, Ngài đã tạo hóa hạt giống và cho chúng đâm chồi, Ngài đã thiên khải Al-Tawraah (Kinh Cựu Ước), Injil (Kinh Tân Ước) và Thiên Kinh Qur’an. Bề tôi van cầu Ngài che chở mọi điều xấu bởi tất cả đều bị Ngài cai quản. Lạy Allah, Ngài là Đấng Đầu Tiên mà không có gì trước Ngài, Ngài là Đấng Cuối Cùng mà không có gì sau Ngài, Ngài là Đấng Cao Nhất không có gì bên trên Ngài, Ngài là Đấng Trung Tâm mà không có gì bên trong Ngài, xin hãy giúp bề tôi trả nợ, xin hãy cho bề tôi thoát nghèo giàu có.”

108-

{الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي أَطْعَمَنَا وَسَقَانَا وَكَفَانَا وَأَوَانَا فَكَمْ مِمَّنْ لَا كَافِيَ لَهُ
وَلَا مُتَوَى}

“Al ham du lil la hil la zi ot a’ ma naa, wa sa qo naa, wa ka faa naa, wa ã waa naa, fa kam mim man laa kaa fi ya la hu, wa laa mu wi.”⁽¹⁴⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

109-

{اللَّهُمَّ عَالِمَ الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، فَاطِرَ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ، رَبَّ كُلِّ شَيْءٍ وَمَلِيكَهُ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ نَفْسِي، وَمِنْ شَرِّ الشَّيْطَانِ وَشَرِّكَهِ، وَأَنْ أَقْتَرِفَ عَلَى نَفْسِي سُوءًا، أَوْ أَجُرَّهُ إِلَى مُسْلِمٍ}

“Ol lo hum ma ã’ li mal ghoi bi wash sha haa dah, faa ti ros sa maa waa ti wal ardh, rab ba kul li shai in wa ma li kah, ash ha du al laa i laa ha il laa an ta, a u’ zu bi ka min shar ri naf si, wa min shar rish shai to ni wa shir kih, wa an aq ta ri fa a’ la naf si su an, aw a jur ro hu i la mus lim.”⁽¹⁴⁶⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

⁽¹⁴⁵⁾ Ý nghĩa: “Xin tạ ơn Allah đã cho bề tôi thức ăn, thức uống và chỗ nghỉ ngơi trong khi có biết bao người không có ăn cũng không có nơi ngủ.”

⁽¹⁴⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Đấng am tường mọi việc huyền bí và hiện tại, Đấng tạo dựng lên trời đất, Thượng Đế của tất cả vạn vật và quyền cai quản thuộc về Ngài, bề tôi xin tuyên thệ

110- Đọc chương Al-Sajdah (số 32, trang 415) và chương Al-Mulk (số 67, trang 562).

111-

{اللَّهُمَّ أَسَلْتُ نَفْسِي إِلَيْكَ، وَفَوَّضْتُ أَمْرِي إِلَيْكَ، وَوَجَّهْتُ وَجْهِي إِلَيْكَ، وَأَلْجَأْتُ ظَهْرِي إِلَيْكَ، رَغْبَةً وَرَهْبَةً إِلَيْكَ، لَا مَلْجَأَ وَلَا مَنْجَا مِنْكَ إِلَّا إِلَيْكَ، آمَنْتُ بِكِتَابِكَ الَّذِي أَنْزَلْتَ، وَبِنَبِيِّكَ الَّذِي أَرْسَلْتَ}

“Ol lo hum ma as lam tu naf si i lai ka, wa faw wadh tu am ri i lai ka, wa waj jah tu waj hi i lai ka, wa al ja tu zoh ri i lai ka, ragh ba tan wa roh ba tan i lai ka, laa mal ja a wa laa man jaa min ka il laa i lai ka, ã man tu bi ki taa bi kal la zi an zal ta, wa bi na bi yi kal la zi ar sal ta”⁽¹⁴⁷⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

29- Lời cầu khi màn đêm đến.

112-

không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu của bản thân, của Shayton và sự tổ hợp của hắn, và cầu xin hãy bao dung khi bẻ tôi phạm tội và truyền bá (tội lỗi đó) cho người Muslim khác.}

⁽¹⁴⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi xin hướng cơ thể bẻ tôi đến Ngài, xin ủy thác mọi việc cho Ngài, hướng mặt bẻ tôi đến Ngài, xin nương tựa nơi Ngài bằng lòng kỳ vọng và lo sợ, không có nơi nương tựa nào ngoại trừ nương tựa vào Ngài. Lạy Allah, bẻ tôi đã tin rồi Kinh Sách mà Ngài đã thiên khai xuống và tin tưởng vị Nabi mà Ngài đã cử đến.}

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ الْوَاحِدُ الْقَهَّارُ، رَبُّ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ، وَمَا بَيْنَهُمَا
الْعَزِيزُ الْعَقَّارُ}

“Laa i laa ha il lol lo hul wa hi dul qoh haar, rab bus sa maa waa ti wal ardh, wa maa bai na hu mal a’ zi zul ghar faar.”⁽¹⁴⁸⁾ Hadith do Al-Al-Hakim, Al-Nasaa-i và Al-Sani ghi.

30- Lời cầu xin khi giât mình thức giấc nửa đêm hoặc ai gặp phải sợ hãi.

113-

{أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ مِنْ غَضَبِهِ وَعِقَابِهِ وَشَرِّ عِبَادِهِ وَمِنْ
هَمَزَاتِ الشَّيَاطِينِ وَأَنْ يَخْضُرُونَ}

“A u’ zu bi ka li maa til laa hit taam maat min ghodho bih, wa i’ qo bih, wa shar ri i’ baa dih, wa min ha ma zaa tish sha yaa tin, wa an yah dhu run.”⁽¹⁴⁹⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

31- Làm những việc sau khi thấy ác mộng.

114- a) Phun xương bên trái ba lần.

⁽¹⁴⁸⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất đầy uy quyền, Ngài là Chủ Nhân của trời, đất và vạn vật giữa chúng, Ngài là Đấng Cao Thượng, Đấng Hằng Tha Thứ.}

⁽¹⁴⁹⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi tìm che chở dưới lời phán toàn mỹ của Allah khỏi sự phẫn nộ và hành phạt của Ngài, khỏi mọi điều xấu từ đám bầy tôi của Ngài, khỏi mọi lời xúi dục bậy của lũ Shaytaan lúc bề tôi hấp hối.}

- b) Cầu xin Allah che chở tránh khỏi Shayton và tránh xa những điều đã thấy trong ác mộng. (ba lần)
- c) Không kể ác mộng với bất cứ ai.
- d) Ngủ xoay về phía tay khác.

115- Đứng dậy dâng lễ Salah nếu muốn.

Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

{ إِذَا اقْتَرَبَ الزَّمَانُ لَمْ تَكْذُرُوا الْمُسْلِمَ تَكْذِيبًا، وَأَصْدَقُكُمْ رُؤْيَا
أَصْدَقُكُمْ حَدِيثًا، وَرُؤْيَا الْمُسْلِمِ جُزْءٌ مِنْ خَمْسٍ وَأَرْبَعِينَ جُزْءًا مِنْ
النُّبُوَّةِ، وَالرُّؤْيَا ثَلَاثَةٌ: فَرُؤْيَا الصَّالِحَةِ بُشْرَى مِنَ اللَّهِ، وَرُؤْيَا تَحْزِينٍ مِنَ
الشَّيْطَانِ، وَرُؤْيَا مِمَّا يُحَدِّثُ الْمَرْءَ نَفْسَهُ، فَإِنْ رَأَى أَحَدَكُمْ مَا يَكْرَهُ
فَلْيَقُمْ فَلْيَصَلِّ وَلَا يُحَدِّثْ بِهَا النَّاسَ }

“Khi Ngày Tận Thế gần kề những giấc mộng của người Muslim hầu như không thực và người thấy mộng thực nhất trong mọi người là người thật thà nhất. Giấc mộng của Muslim là một trong bốn mươi lăm phần của sự mặc khải và giấc mộng được chia làm ba phần: giấc mộng tốt đẹp là Allah ban cho, giấc mộng xấu xa là do Shayton quấy nhiễu và giấc mộng do bản thân suy nghĩ ra. Vì vậy, khi các bạn nằm mộng thấy những điều không thích, thì hãy đứng dậy dâng lễ Salah và đừng bao giờ kể cho bất cứ ai.”
Hadith do Muslim và Al-Tirmizhi ghi.

32- Lời cầu xin Qunut trong lễ Salah Al-Witr.

116-

{اللَّهُمَّ اهْدِنِي فِيمَنْ هَدَيْتَ، وَعَافِنِي فِيمَنْ عَافَيْتَ، وَتَوَلَّنِي
فِيمَنْ تَوَلَّيْتَ، وَبَارِكْ لِي فِي مَا أَعْطَيْتَ، وَقِنِي شَرَّ مَا قَضَيْتَ،
فَإِنَّكَ تَقْضِي وَلَا يُقْضَى عَلَيْكَ، إِنَّهُ لَا يَدُلُّ مَنْ وَالَيْتَ، وَلَا يَعْرِزُ
مَنْ عَادَيْتَ تَبَارَكْتَ رَبَّنَا وَتَعَالَيْتَ }

“Ol lo hum mah di ni fi man ha dai ta, wa a’ fi ni fi
man a’ fai ta, wa ta wal la ni fi man ta wal lai ta, wa
baa rik li fi maa a’ toi ta, wa qi ni shar ro maa qo dhoi
ta, fa in na ka taq dhi wa laa yuq dho a’ lai ka, in na
hu laa ya zil lu man waa lai ta, wa laa ya i’z zu man a’
dai ta, ta baa rak ta rab ba naa wa ta a’ lai ta.”⁽¹⁵⁰⁾
Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu
Majaah ghi.

117-

⁽¹⁵⁰⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài hướng dẫn bề tôi (theo con đường tốt đẹp nhất) như Ngài đã hướng dẫn (các Thiên Sứ và những người đức hạnh), xin hãy ban màn lạnh (cho sức khỏe và tinh thần cũng như về sở thích của bề tôi), xin hãy trông nom những hành động của bề tôi như Ngài đã trông nom những người trước (và đừng bao giờ bỏ mặt bề tôi), xin hãy ban phúc cho bề tôi với những gì Ngài đã ban tặng và xin hãy bảo vệ bề tôi tránh mọi điều xấu mà Ngài đã định trước. Quả thực, Ngài là Đấng quyết định tất cả mọi việc mà không có thể lực nào ngăn cản. Và không có điều gì có thể hạ thấp được những ai được Ngài tôn trọng và cũng sẽ không được tôn trọng đối với ai bị Ngài đã sỉ nhục. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, Ngài là Đấng Hồng Phúc, Đấng Tối Cao.}

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِرِضَاكَ مِنْ سَخَطِكَ، وَبِمُعَافَاتِكَ مِنْ
عُقُوبَتِكَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْكَ لَا أُحْصِي ثَنَاءً عَلَيْكَ، أَنْتَ كَمَا
أَفْنَيْتَ عَلَى نَفْسِكَ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ri dho ka min sa kho tik, wa bi mu ã’ faa ti ka min u’ qu ba tik, wa a u’ zu bi ka min ka, laa uh si tha naa anh a’ lai ka, an ta ka maa ath nai ta a’ la naf sik.”⁽¹⁵¹⁾ Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

118-

{اللَّهُمَّ إِيَّاكَ نَعْبُدُ، وَلَكَ نُصَلِّي وَنَسْجُدُ، وَإِلَيْكَ نَسْعَى وَنُخْفِدُ،
نَرْجُو رَحْمَتَكَ وَنَخْشَى عَذَابَكَ. إِنَّ عَذَابَكَ بِالْكَافِرِينَ مُلْحَقٌ.
اللَّهُمَّ إِنَّا نَسْتَعِينُكَ وَنَسْتَغْفِرُكَ، وَنُثْنِي عَلَيْكَ الْحَمْدَ وَلَا نَكْفُرُكَ،
وَنُؤْمِنُ بِكَ وَنُخْضَعُ لَكَ، وَنُخْلَعُ مَنْ يَكْفُرُكَ}

“Ol lo hum ma i yaa ka na’ bud, wa la ka nu sol li wa nas jud, wa i lai ka nas a’ wa nah fid, nar ju roh ma ta ka wa nash shaa a’ zaa bak. In na a’ zaa ba ka bil kaa bil kaa fi ri na mul haq. Ol lo hum ma in naa nas ta i’ nu ka wa nas tagh fi ruk, wa nuth ni a’ lai kal khoi ro,

⁽¹⁵¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi cầu xin sự hài lòng của Ngài che chở khỏi sự giận dữ của Ngài, cầu xin sự thứ của Ngài tránh khỏi hành phạt của Ngài, xin Ngài đừng bắt tội về những gì bề tôi không có khả năng thực hiện, cho dù bề tôi có ca tụng Ngài thế nào cũng không thể đủ, Ngài là Đấng xứng đáng với những gì mà Ngài đã tự ca ngợi. }

wa laa nak fu ruk, wa nu mi nu bi ka wa nakh dho u' la ka, wa nakh la u' man yak fu ruk.”⁽¹⁵²⁾ Hadith do Al-Baihaqi ghi trong quyển Sunan Al-Kubro.

33- Lời tụng niệm sau Salam của lễ Salah Al-Witir.

119- Đọc ba lần câu:

{سُبْحَانَ الْمَلِكِ الْقُدُّوسِ}

“Sub haa nal ma li kil qud dus.” Ở lần thứ ba đọc ra tiếng và kéo dài câu:

{رَبِّ الْمَلَائِكَةِ وَالرُّوحِ}

“Rab bul ma laa i ka ti war ruh.”⁽¹⁵³⁾ Hadith do Muslim ghi.

34- Lời cầu xin khi gặp chuyện lo lắng và buồn rầu.

120-

⁽¹⁵²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, duy chỉ Ngài bày tôi thờ phụng, duy chỉ Ngài bày tôi dâng lễ Salah và quỳ lạy. Bày tôi vội tìm đến Ngài mưu cầu (sinh lợi), hi vọng lòng khoan dung nơi Ngài và sợ hãi hành phạt của Ngài. Quả thực, hành phạt của Ngài chỉ dành cho những kẻ ngoại đạo. Lạy Allah, bày tôi tìm nơi che chở từ Ngài và cầu xin Ngài tha thứ tội lỗi, bày tôi tán dương, ca tụng Ngài bằng những lời nói tốt đẹp và không bao giờ phản nghịch Ngài, bày tôi tin tưởng nơi Ngài, phục tùng Ngài và từ bỏ những ai phản nghịch Ngài.}

⁽¹⁵³⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay, trong sạch thay Thượng Đế của Thiên Thần và Ruh (Jibril).}

{اللَّهُمَّ إِنِّي عَبْدُكَ، ابْنُ عَبْدِكَ، ابْنُ أُمَّتِكَ، نَاصِيَتِي بِيَدِكَ، مَا ضِ
فِي حُكْمِكَ، عَدْلٌ فِي قَضَائِكَ، أَسْأَلُكَ بِكُلِّ اسْمٍ هُوَ لَكَ،
سَمَّيْتَ بِهِ نَفْسَكَ، أَوْ أَنْزَلْتَهُ فِي كِتَابِكَ، أَوْ عَلَّمْتَهُ أَحَدًا مِنْ
خَلْقِكَ، أَوْ اسْتَأْذَنْتَ بِهِ فِي عِلْمِ الْغَيْبِ عِنْدَكَ، أَنْ تَجْعَلَ الْقُرْآنَ
رَبِيعَ قَلْبِي، وَنُورَ صَدْرِي، وَجِلَاءَ حُزْنِي، وَذَهَابَ هَمِّي }

“Ol lo hum ma in ni a’b duk, ib nu a’b dik, ib nu a ma tik, naa si ya ti bi ya dik, maa dhin fi ya huk muk, a’d lun fi ya qo dho uk, as a lu ka bi kul lis min hu wa lak, sam mai ta bi hi naf sak, aw an zal ta hu fi ki taa bik, aw a’l lam ta hu a ha dan min khol qik, a wis ta thar ta bi hi fi i’l mil ghoi bi i’n dak, an taj a’lal qur ã na ro bi a’ qol bi, wa nu ro sod ri, wa ji laa a huz ni, wa za haa ba ham mi.” (154)

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “**Ai cầu xin như thế Allah sẽ xua tan mọi buồn lo và ban cho lối thoát.**” Hadith do Ahmad ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

(154) Ý nghĩa: {Lạy Allah, bề tôi là nô lệ của Ngài, là con của nô lệ nam và nô lệ nữ của Ngài, mọi hành động của bề tôi trong tay Ngài, mọi qui luật của Ngài có hiệu lực trên bề tôi, mọi định mệnh Ngài sắp đặt cho bề tôi đều công bằng. Cầu xin Ngài bằng tất cả các Đại Danh mà Ngài tự xưng, hoặc Ngài đã mặc khải trong các Kinh Sách, hoặc Ngài đã dạy cho các Thiên Sứ, hoặc các Đại Danh bí mật dành riêng cho Ngài chỉ Ngài mới biết, hãy biến Qur’an thành niềm vui của con tim bề tôi, thành ánh sáng trong lồng ngực bề tôi, cầu xin hãy giải tỏa sự ưu sầu và xua tan đi nỗi ưu sầu của bề tôi. }

121-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْهَمِّ وَالْحَزَنِ، وَالْعَجْزِ وَالْكَسَلِ،
وَالْبُخْلِ وَالْجُبْنِ، وَضَلَعِ الدِّينِ وَغَلَبَةِ الرِّجَالِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal ham mi, wal ha zan, wal a’j zi wal ka sal, wal bukh li wal jub ni, wa dho la i’d dai ni wa gho la ba tir ri jaal.”⁽¹⁵⁵⁾
Hadith do Al-Bukhari ghi.

35- Lời cầu xin khi gặp hoạn nạn.

122-

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ الْعَظِيمُ الْحَلِيمُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ رَبُّ الْعَرْشِ
الْعَظِيمِ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ رَبُّ السَّمَوَاتِ، وَرَبُّ الْأَرْضِ، وَرَبُّ الْعَرْشِ
الْكَرِيمِ}

“Laa i laa ha il lol lo hul a’ zi mul ha lim, laa i laa ha il lol lo hu rab rul a’r shil a’ zim, laa i laa ha il lol lo hu rab bus sa maa waa ti, wa rab bul ar dhi, wa rab bul a’r shil ka rim.”⁽¹⁵⁶⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

⁽¹⁵⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài tránh khỏi sự lo âu, buồn rầu, bất lực, lười biếng (trong việc thờ phụng Ngài) và cầu xin tránh khỏi sự nhúc nhát, keo kiệt, thiếu nợ và cướp giạt.}

⁽¹⁵⁶⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Đấng Vĩ Đại, Đấng Kiên Nhẫn; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Chủ Nhân của chiếc ngai}

123-

{اللَّهُمَّ رَحْمَتَكَ أَرْجُو، فَلَا تَكِلْنِي إِلَى نَفْسِي طَرْفَةَ عَيْنٍ،
وَأَصْلِحْ لِي شَأْنِي كُلَّهُ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ}

“Ol lo hum ma bi roh ma ti ka ar ju, fa laa ta kil ni i la naf si tor fa ta a’in, wa ol leh li sha ni kul la hu, laa i laa ha il laa an ta.”⁽¹⁵⁷⁾ Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi.

124-

{لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ سُبْحَانَكَ، إِنِّي كُنْتُ مِنَ الظَّالِمِينَ}

“Laa i laa ha il laa an ta sub haa na ka, in ni kun tu mi noz zo li min.”⁽¹⁵⁸⁾ Hadith do Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi.

125-

{اللَّهُ اللَّهُ رَبِّي لَا أُشْرِكُ بِهِ شَيْئًا}

“Ol lo hu, ol lo hu rab bi laa ush ri ku bi hi shai a.”⁽¹⁵⁹⁾ Hadith do Abu Dawood và Ibnu Majaah ghi.

vương vĩ đại; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Chủ Nhân của trời, đất và Chủ Nhân của chiếc ngai vương bao la.}

⁽¹⁵⁷⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi hi vọng được Ngài thương xót, xin đừng bỏ mặt bẻ tôi dù chỉ trong nháy mắt và xin hãy cải thiện mọi vụ việc của bẻ tôi. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài.}

⁽¹⁵⁸⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, thật vinh quang thay Ngài, bẻ tôi trở về sám hối cùng Ngài, chính bẻ tôi là kẻ lầm lạc.}

36- Lời cầu xin khi đối diện với kẻ thù có thể lực.

126-

{اللَّهُمَّ إِنَّا نَجْعَلُكَ فِي نُحُورِهِمْ، وَنَعُوذُ بِكَ مِنْ شُرُورِهِمْ}

“Ol lo hum ma in naa naj a’ lu ka fi nu hu ri him, wa na u’ zu bi ka min shu ru ri him.”⁽¹⁶⁰⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

127-

{اللَّهُمَّ أَنْتَ عَضِدِي، وَأَنْتَ نَصِيرِي، بِكَ أَحُولُ، وَبِكَ أَصُولُ،
وَبِكَ أَقَاتِلُ}

“Ol lo hum ma an ta a’ dhu di, wa an ta na si ri, bi ka a hu lu, wa bi ka a su lu, wa bi ka u qo til.”⁽¹⁶¹⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

128-

{حَسْبُنَا اللَّهُ وَنِعْمَ الْوَكِيلُ}

“Has bu nol lo hu wa ne’ mal wa k.i.l.”⁽¹⁶²⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽¹⁵⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của bề tôi và bề tôi sẽ không bao giờ tổ hợp Ngài với bất cứ ai hay vật gì.}

⁽¹⁶⁰⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài ngăn chặn kế hoạch của chúng và hãy che chở bầy tôi tránh khỏi mọi điều xấu từ chúng.}

⁽¹⁶¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là niềm chiến thắng của bề tôi, Ngài là Đấng phù hộ của bề tôi, chỉ vì Ngài bề tôi cử động và chỉ vì Ngài bề tôi Jihaad với kẻ thù.}

37- Lời cầu xin khi sợ kẻ có thể lực đàn áp.

129-

{اللَّهُمَّ رَبَّ السَّمَوَاتِ السَّبْعِ، وَرَبَّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ، كُنْ لِي جَارًا مِّنْ (tên người)، وَأَحْزَابِهِ مِّنْ خَلَائِقِكَ، أَنْ يَفِرْطَ عَلَيَّ أَحَدٌ مِنْهُمْ أَوْ يَطْغَى، عَزَّ جَارُكَ، وَجَلَّ تَنَاوُكَ، وَلَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ }

“Ol lo hum ma rab bas sa maa waa tis sab i’, wa rab bal a’r shil a’ zim, kun li jaa ron min (tên người đàn áp) wa ah zaa bi hi min kho laa i qi ka, an yaf ru to a’ lai ya a ha dun min hum aw yot gho, a’z za jaa ruk, wa jal la tha naa uk, wa laa i laa ha il laa an ta.”⁽¹⁶³⁾
Hadith do Al-Bukhari ghi.

130- Đọc ba lần câu:

{اللَّهُ أَكْبَرُ، اللَّهُ أَعَزُّ مِنْ خَلْقِهِ جَمِيعًا، اللَّهُ أَعَزُّ مِمَّا أَخَافُ وَأَحْذَرُ، أَعُوذُ بِاللَّهِ الَّذِي لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ، الْمُمْسِكِ السَّمَاوَاتِ السَّبْعِ أَنْ يَقَعْنَ عَلَى الْأَرْضِ إِلَّا بِإِذْنِهِ، مِنْ شَرِّ عَبْدِكَ }

⁽¹⁶²⁾ Ý nghĩa: {Allah thừa khả năng giúp đỡ bầy tôi (chống lại kẻ thù), bởi vì Ngài là Đấng Bảo Trợ Ưu Việt.}

⁽¹⁶³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của bảy tầng trời, là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại, cầu xin Ngài hãy giúp đỡ bầy tôi chống lại (tên người) và bè phái của y vì chúng là những tạo vật của Ngài, xin hãy che chở bầy tôi tránh khỏi sự hãm hại hoặc sự hung tợn của chúng. Hùng mạnh thay khi đã được Ngài giúp đỡ, vĩ đại thay sự ca ngợi dành cho Ngài và không có Thượng Đế nào địch thực ngoạn trừ Ngài.}

(tên người)
 وَجُنُودِهِ وَأَتْبَاعِهِ وَأَشْيَاعِهِ مِنَ الْجِنِّ وَالْإِنْسِ. اللَّهُمَّ
 كُنْ لِي جَارًا مِنْ شَرِّهِمْ، جَلَّ ثَنَاؤُكَ، وَعَزَّ جَارُكَ، وَتَبَارَكَ اسْمُكَ،
 وَلَا إِلَهَ غَيْرُكَ }

“Ol lo hu ak bar, ol lo hu a a’z zu min khol qi hi ja mi a’n, ol lo hu a a’z zu mim maa a kho fu wa ah zar, a u’ zu bil la hil la zi laa i laa ha il laa hu, al mum si kis sa maa waa tis sab i’ an ya qo’ na a’ lal ar dhi il laa bi iz nih, min shar ri a’b di ka (tên người) wa ju nu di hi wa at baa i’ hi wa ash yaa i’ hi mi nal jin ni wal in si. Ol lo hum ma kun li jaa ron min shar ri him, jal la tha naa uk, wa a’z za jaa ruk, wa ta baa ro kas muk, wa laa i laa ha ghoi ruk.”⁽¹⁶⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

38- Lời cầu xin hại kẻ thù.

131-

⁽¹⁶⁴⁾ Ý nghĩa: {Allah vĩ đại nhất, Allah là Đấng hùng mạnh nhất trên mọi tạo vật mà Ngài đã tạo, Allah là Đấng hùng mạnh nhất trong những gì bề tôi khiếp sợ và thận trọng. Allah là Đấng mà không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Đấng nắm giữ bảy tầng trời khỏi sập xuống đất cho đến khi Ngài muốn, cầu xin Ngài che chở tránh khỏi mọi điều xấu, ác độc của (tên người) kẻ cả quân lính và phe đảng của y từ loài ma quỷ và loài người. Lạy Allah, xin phù hộ bề tôi tránh khỏi điều ác của chúng. Hùng mạnh thay khi đã được Ngài giúp đỡ, vĩ đại thay lời ca ngợi dành cho Ngài, thật may mắn với Đại Danh của Ngài và không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài.}

{اللَّهُمَّ مُنْزِلَ الْكِتَابِ، سَرِيعَ الْحِسَابِ، اهْزِمِ الْأَحْزَابَ. اللَّهُمَّ
اهْزِمُهُمْ وَزَلِّهِمْ}

“Ol lo hum ma mun zi lal ki taab, sa ri a’l hi saab, eh zi mil ah zaab. Ol lo hum mah zim hum, wa zal zil hum.”⁽¹⁶⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

39- Lời cầu xin khi khiếp sợ nhóm nào đó.

132-

{اللَّهُمَّ اكْفِنِيهِمْ بِمَا شِئْتَ}

“Ol lo hum mak fi ni him bi maa shi ta.”⁽¹⁶⁶⁾ Hadith do Muslim ghi.

40- Làm những điều sau khi tự nghi ngờ về đức tin mình.

133- Đọc câu:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ra jim⁽¹⁶⁷⁾ và **chấm dứt ngay việc đang nghi ngờ.**” Trích từ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽¹⁶⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, Ngài là Đấng ban xuống Thiên Kinh Qur’an, Đấng rất nhanh trong việc tính sổ, cầu xin hãy tiêu diệt phe đảng của chúng, tiêu diệt chúng và hãy làm ròi loại nội bộ chúng.}

⁽¹⁶⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy bảo vệ bề tôi tránh khỏi bọn chúng bằng những kế hoạch Ngài muốn.}

⁽¹⁶⁷⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin Allah che chở tránh khỏi lũ Shayton đáng bị nguyền rủa.}

134- Nói:

{آمَنْتُ بِاللَّهِ وَرُسُلِهِ}

“Ā man tu bil lah hi wa ru su lih.”(168) Hadith do Muslim ghi.

135- Đọc tiếp câu Kinh.

﴿هُوَ الْأَوَّلُ وَالْآخِرُ وَالظَّاهِرُ وَالْبَاطِنُ وَهُوَ بِكُلِّ شَيْءٍ عَلِيمٌ﴾

(169) ﴿﴾

41- Lời cầu xin giúp trả nợ.

136-

{اللَّهُمَّ اكْفِنِي بِحَلَالِكَ عَن حَرَامِكَ، وَأَعْنِنِي بِفَضْلِكَ عَمَّن سِوَاكَ}

“Ol lo hum mak fi ni bi ha laa li ka a’n ha ro mik, wa agh ni ni bi fadh li ka a’m man si waak.”(170) Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

137-

(168) Ý nghĩa: {Bề tôi đã tin tưởng vào Allah và các Thiên Sứ của Ngài.}

(169) Ý nghĩa: ﴿Allah là Đấng Bắt Đầu, là Đấng Cuối Cùng, là Đấng Bao Trùm, là Đấng Trọng Tâm và Ngài luôn tinh thông tất cả vạn vật.﴾ Al-Hadeed: 3 (chương 57).

(170) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy thay đổi (cuộc đời) bề tôi bằng những bổng lộc sạch sẽ (Halal), chứ đừng bằng những bổng lộc dơ bẩn (Harom). Hãy ban cho bề tôi sự giàu có bằng sự ưu đãi của Ngài, không ai có thể làm được mà chỉ có Ngài.}

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْهَمِّ وَالْحَزَنِ، وَالْعَجْزِ وَالْكَسَلِ،
وَالْبُخْلِ وَالْجُبْنِ، وَضَلَعِ الدِّينِ وَغَلَبَةِ الرِّجَالِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal ham mi, wal ha zan, wal a’j zi wal ka sal, wal bukh li wal jub ni, wa dho la i’d dai ni wa gho la ba tir ri jaal.” **(171)**
Hadith do Al-Bukhari ghi.

42- Lời cầu xin khi bị quấy nhiễu trong lúc dâng lễ Salah và đọc Thiên Kinh Qur’an.

138- “Đọc câu:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ra jim **(172)** Và phun về bên tay trái ba lần.” Hadith do Muslim ghi.

43- Lời cầu xin khi gặp vấn đề khó khăn.

139-

{اللَّهُمَّ لَا سَهْلَ إِلَّا مَا جَعَلْتَهُ سَهْلًا، وَأَنْتَ تَجْعَلُ الْحَزْنَ إِذَا شِئْتَ سَهْلًا}

(171) Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài tránh khỏi sự lo âu, buồn rầu, bất lực, lười biếng (trong việc thờ phụng Ngài) và cầu xin tránh khỏi sự nhúc nhát, keo kiệt, thiếu nợ và cướp giật.}

(172) Ý nghĩa: {Bẻ tôi cầu xin Allah che chở tránh khỏi lũ Shayton đáng bị nguyên rủa.}

“Ol lo hum ma laa sah la il laa maa ja a’l ta hu sah la, wa an ta taj a’ luu haz na i zaa shi ta sah la.”⁽¹⁷³⁾
Hadith do Ibn Hibbal và Ibnu Al-Sani.

44- Làm những điều sau khi phạm phải tội lỗi.

140- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ مَا مِنْ عَبْدٍ يُذِنُ ذَنْبًا فَيُحْسِنُ الطُّهُورَ، ثُمَّ يَقُومُ فَيُصَلِّي رَكَعَتَيْنِ ثُمَّ
يَسْتَغْفِرُ اللَّهَ إِلَّا غَفَرَ اللَّهُ لَهُ }

“Khi một ai đó làm tội lỗi sau đó lấy nước Wudu cho thật tốt, kế tiếp dâng lễ Salah hai Rak-at sau đó cầu xin Allah tha thứ chắc chắn y được Allah dung thứ.”
Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

45- Lời cầu xin chống lại Shayton và sự căm dỗ của nó.

141- Đọc câu:

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ra jim”⁽¹⁷⁴⁾

142- Azaan.

143- Tụng niệm Allah và đọc Qur’an.

⁽¹⁷³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, không có việc dễ ngoại trừ Ngài làm cho dễ và nếu muốn Ngài sẽ làm việc khó thành dễ.}

⁽¹⁷⁴⁾ Ý nghĩa: {Bê tôi cầu xin Allah che chở tránh khỏi lũ Shayton đáng bị nguyên rủa.}

46- Lời cầu xin khi gặp phải điều không thích hoặc thất bại.

144-

{قَدَّرَ اللَّهُ وَمَا شَاءَ فَعَلَ}

“Qo da rul lo hi wa maa shaa a fa a’l.”(175) Hadith do Muslim ghi.

47- Lời chúc mừng cho người mới có em bé và lời đáp lại.

145- Lời chúc mừng:

{بَارَكَ اللَّهُ لَكَ فِي الْمَوْهُوبِ لَكَ، وَشَكَرْتَ الْوَاهِبَ، وَبَلَغَ أَشُدَّهُ،
وَرُزِقْتَ بِهِ}

“Baa ro kol lo hu la ka fil maw hu bi lak, wa sha kart al waa hib, wa ba la gho a shud dah, war u ziq ta birr oh.”(176)

Lời đáp:

{بَارَكَ اللَّهُ لَكَ، وَبَارَكَ عَلَيْكَ، وَجَزَاكَ اللَّهُ خَيْرًا، وَرَزَقَكَ اللَّهُ
مِثْلَهُ، وَأَجْرَلَ ثَوَابَكَ}

(175) Ý nghĩa: {Định mệnh Allah đã định và những gì Ngài muốn đã thành.}

(176) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban phúc lành cho anh trong đứa con này của anh, anh hãy cảm ơn Allah đã ban cho anh như thế. Cầu xin Allah ban cho nó trưởng thành (trong sự khôn ngoan, sống thọ) và hãy thay đổi nó thành người biết vâng lời Ngài.}

“Baa ro kol lo hu la ka, wa baa ra ka a’ lai ka, wa ja zaa kol lo hu khoi ro, wa ro za qo kol lo hu mith la hu, wa aj za la tha waa bak.”⁽¹⁷⁷⁾ Trích trong quyển Al-Azkar của Imam Al-Nawawi.

48- Lời cầu xin che chở cho trẻ.

146- Trước kia Nabi ﷺ đã cầu xin sự che chở cho (hai người cháu ngoại) Al-Hasan và Al-Husain:

{أُعِيذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّةِ، مِنْ كُلِّ شَيْطَانٍ وَهَامَّةٍ،
وَمِنْ كُلِّ عَيْنٍ لَامَّةٍ}

“U i’ zu (tên đứa trẻ) bi ka li maa til la hit taam mah, min kul li shay to nin wa haam mah, wa min kul li a’ i nin laam mah.”⁽¹⁷⁸⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

49- Lời cầu xin cho người bệnh trong lúc chữa trị.

147-

{لَا بَأْسَ ظُهُورًا إِنْ شَاءَ اللَّهُ}

“Laa ba sa to hu run, in shaa Allah.”⁽¹⁷⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽¹⁷⁷⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban phúc lành cho anh, ban cho anh thêm nhiều điều tốt và ban cho anh bổng lộc như anh đã cầu xin và nhân phần thưởng của anh lên bội phần.}

⁽¹⁷⁸⁾ Ý nghĩa: {Bê tôi cầu xin những những lời phán hoàn hảo của Allah che chở cho đứa bé tránh khỏi tất cả loài Shayton, tránh mọi loài độc hại và mọi điều xấu xa.}

⁽¹⁷⁹⁾ Ý nghĩa: {Không sao đâu sẽ khỏi bệnh, nếu Allah muốn.}

148- Cầu xin bảy lần câu:

{أَسْأَلُ اللَّهَ الْعَظِيمَ، رَبَّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ، أَنْ يَشْفِيكَ}

“As a lul lo hal a’ z.i.m, rab bal a’r shil a’ z.i.m an yash fi ya ka.”⁽¹⁸⁰⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

50- Giá trị việc thăm viếng người bệnh.

149- Rasul صلی الله علیه وسلم nói:

{إِذَا عَادَ الرَّجُلُ أَخَاهُ الْمُسْلِمَ مَشَى فِي خِرَافَةِ الْجَنَّةِ حَتَّى يَجْلِسَ فَإِذَا جَلَسَ غَمَرَتْهُ الرَّحْمَةُ فَإِنْ كَانَ عُدْوَةً صَلَّى عَلَيْهِ سَبْعُونَ أَلْفَ مَلَكٍ حَتَّى يُمِيسِيَ وَإِنْ كَانَ مَسَاءً صَلَّى عَلَيْهِ سَبْعُونَ أَلْفَ مَلَكٍ حَتَّى يُصْبِحَ}

“Khi ai đi thăm viếng người Muslim (bị bệnh) thì y đã được đi trên con đường của thiên đàng cho đến khi ngồi. Khi y đã ngồi thì được bao trùm bởi hồng ân (của Allah) nếu vào buổi sáng thì y được bảy mươi ngàn Thiên Thần cầu xin (Allah) dung thứ tội lỗi cho y cho đến chiều, còn nếu vào buổi chiều thì y được bảy mươi ngàn Thiên Thần cầu xin (Allah) dung thứ tội lỗi cho y cho đến sáng.” Hadith do Al-Tirmizhi, Ibnu Majaah và Ahmad ghi.

51- Lời cầu xin dành cho người bệnh khi không còn hy vọng sống.

⁽¹⁸⁰⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah Đấng Vĩ Đại, Chủ Nhân của ngai vương vĩ đại, chữa lành bệnh cho anh.}

150-

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَارْحَمْنِي، وَأَحْفِنِي بِالرَّفِيقِ الْأَعْلَى}

“Ol lo hum magh fir li, war ham ni, wa al hiq ni bir ro fi qil a’ la.”(181) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

151- Phu nhân Nabi صلی اللہ علیہ وسلم bà A’-ishah رضی اللہ عنہا kê:

“Trước khi Nabi صلی اللہ علیہ وسلم qua đời Người dùng hai bàn tay thấm nước lau lên mặt và nói:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ إِنَّ لِمَوْتِ سَكَرَاتٍ}

“Laa i laa ha il lol lo hu in na lil maw ti sa ka rot.”(182) Hadith do Al-Bukhari ghi.

152-

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَاللَّهُ أَكْبَرُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ لَهُ الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ}

“Laa i laa ha il lol loh, wol lo hu ak bar, Laa i laa ha il lol lo hu wah dah, Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, Laa i laa ha il lol lo hu la hul mul ku

(181) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài hãy tha thứ, thương yêu bề tôi và xin hãy tiếp nhận bề tôi gia nhập vào nhóm người có địa vị cao nhất ở thiên đàng.}

(182) Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Allah, quả thực cái chết là những con say.}

wa la hul ham du, Laa i laa ha il lol loh, wa laa haw la wa laa qu wa ta il laa bil lah.”(183)

Nabi صلی الله علیه وسلم nói: “**Ai nói những lời trên trong lúc bệnh sau đó qua đời sẽ không bị lửa chạm đến.**” Hadith do Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

52- Lời nhắc nhở người hấp hối.

153- Rasul صلی الله علیه وسلم nói: “**Ai nói cuối cùng (trước khi qua đời): {لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ}** được vào thiên đàng.” Hadith do Abu Dawood ghi.

53- Lời cầu xin khi bị tai nạn về thể xác hoặc tiền tài.

154- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói: “**Ai gặp phải tai nạn (về tài sản hay mất người thân) và nói:**

{إِنَّا لِلَّهِ وَإِنَّا إِلَيْهِ رَاجِعُونَ، اللَّهُمَّ أَجْرِي فِي مُصِيبَتِي، وَأَخْلِفْ لِي خَيْرًا مِنْهَا}

(183) Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Allah vĩ đại nhất; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác cùng Ngài; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác cùng Ngài, mọi quyền hành và mọi lời ca ngợi là của Ngài; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah; không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn.}

“In naa lil la hi wa in naa i lai hi ro ji u’n, ol lo hum ma jur ni fi mu si ba ti, wa akh lif li khoi ron min haa.”⁽¹⁸⁴⁾ Y sẽ được Allah trọng thưởng (tương ứng với tai nạn đó) và thay đổi cho y điều khác tốt hơn. Hadith do Muslim ghi.

54- Lời cầu xin cho người vừa nhắm mắt qua đời.

155-

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي (tên người chết) وَارْفَعْ دَرَجَتَهُ فِي الْمَهْدِيِّينَ،
وَاخْلُفْهُ فِي عَقِبِهِ فِي الْغَائِبِينَ، وَاغْفِرْ لَنَا وَلَهُ يَا رَبَّ الْعَالَمِينَ،
وَافْسَحْ لَهُ فِي قَبْرِهِ، وَنَوِّرْ لَهُ فِيهِ}

“Ol lo hum magh fir li (tên người chết) war fa’ da ro ja ta hu fil mah di y.i.n, wakh luf hu fi a’ qo bi hi fil gho bi r.i.n, wagh fir la naa wa la hu, yaa rab bal a’ la m.i.n, waf sah la hu fi qob rih, wa naw wir la hu fi hi.”⁽¹⁸⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

55- Lời cầu xin cho người chết trong lễ Salah.

⁽¹⁸⁴⁾ Ý nghĩa: {Tất cả bày tôi là của Allah và bày tôi sẽ trở về gặp Ngài. Lạy Allah, Xin hãy kéo bẻ tôi tránh xa tai nạn này và hãy thay đổi cho bẻ tôi điều khác tốt hơn nó. }

⁽¹⁸⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy dung thứ tội lỗi cho người chết, xin hãy nâng cao địa vị của ông ấy (bà ấy) trong số người được hướng dẫn, xin hãy thay đổi kết cuộc của ông ta tốt hơn những người còn lại, xin hãy dung thứ tội lỗi cho bày tôi và cho ông ta, lạy Thượng Đế của vũ trụ. Và hãy nói rộng ngôi mộ của ông ta và ban ánh sáng trong ngôi mộ ông ta. }

156-

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لَهُ وَارْحَمْهُ، وَعَافِهِ، وَاعْفُ عَنَّهُ، وَأَكْرِمْ نُزُلَهُ، وَوَسِّعْ
مُدْخَلَهُ، وَاغْسِلْهُ بِالْمَاءِ وَالتَّلْجِ وَالْبَرَدِ، وَنَقِّهِ مِنَ الْخَطَايَا كَمَا
نَقَّيْتَ الثَّوْبَ الْأَبْيَضَ مِنَ الدَّنَسِ، وَأَبْدِلْهُ دَارًا خَيْرًا مِنْ دَارِهِ، وَأَهْلًا
خَيْرًا مِنْ أَهْلِهِ، وَأَدْخِلْهُ الْجَنَّةَ، وَأَعِذْهُ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَعَذَابِ
التَّارِ}

“Ol lo hum magh fir la hu, war ham hu, wa a’ fi hi, wa’ fu a’n hu, wa ak rim nu zu la hu, wa was se’ mud kho la hu, wagh sil hu bil maa i wath thal ji wal ba rad, wa naq qi hi mi nal kho to yaa ka maa naq qoi tath thaw bal ab ya dho mi nad da nas, wa ab dil hu daa ron khoi ron min daa ri hi, wa ah lan khoi ron min ah li hi, wa ad khil hul jan nah, wa a i’z hu min a’ zaa bil qob ri, wa a’ zaa bin naar.”⁽¹⁸⁶⁾ Hadith do Muslim ghi.

157-

⁽¹⁸⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy tha thứ, xin hãy ban hồng ân, ban sự lành mạnh cho ông ta (bà ta). Hãy ban phần thưởng tốt đẹp cho ông ta ở thiên đàng, hãy nói rộng ngôi mộ của ông ta, hãy tẩy rửa tội lỗi ông ta (như được tắm sạch) bằng nước tinh khiết, xin hãy tẩy sạch tội lỗi ông ta giống như Ngài đã tẩy chất dơ ra khỏi áo trắng, xin hãy thay đổi ngôi nhà khác cho ông ta (ở thiên đàng) tốt hơn ngôi nhà (ở trần gian), xin hãy thay đổi người thân khác cho ông ta tốt hơn, xin hãy cho ông ta vào thiên đàng, xin hãy cứu vớt ông ta khỏi hành phạt nơi cõi mộ và hành phạt hỏa ngục.}

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِحَيِّنَا، وَمَيِّتِنَا، وَشَاهِدِنَا، وَعَائِبِنَا، وَصَغِيرِنَا، وَكَبِيرِنَا، وَذَكَرِنَا، وَأُنْثَانَا. اللَّهُمَّ مَنْ أَحْيَيْتَهُ مِنَّا فَأَحْيِهِ عَلَيَّ الْإِسْلَامِ، وَمَنْ تَوَفَّيْتَهُ مِنَّا فَتَوَفَّهُ عَلَيَّ الْإِيمَانِ. اللَّهُمَّ لَا تَحْرِمْنَا أَجْرَهُ، وَلَا تُضِلَّنَا بَعْدَهُ}

“Ol lo hum magh fir li hai yi naa, wa mai yi ti naa, wa shaa hi di naa, wa gho i bi naa, wa so ghi ri naa, wa ka bi ri naa, wa za ka ro naa, wa un thaa naa. Ol lo hum ma man ah yai ta hu min naa fa ah yi hi a’ lal is lam, wa man ta waf fai ta hu min naa fa ta waf fa hu a’ lal i man. Ol lo hum ma laa tah rim naa aj ro hu, wa laa tu dhil la naa ba’ da hu.” (187) Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

158-

{اللَّهُمَّ إِنَّ فُلَانَ بَنَ فُلَانٍ فِي ذِمَّتِكَ، وَحَبْلِ جِوَارِكَ، فَفِيهِ مِنْ فِتْنَةٍ الْقَبْرِ وَعَذَابِ النَّارِ، وَأَنْتَ أَهْلُ الْوَفَاءِ وَالْحَقِّ. فَاعْفِرْ لَهُ، وَارْحَمْهُ، إِنَّكَ أَنْتَ الْعَفُورُ الرَّحِيمُ}

(187) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy dung thứ cho người đang sống, người đã qua đời, người có mặt, người vắng mặt, trẻ em, người già, đàn ông lẫn phụ nữ trong đám bầy tôi. Lạy Allah, ai là người được Ngài ban cho sự sống, xin hãy ban cho y được sống trên Islam, còn ai đã bị Ngài lấy đi linh hồn, xin hãy ban cho y được chết trên đức tin. Lạy Allah, xin đừng bao giờ ngăn cấm phần phước của bầy tôi hiến cho ông ta và đừng bao giờ bỏ mặc bầy tôi làm đường lạc lối sau ông ấy.}

“Ol lo hum ma in na fu laa na bin fu laa nin fi zim ma tik, wa hab li ji waa lik, fa qi hi min fit na til qob ri, wa a’ zaa bin naar, wa an ta ah lul wa faa i, wal haq. Fagh fir la hu war ham hu, in na ka an tal gho fu rur ro h.i.m.”**(188)** Hadith do Muslim ghi.

159-

{اللَّهُمَّ عَبْدُكَ، وَابْنُ أُمَّتِكَ، اِحْتَاَجُ إِلَى رَحْمَتِكَ، وَأَنْتَ غَنِيٌّ
عَنْ عَذَابِهِ. إِنْ كَانَ مُحْسِنًا فَزِدْ فِي حَسَنَاتِهِ، وَإِنْ كَانَ مُسِيئًا
فَتَجَاوَزْ عَنْهُ}

“Ol lo hum ma a’b duk, wab nu a ma tik, eh taa ja i la roh ma tik, wa an ta gho ni yun a’n a’ zaa bih. In kaa na muh si nan fa zid fi ha sa naa tih, wa in kaa na mu si an fa ta jaa waz a’n hu.”**(189)** Hadith do Al-Hakim ghi.

56- Lời cầu xin cho người chết là trẻ em trong lễ Salah.

160-

(188) Ý nghĩa: {Lạy Allah, rằng người này ở sự bảo hộ và trong lời giao ước của Ngài, xin hãy bảo vệ ông ấy khỏi hành phạt cõi mộ và hành phạt hỏa ngục. Ngài là Đấng Trung Trực, là Đấng Chân Lý, xin hãy thương xót ông ta. Chính Ngài là Đấng Rất Mực Độ Lượng, Rất Mực Nhân Từ.}

(189) Ý nghĩa: {Lạy Allah, (đây là) nô lệ của Ngài, là con của nô lệ nữ của Ngài, rất cần lòng thương xót của Ngài. Cầu xin đừng hành hạ ông ta (ba, cô...), nếu ông ta là người tốt, xin ban thêm phần thưởng cho ông ta còn nếu là người xấu, xin bỏ qua cho ông ta.}

{اللَّهُمَّ أَعِذْهُ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ}

“Ol lo hum ma a i’z hu min a’ zaa bil qob ri.”⁽¹⁹⁰⁾
Hadith do Maalik ghi.

Hoặc câu xin thêm thì tốt hơn.

{اللَّهُمَّ اجْعَلْهُ فَرَطًا وَذُخْرًا لَوَالِدَيْهِ، وَشَفِيعًا مُجَابًا. اللَّهُمَّ ثَقِّلْ بِهِ مَوَازِينَهُمَا، وَأَعْظِمْ بِهِ أَجُورَهُمَا، وَأَلْحِقْهُ بِصَالِحِ الْمُؤْمِنِينَ، وَاجْعَلْهُ فِي كِفَالَةِ إِبْرَاهِيمَ، وَفِي بَرَحْمَتِكَ عَذَابَ الْجَحِيمِ، وَأَبْدِلْهُ دَارًا خَيْرًا مِنْ دَارِهِ، وَأَهْلًا خَيْرًا مِنْ أَهْلِهِ. اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِأَسْلَافِنَا، وَأَفْرَاطِنَا، وَمَنْ سَبَقَنَا بِالْإِيمَانِ}

“Ol lo hum maj a’l hu fa ro ton wa zukh ron li waa li dai hi, wa sha fi a’n mu jaa ban. Ol lo hum ma thaq qil bi hi ma waa zi na hu maa, wa a’ zim bi hi u ju ro hu maa, wa al hiq hu bi so li hil mu mi n.i.n, waj a’l hu fi ka faa la ti ib ro him, wa qi hi bi ro ma ti ka a’ zaa bal ja h.i.m, wa ab dil hu daa ron khoi ron min daa ri hi, wa ah lan khoi ron min ah li hi. Ol lo hum magh fir li as laa fi naa, wa af ro ti naa, wa man sa ba qo naa bil i man.”⁽¹⁹¹⁾ Hadith do Ibnu Qudaamah ghi.

⁽¹⁹⁰⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy bảo vệ cháu khỏi hành phạt cõi mộ.}

⁽¹⁹¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin biến nó thành phần thưởng cho cha mẹ nó, xin hãy chấp nhận sự biện hộ của nó (cho cha mẹ nó). Lạy Allah, vì nó hãy làm cho bàn cân của cha mẹ nó được nặng thêm, vì nó hãy nhân thêm phần thưởng cho cha mẹ nó, hãy gán cho nó là người đức hạnh trong nhóm người có đức

161-

{اللَّهُمَّ اجْعَلْهُ لَنَا فَرَطًا وَسَلَفًا وَأَجْرًا}

“Ol lo hum mak a’l hu la naa fa ro ton wa sa la fan wa aj ro.”⁽¹⁹²⁾

57- Lời chia buồn cho thân nhân người chết.

162-

{إِنَّ لِلَّهِ مَا أَخَذَ وَلَهُ مَا أُعْطِيَ وَكُلُّ شَيْءٍ عِنْدَهُ بِأَجَلٍ مُّسَمًّى ... فَلتَصْبِرْ وَلتَحْتَسِبْ}

“In na lil la hi maa a kho za, wa la hu maa a’ to, wa kul lu shai in i’n da hu bi a ja lin mu sam ma . . . fal tos bir wal tah ta sib.”⁽¹⁹³⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Hoặc nói thêm thì tốt hơn.

tin, xin hãy ban cho nó nằm trong sự bảo lãnh của Ibrahim, và với lòng thương xót của Ngài xin bảo vệ nó ra khỏi hành phạt của hỏa ngục, hãy thay đổi ngôi nhà khác cho nó (ở thiên đàng) tốt hơn ngôi nhà (ở trần gian), hãy thay đổi người thân khác cho nó tốt hơn. Lạy Allah, xin tha thứ cho tô tiên của bầy tôi, cho những người phạm quá nhiều tội lỗi trong bầy tôi và những người có đức tin đã qua đời trước bầy tôi. }

⁽¹⁹²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy cho phép cháu vào thiên đàng trước bầy tôi để sửa soạn chỗ ở cho bầy tôi và hãy thay đổi tai nạn đó là phần thưởng cho bầy tôi. }

⁽¹⁹³⁾ Ý nghĩa: {Quả thực, những gì Allah lấy và ban phát đều là của Ngài, tất cả đều được Ngài đặt trong giới hạn nhất định ... Vì thế, hãy kiên nhẫn, chịu đựng may ra đó là điều tốt. }

{أَعْظَمَ اللَّهُ أَجْرَكَ، وَأَحْسَنَ عَزَاءَكَ، وَغَفَرَ لِمَيِّتِكَ}

“A’ zo mol lo hu aj rak, wa ah sa na a’ zaa ak, wa gho fa ro li mai yi tik.”⁽¹⁹⁴⁾ Hadith do Al-Nawawi ghi.

58- Lời cầu xin khi đưa người chết vào mộ.

163-

{بِسْمِ اللَّهِ، وَعَلَى سُنَّةِ رَسُولِ اللَّهِ}

“Bis mil lah, wa a’ la sun na ti ro su lil lah.”⁽¹⁹⁵⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

59- Lời cầu xin sau khi chôn.

164-

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لَهُ، اللَّهُمَّ تَبِّتْهُ}

“Ol lo hum magh fir la hu, ol lo hum ma thab bit hu.”⁽¹⁹⁶⁾ Hadith do Abu Dawood và Al-Hakim ghi.

60- Lời cầu xin khi thăm viếng mộ.

165-

⁽¹⁹⁴⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah nhân phần thưởng cho anh, Ngài sẽ thay đổi cho anh được tốt đẹp hơn và tha thứ cho người quá cố.}

⁽¹⁹⁵⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, noi theo Sunnah Rasul của Allah.}

⁽¹⁹⁶⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah tha thứ cho ông ấy (bà, cô, anh...) và hãy làm vững lòng ông ta (khi bị hỏi).}

{السَّلَامُ عَلَيْكُمْ أَهْلَ الدِّيَارِ، مِنَ الْمُؤْمِنِينَ، وَالْمُسْلِمِينَ، وَإِنَّا إِن شَاءَ اللَّهُ بِكُمْ لَاحِقُونَ، وَيَرْحَمُ اللَّهُ الْمُسْتَفِدِّينَ مِنَّا وَالْمُسْتَأْخِرِينَ، أَسْأَلُ اللَّهَ لَنَا وَلَكُمْ الْعَافِيَةَ}

“As sa laa mu a’ lai kum ah lad di yaar, mi nal mu mi n.i.n, wal mus li m.i.n, wa i naa in shaa ol lo hu bi kum laa hi qun, wa yar ha mul lo hul mus taq di mi na min naa wal mus ta khi r.i.n, as a lul lo ha la naa wa la ku mul a’ fi yah.”(197) Hadith do Muslim và Ibnu Majaah ghi.

61- Lời cầu xin khi có gió mạnh.

166-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَهَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّهَا}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka khoi ro haa, wa a u’ zu bi ka min shar ro haa.”(198) Hadith do Abu Dawood và Ibnu Majaah ghi.

167-

(197) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban bình an cho tất cả người có đức tin và những người Muslim ở dưới mộ. Nếu Allah muốn, thì chúng tôi là những người nối bước theo sau các bạn. Cầu xin Allah mở lòng thương xót cho những ai đi trước và những ai tiếp bước theo sau trong chúng ta. Cầu xin Allah ban cho chúng ta được bình an.}

(198) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin ban hữu ích cho bề tôi từ (con gió này) và xin hãy che chở bề tôi tránh mọi bất lợi nó.}

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَهَا، وَخَيْرَ مَا فِيهَا، وَخَيْرَ مَا أُرْسِلْتُ بِهِ،
وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّهَا، وَشَرِّهَا مَا فِيهَا، وَشَرِّهَا مَا أُرْسِلْتُ بِهِ}

“O! lo hum ma in ni as a lu ka khoi ro haa, wa khoi ro maa fi haa, wa khoi ro maa ur si lat bih, wa a u’ zu bi ka min shar ri haa, wa shar ri haa maa fi haa, wa shar ri haa maa ur si lat bih.”⁽¹⁹⁹⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

62- Lời cầu xin khi có sấm sét.

168-

{سُبْحَانَ الَّذِي يُسَبِّحُ الرَّعْدُ بِحَمْدِهِ، وَالْمَلَائِكَةُ مِنْ خِيفَتِهِ}

“Sub haa nal la zi yu sab bi hur ro’ du bi ham di hi, wal ma laa i ka tu min khi fa tih.”⁽²⁰⁰⁾ Hadith do Maalik ghi.

63- Lời cầu xin mưa.

169-

{اللَّهُمَّ اسْقِنَا غَيْثًا مُغِيثًا مَرِيئًا مَرِيعًا، نَافِعًا، غَيْرَ ضَارٍّ، عَاجِلًا غَيْرَ
{أَجِل}

⁽¹⁹⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban cho bề tôi mọi lợi ích từ cơn gió này, và với những gì theo cùng với nó và xin hãy che chở bề tôi tránh mọi điều bất lợi từ cơn gió này, và những gì theo cùng với nó.}

⁽²⁰⁰⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Đấng mọi lời ca ngợi tán dương là của Ngài, Đấng mà Thần Sấm luôn ca tụng tán dương và tất cả Thiên Thần vì Ngài mà khiếp sợ.}

“Ol lo hum ma as qi naa ghoi than, mu ghi than, ma ri an, ma ri a’n, naa fi a’n, ghoi ro dhor rin, ã’ ji lan ghoi ro ã jil.”⁽²⁰¹⁾ Hadith do Abu Dawood ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

170-

{اللَّهُمَّ اغْنِنَا، اللَّهُمَّ اغْنِنَا، اللَّهُمَّ اغْنِنَا}

“Ol lo hum ma a ghith naa, Ol lo hum ma a ghith naa, Ol lo hum ma a ghith naa.”⁽²⁰²⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

171-

{اللَّهُمَّ اسْقِ عِبَادَكَ، وَبَهَائِمَكَ، وَأَنْشُرْ رَحْمَتَكَ، وَأُحْيِ بَلَدَكَ
الْمَيِّتَ}

“Ol lo hum mas qi i’ baa dak, wa ba haa i mak, wan shur roh ma tak, wa ah yi ba la da kal may yit.”⁽²⁰³⁾ Hadith do Abu Dawood ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

64- Lời cầu xin khi có mưa.

172-

⁽²⁰¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban cho bầy tôi cơn mưa giúp (đất đâm chồi, nảy lộc), đầy phì nhiêu màu mỡ, có lợi cho bầy tôi và không có hại gì. Cầu xin hãy ban liền đừng chậm trễ.}

⁽²⁰²⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin hãy ban mưa xuống cho bầy tôi.}

⁽²⁰³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban mưa xuống cho đám tôi tớ của Ngài và cho tất cả sinh vật, động vật của Ngài. Xin hãy ban bố lòng nhân từ của Ngài và hãy làm cho đất khô cần được đâm chồi nảy lộc.}

{اللَّهُمَّ صَيِّبًا نَافِعًا}

“Ol lo hum ma soi yi ban, naa fi a’n.”⁽²⁰⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

65- Lời cầu xin khi tạnh mưa.

173-

{مُطِرْنَا بِفَضْلِ اللَّهِ وَرَحْمَتِهِ}

“Mu tir naa bi fodh lil la hi wa roh ma tih.”⁽²⁰⁵⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

66- Lời cầu xin khi mưa lớn, bão.

174-

{اللَّهُمَّ حَوَالَيْنَا وَلَا عَلَيْنَا. اللَّهُمَّ عَلَى الْآكَامِ وَالظَّرَابِ، وَبُطُونِ الْأُودِيَةِ،
وَمَنَابِتِ الشَّجَرِ}

“Ol lo hum ma ha waa lai naa wa laa a’ lai naa. Ol lo hum ma a’ lal ã kaa mi waz zi rob, wa bu tu nil aw di yah, wa ma naa bi tish sha jar.”⁽²⁰⁶⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

67- Lời cầu xin khi thấy lũ lụt.

⁽²⁰⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban cho thật nhiều mưa có lợi.}

⁽²⁰⁵⁾ Ý nghĩa: {Mưa rơi xuống là đặt ân và lòng khoan dung của Allah cho bày tôi.}

⁽²⁰⁶⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy cho mưa xuống vườn tược, đồng ruộng, đồi núi và thung lũng chứ đừng trú xuống làng mạc.}

175-

{اللَّهُ أَكْبَرُ، اللَّهُمَّ أَهْلَهُ عَلَيْنَا بِالْأَمْنِ وَالْإِيمَانِ، وَالسَّلَامَةِ
وَالْإِسْلَامِ، وَالتَّوْفِيقِ لِمَا نَحِبُّ رَبَّنَا وَتَرْضَى، رَبَّنَا وَرَبُّكَ اللَّهُ}

“Ol lo hu ak bar, ol lo hum ma a hil la hu a’ lai naa bil am ni, wal i man, was sa laa ma ti wal is laam, wat taw fi qi li maa tu hib bu rab ba naa wa tar dho, rab bu naa wa rab bu kol loh.”⁽²⁰⁷⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

68- Lời cầu xin trước khi xả chay.

176-

{ذَهَبَ الظَّمَأُ، وَابْتَلَّتِ العُرُوقُ، وَثَبَتَ الأَجْرُ إِنْ شَاءَ اللهُ}

“Za ha baz zo ma, wab tal la til u’ ruq, wa tha ba tal aj ru, in shaa ol loh.”⁽²⁰⁸⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

177-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ بِرَحْمَتِكَ الَّتِي وَسِعَتْ كُلَّ شَيْءٍ أَنْ تَغْفِرَ لِي}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka bi roh ma ti kal la ti wa si at kul la shai in an tagh fi ro li.”⁽²⁰⁹⁾ Hadith do Ibnu Majaah ghi.

⁽²⁰⁷⁾ Ý nghĩa: {Allah vĩ đại nhất, lạy Allah, xin hãy cho lưỡi liềm được mọc lên và cho bày tôi thấy nó bằng sự an toàn, bình an, tin tưởng, phủ phục và thành công với những gì mà Thượng Đế của bày tôi thương yêu và hài lòng. Allah là Thượng Đế của bày tôi và của bạn (đấy lưỡi liềm).}

⁽²⁰⁸⁾ Ý nghĩa: {Đã xong rồi đói khát và mệt mỏi. Nếu Allah muốn, sẽ được ban thưởng.}

69- Lời cầu xin trước khi ăn.

178- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói: “Trước khi ăn các bạn hãy nói:

{بِسْمِ اللّٰهِ}

“Bis mil lah” nếu quên không nói trước khi ăn thì nói:

{بِسْمِ اللّٰهِ اَوَّلِهِ وَاٰخِرِهِ}

“Bis mil la hi aw wa li hi wa ã khi rih”⁽²¹⁰⁾ khi sực nhớ.” Hadith do Abu Dawood ghi.

Ông Umaiya bin Makhshi رضی الله عنه kể: “Trước kia, khi Nabi صلی الله علیه وسلم đang ngồi và kế bên là người đàn ông đang ăn, ông ta quên không nói:

{بِسْمِ اللّٰهِ}

“Bis mil lah” trước khi ăn, đến khi nhớ ra thì chỉ còn một miếng cuối cùng là hết, ông ta nói:

{بِسْمِ اللّٰهِ اَوَّلِهِ وَاٰخِرِهِ}

“Bis mil la hi aw wa li hi wa ã khi rih” khi nghe thế Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم cười và nói:

{مَا زَالَ الشَّيْطَانُ يَأْكُلُ مَعَهُ فَلَمَّا ذَكَرَ اسْمَ اللّٰهِ عَجِبَ اسْتَفَاءَ مَا فِي بَطْنِهِ}

⁽²⁰⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, thỉnh cầu sự khoan dung, độ lượng của Ngài bao trùm tất cả, xin hãy tha thứ cho bề tôi.}

⁽²¹⁰⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah từ đầu cho đến cuối.}

“Shayton đang ăn cùng với anh ta đến khi nghe được nhắc tên Allah thì hắn ói ra tất cả những gì có trong bụng.” Hadith do Abu Dawood và Al-Nasaa-i ghi và Sheikh Al-Albani cho rằng Hadith yếu.

179- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai đã được Allah ban cho thức ăn thì hãy nói:

{اللَّهُمَّ بَارِكْ لَنَا فِيهِ، وَأَطْعِمْنَا خَيْرًا مِنْهُ}

“Ol lo hum ma baa rik la naa fi hi, wa ot i’ m naa khoi ron min hu”⁽²¹¹⁾ và ai được Allah ban cho sữa uống thì hãy nói:

{اللَّهُمَّ بَارِكْ لَنَا فِيهِ وَزِدْنَا مِنْهُ}

“Ol lo hum ma baa rik la naa fi hi wa zid naa min hu.”⁽²¹²⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

70- Lời tạ ơn sau khi ăn.

180- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai ăn xong rồi nói:

{الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي أَطْعَمَنِي هَذَا، وَرَزَقَنِيهِ، مِنْ غَيْرِ حَوْلٍ مِنِّي،
وَلَا قُوَّةَ}

“Al ham du lil la hil la zi ot a’ ma ni haa za, wa ro za qo ni hi, min ghoi ri haw lin min ni, wa laa qu

⁽²¹¹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban phúc lành cho bầy tôi trong thức ăn này và hãy ban cho thức ăn khác tốt hơn.}

⁽²¹²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban phúc lành cho bầy tôi trong sữa này và hãy thêm nữa cho bầy tôi.}

wah.”**(213)** thì được xóa tất cả tội lỗi đã và chưa phạm.” Hadith do Abu Dawood ghi.

181-

{الْحَمْدُ لِلَّهِ حَمْدًا كَثِيرًا طَيِّبًا مُبَارَكًا فِيهِ، غَيْرَ مَكْفِيٍّ وَلَا مُوَدِّعٍ، وَلَا مُسْتَعْنَى عَنْهُ رَبَّنَا}

“Al ham du lil la hi ham dan ka thi ron, toi yi ban, mu baa ra kan fi hi, ghoi ro mak fi, wa laa mu wad da’, wa laa mus tagh nan a’n hu rab ba naa.”**(214)**

71- Lời cầu xin của khách dành cho chủ thức ăn.

182-

{اللَّهُمَّ بَارِكْ لَهُمْ فِي مَا رَزَقْتَهُمْ، وَاعْفِرْ لَهُمْ، وَارْحَمُهُمْ}

“Ol lo hum ma baa rik la hum fi maa ro zaq ta hum, wagh fir la hum, war ham hum.”**(215)** Hadith do Muslim ghi.

72- Lời cầu xin khi được ai mời ăn hoặc mời uống.

183-

(213) Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi, tán dương kính dâng lên Allah, Đấng đã ban cho thức ăn này và cung cấp nó cho bề tôi trong khi bề tôi không có khả năng tạo ra nó.}

(214) Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi, tán dương đều kính dâng Allah, chỉ vì Ngài thành tâm ca ngợi, tán dương, ngày càng nhiều hơn và vô tận không bao giờ ngưng cũng không bao giờ đủ.}

(215) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban phúc lành cho họ trong những bổng lộc mà Ngài đã cung cấp, xin hãy tha thứ và thương yêu họ.}

{اللَّهُمَّ أَطْعِمْ مَنْ أَطْعَمَنِي، وَاسْقِ مَنْ سَقَانِي}

“Ol lo hum ma ot i’ m man ot a’ ma ni, was qi man sa qo ni.”(216) Hadith do Muslim ghi.

73- Lời cầu xin cho người khác khi được mời xả chay.

184-

{أَفْطَرَ عِنْدَكُمْ الصَّائِمُونَ، وَأَكَلَ طَعَامَكُمْ الْأَبْرَارُ، وَصَلَّتْ عَلَيْكُمْ الْمَلَائِكَةُ}

“Af to ro i’n da ku mus so i mun, wa a ka la to ã’ ma ku mul ab raar, wa sol lat a’ lai ku mul ma laa i kah.”(217) Hadith do Abu Dawood, Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi và đã được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

74- Khi mời người nhịn chay dự tiệc.

185- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{إِذَا دُعِيَ أَحَدُكُمْ فَلْيَجِبْ، فَإِنْ كَانَ صَائِمًا فَلْيَصِلْ، وَإِنْ كَانَ مُفْطِرًا فَلْيَطْعَمْ}

“Ai trong các bạn được mời dự tiệc thì hãy đáp lại lời mời. Nếu là người nhịn chay thì hãy cầu xin cho gia

(216) Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy cung cấp thức ăn, thức uống cho ai đã cung cấp thức ăn, thức uống cho bề tôi.}

(217) Ý nghĩa: {Những người nhịn chay đã xả chay cùng các bạn, đã ăn thức ăn của các bạn và các bạn đã được các Thiên Thần cầu xin cho sự tha thứ và thương yêu.}

chủ sự tha thứ và phúc lành còn ai không nhịn chay thì hãy ăn.” Hadith do Muslim ghi.

75- Khi người nhịn chay bị chửi.

186- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{الصَّيَامُ جُنَّةٌ فَلَا يَزُفْتُ وَلَا يَجْهَلُ وَإِنْ أَمْرٌ وَقَاتَلَهُ أَوْ شَاتَمَهُ فَلْيَقُلْ:
إِنِّي صَائِمٌ مَرَّتَيْنِ. وَالَّذِي نَفْسِي بِيَدِهِ لَخُلُوفٌ فِيمَ الصَّائِمِ أَطْيَبُ عِنْدَ
اللَّهِ تَعَالَى مِنْ رِيحِ الْمِسْكِ، يَتْرُكُ طَعَامَهُ وَشَرَابَهُ وَشَهْوَتَهُ مِنْ أَجْلِ،
الصَّيَامِ لِي، وَأَنَا أَجْزِي بِهِ وَالْحَسَنَةُ بِعَشْرِ أَمْثَالِهَا}

“Sự nhịn chay là bức tường bảo vệ, vì thế (khi nhịn chay) đừng văng tục nói bậy, đừng hành động dại dột. Nếu bị đui giết hoặc bị chửi thì hãy nói:

{إِنِّي صَائِمٌ، إِنِّي صَائِمٌ}

“In ni so im, in ni so im”(218) Ta thề với Đấng nắm giữ linh hồn Ta, là mùi trong miệng người nhịn chay đối với Allah còn thơm hơn cả mùi xạ hương. Allah phán: “*Vì y đã bỏ thức ăn, thức uống và sự ham muốn (tình dục) vì TA. Sự nhịn chay là của riêng TA và TA sẽ ban thưởng cho y, và mỗi việc làm tốt đẹp được nhân lên mười lần.*”” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

76- Lời cầu xin khi được quả đầu mùa.

187-

(218) Ý nghĩa: {Thực sự tôi đang nhịn chay.}

{اللَّهُمَّ بَارِكْ لَنَا فِي ثَمَرِنَا، وَبَارِكْ لَنَا فِي مَدِينَتِنَا، وَبَارِكْ لَنَا فِي صَاعِنَا،
وَبَارِكْ لَنَا فِي مُدَّنَا}

“Ol lo hum ma baa rik la naa fi tha ma ri naa, wa baa rik la naa fi ma di na ti naa, wa baa rik la naa fi so i’ naa, wa baa rik la naa fi mud di naa.”⁽²¹⁹⁾ Hadith do Muslim ghi.

77- Lời cầu xin khi nhảy mũ.

188- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Khi ai trong các bạn hất hơi thì hãy nói:

{الْحَمْدُ لِلَّهِ}

“Al ham du lil lah”⁽²²⁰⁾ thì người nghe được, hãy cầu xin cho y:

{يَرْحَمَكَ اللَّهُ}

“Yar ha mu kol loh”⁽²²¹⁾ buộc người hất hơi phải cầu xin lại:

{يَهْدِيكُمْ اللَّهُ، وَيُصْلِحْ بِأَلْسِنَتِكُمْ}

⁽²¹⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban phúc lành cho bầy tôi trong mùa quả này, trong thành phố này, trong số và trong mud của bầy tôi.}

Ý nghĩa từ **Số** và **mud** là đơn vị đo lường ở thời Nabi صلی اللہ علیہ وسلم, một số bằng bốn mud và một mud bằng hai bùm tay của người đàn ông trung bình.

⁽²²⁰⁾ Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi đều kính dâng Allah}

⁽²²¹⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah thương yêu anh}

“Yah di ku mul loh, wa yus li hu baa la kum.” (222)
Hadith do Al-Bukhari ghi.

78- Khi nghe người Kafir nhẩy mũi và nói:
{أَلْحَمْدُ لِلَّهِ} hãy đáp lại.

189-

{يَهْدِيكُمْ اللَّهُ، وَيُصْلِحْ بِأَلْسِنَتِكُمْ}

“Yah di ku mul loh, wa yus li hu baa la kum.”

79- Lời chúc mừng cho người cưới vợ.

190-

{بَارَكَ اللَّهُ لَكَ، وَبَارَكَ عَلَيْكَ، وَجَمَعَ بَيْنَكُمَا فِي خَيْرٍ}

“Baa ro kol lo hu lak, wa baa ro ka a’ lai ka, wa ja ma a’ bai na ku maa fi khi riin.” (223) Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

80- Lời cầu xin khi cưới vợ hoặc mua súc vật.

191- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói: “**Khi ai trong các bạn cưới vợ hoặc mua một người đầy tớ, hãy nói:**

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَهَا، وَخَيْرَ مَا جَبَلْتَهَا عَلَيْهِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّهَا، وَشَرِّ مَا جَبَلْتَهَا عَلَيْهِ}

(222) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah hướng dẫn và cải thiện việc làm của các anh.}

(223) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban hồng phúc cho bạn và kết hợp hai bạn trong mọi điều tốt đẹp.}

“Ol lo hum ma in ni as a lu ka khoi ro haa, wa khoi ro maa ja bal ta haa a’ lai hi, wa a u’ zu bi ka min shar ri haa, wa shar ri maa ja bal ta haa a’ lai hi.”⁽²²⁴⁾ và khi mua lạc đà thì hãy cầm đỉnh bướu của nó và nói giống như vậy.” Hadith do Abu Dawood và Ibnu Majaah ghi.

Lời cầu xin này dành cho người mới cưới vợ áp dụng vào đêm động phòng. Đặt tay lên trán vợ và cầu xin.

81- Lời cầu xin trước khi ân ái.

192-

{بِسْمِ اللَّهِ، اللَّهُمَّ جَنِّبْنَا الشَّيْطَانَ، وَجَنِّبِ الشَّيْطَانَ مَا رَزَقْتَنَا}

“Bis mil lah, ol lo hum ma jam nib nash shai ton, wa jam ni bish shai to na maa ro zaq ta ni.”⁽²²⁵⁾

82- Lời cầu xin khi nóng giân.

193-

أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ

“A u’ zu bil la hi mi nash shai to nir ra jim”⁽²²⁶⁾

⁽²²⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy ban cho bề tôi cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc khi chung sống với nàng và hưởng được mọi điều tốt đẹp mà Ngài đã tạo cho nàng. Và cầu xin hãy che chở tránh mọi điều xấu từ nàng và mọi điều xấu mà Ngài đã tạo cho nàng.}

⁽²²⁵⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah. Lạy Allah, xin hãy mang Shayton tránh xa bày tôi và tránh xa mọi bổng lộc mà Ngài ban tặng cho bày tôi.}

83- Lời cầu xin khi sự thử thách (hoặc tai nạn) xảy ra đối với người khác.

194-

{ الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي عَاقَبَنِي مِمَّا ابْتَلَاكَ بِهِ، وَفَضَّلَنِي عَلَى كَثِيرٍ مِمَّنْ خَلَقَ تَفْضِيلًا }

“Al ham du lil la hil la zi ã’ faa ni mim mab ta laa ka bih, wa fodh dho la ni a’ la ka thi rim mim man kho la qo taf dhi la.” (227) Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

84- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم thường nói gì khi ngồi?

195- Ông Abdullah bin U’mar رضی اللہ عنہ kê: “Trước kia, Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói một trăm lần câu:

{ رَبِّ اغْفِرْ لِي، وَتُبْ عَلَيَّ، إِنَّكَ أَنْتَ التَّوَّابُ الْعَفُورُ }

“Rab bigh fir li, wa tub a’ lai, in na ka an tat taw waa bul gho fur.” (228) chỉ trong một lần ngồi.” Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

(226) Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin Allah che chở tránh khỏi lũ Shayton đáng bị nguyên rủa.}

(227) Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi, tụng niệm đều kính dâng Allah Đấng đã ban cho bề tôi tránh được sự thử thách (hoặc tai nạn) và đã ban cho bề tôi rất nhiều sự ưu đãi hơn những người khác.}

(228) Ý nghĩa: {Lạy Thượng Đế bề tôi, xin hãy dung thứ và chấp nhận sự sám hối của bề tôi. Bởi vì, Ngài là Đấng rất yêu thích ai quay lại sám hối, Ngài là Đấng Rất Mực Rộng Lượng.}

85- Lời cầu xin xóa tội trước khi đứng dậy.

196- Rasul صلى الله عليه وسلم nói: “Ai là người nói nhiều những lời không có ý nghĩa trong khi ngồi cùng nhóm thì hãy nói:

{سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِكَ، أَشْهَدُ أَنْ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، أَسْتَغْفِرُكَ
وَأَتُوبُ إِلَيْكَ}

“Sub haa na kol lo hum ma wa bi ham dik, ash ha du al laa i laa ha il la an ta, as tagh fi ru ka, wa a tu bu i lai ka.”⁽²²⁹⁾ trước khi đứng dậy được Allah xóa sạch tội cho y trong lần ngồi đó.” Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Al-Nasaa-i ghi.

86- Đáp lại khi được người khác cầu xin cho câu:

{غَفَرَ اللَّهُ لَكَ}

“Gho fa rol lo hu lak.”⁽²³⁰⁾

197-

{وَلَكَ}

“Wa la ka”⁽²³¹⁾

⁽²²⁹⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương, tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài. Cầu xin Ngài dung thứ tội cho bề tôi và bề tôi trở về sám hối với Ngài.}

⁽²³⁰⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah tha tội cho anh.}

⁽²³¹⁾ Ý nghĩa: {Và cho anh nữa.}

87- Lời cảm ơn ai đã giúp đỡ.

198-

{ جَزَاكَ اللَّهُ خَيْرًا }

“Ja zaa kol lo hu khoi ro.”⁽²³²⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

88- Làm những điều dưới đây sẽ được Allah bảo vệ khỏi Dajjaal.199- Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{ مَنْ حَفِظَ عَشْرَ آيَاتٍ مِنْ أَوَّلِ سُورَةِ الْكَهْفِ عُصِمَ مِنَ الدَّجَالِ }

“Ai thuộc mười câu Kinh đầu tiên của chương Al-Kahf (chương 18) được Allah bảo vệ khỏi Dajjaal.” Hadith do Muslim ghi.

Và cầu xin Allah che chở tránh khỏi Dajjaal sau mỗi lần Salah bắt buộc trước khi Salam:

{ اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَمِنْ عَذَابِ جَهَنَّمَ، وَمِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ، وَمِنْ شَرِّ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ }

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka min a’ zaa bil qab ri, wa min a’ zaa bi ja han năm, wa min fit na til mah yaa, wal ma maat, wa min shar ri fit na til ma si hid daj jaal.”⁽²³³⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

⁽²³²⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban tặng cho anh nhiều điều tốt.}

⁽²³³⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự hành phạt trong cõi mộ và hành phạt nơi hỏa ngục, tránh

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا وَالْمَمَاتِ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْمَأْثِمِ وَالْمَغْرَمِ}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka min a’ zaa bil qab ri, wa a u’ zu bi ka min fit na til ma si hid daj jaal, wa a u’ zu bi ka min fit na til mah yaa, wal ma maat. Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka mi nal ma tham wal magh ram.”⁽²³⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

89- Đáp lại khi được người khác nói:

{إِنِّي أُحِبُّكَ فِي اللَّهِ}

“In ni u hib bu ka fil lah.”⁽²³⁵⁾

200-

{أَحَبُّكَ الَّذِي أَحَبَّبْتَنِي لَهُ}

“A hab ba kal la zi ah bab ta ni lah.”⁽²³⁶⁾ Hadith do Abu Dawood ghi.

khỏi mọi thử thách cám dỗ của cuộc sống trần gian, trước khi chết và tránh mọi điều xấu khi Dajjaal xuất hiện.}

⁽²³⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài che chở tránh khỏi sự hành phạt nơi cõi mộ, tránh khỏi mọi thử thách cám dỗ khi Dajjaal xuất hiện, xin Ngài che chở mọi thử thách lúc sống và trước khi chết. Lạy Allah, xin hãy che chở bề tôi tránh khỏi tội lỗi và nợ nần.}

⁽²³⁵⁾ Ý nghĩa: {Thực sự, tôi thương anh vì Allah.}

90- LỜI CẦU XIN CHO NGƯỜI KHÁC KHI CHO BẠN TÀI SẢN CỦA ANH TA.

201-

{بَارَكَ اللَّهُ لَكَ فِي أَهْلِكَ وَمَالِكَ}

“Baa ro kol lo hu la ka fi ah li ka wa maa lik.” (237)
Hadith do Al-Bukhari ghi.

91- LỜI CẦU XIN KHI TRẢ NỢ CHO NGƯỜI KHÁC.

202-

{بَارَكَ اللَّهُ لَكَ فِي أَهْلِكَ وَمَالِكَ، إِنَّمَا جَزَاءُ السَّلْفِ الْحَمْدُ وَالْأَدَاءُ}

“Baa ro kol lo hu la ka fi ah li ka wa maa lik, in na maa ja zaa us sa la fil ham du wal a da.” (238) Hadith do Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

92- LỜI CẦU XIN KHI SỢ PHẢI PHẠM TỘI RIVA (PHÔ TRƯỞNG, KHOE KHOAN).

203-

{اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ أَنْ أَشْرِكَ بِكَ وَأَنَا أَعْلَمُ، وَأَسْتَغْفِرُكَ لِمَا لَا أَعْلَمُ}

(236) Ý nghĩa: {Sẽ thương yêu lại anh Đáng mà anh đã thương tôi vì Ngài.}

(237) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban hồng phúc cho gia đình anh và tài sản của anh.}

(238) Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban hồng phúc cho gia đình anh và tài sản của anh. Và phần thưởng của việc cho mượn là lời cảm ơn và trả lại vật mượn.}

“Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi ka an ush ri ka bi ka wa a na a’ lam, wa as tagh fi ru ka li maa laa a’ lam.”⁽²³⁹⁾ Hadith do Al-Nasaa-i và Ibnu Majaah ghi.

93- Đáp lại khi được người khác nói:

{بَارَكَ اللَّهُ فِيكَ}

“Baa ro kol lo hu fi ka.”⁽²⁴⁰⁾

204-

{وَفِيكَ بَارَكَ اللَّهُ}

“Wa fi ka baa ro kol loh.”⁽²⁴¹⁾ Hadith do Al-Sani ghi.

94- Lời cầu xin tránh tin tưởng dị đoan.

205-

{اللَّهُمَّ لَا طَيْرَ إِلَّا طَيْرُكَ، وَلَا خَيْرَ إِلَّا خَيْرُكَ، وَلَا إِلَهَ غَيْرُكَ}

“Ol lo hum ma laa toi ro, il laa toi ruk, wa laa khoi ro il laa khoi ruk, wa laa i laa ha ghoi ruk.”⁽²⁴²⁾ Hadith do Ahmad và Al-Nasaa-i ghi.

⁽²³⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy che chở cho bề tôi tránh khỏi tội tở hợp Ngài trong khi bề tôi hiểu biết và hãy tha thứ với những gì bề tôi không hiểu biết.}

⁽²⁴⁰⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban hồng phúc cho anh.}

⁽²⁴¹⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban hồng phúc cho anh.}

⁽²⁴²⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, không có điềm xấu nào cả ngoại trừ điềm xấu của Ngài gián xuống, và cũng không có điềm tốt nào cả mà chỉ có điềm tốt của Ngài ban tặng. Và cũng không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài.}

95- Lời cầu xin khi lên tàu, xe, máy bay hoặc cưỡi ngựa, lạc đà v.v.

206-

{بِسْمِ اللَّهِ، الْحَمْدُ لِلَّهِ ﴿سُبْحَانَ الَّذِي سَخَّرَ لَنَا هَذَا وَمَا كُنَّا لَهُ مُقْرِنِينَ ﴿١٣﴾ وَإِنَّا إِلَىٰ رَبِّنَا لَمُنْقَلِبُونَ ﴿١٤﴾﴾ الْحَمْدُ لِلَّهِ، الْحَمْدُ لِلَّهِ، الْحَمْدُ لِلَّهِ، الْحَمْدُ لِلَّهِ، اللَّهُ أَكْبَرُ، اللَّهُ أَكْبَرُ، اللَّهُ أَكْبَرُ، سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ إِنِّي ظَلَمْتُ نَفْسِي، فَاعْفُرْ لِي، فَإِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ {

“Bis mil lah, al ham du lil lah, sub haa nal la zi sakh kho ro la naa haa za wa maa kun naa la hu muq ri n.i.n, wa in naa i la rab bi naa la mun qo li bun, al ham du lil lah, al ham du lil lah, al ham du lil lah, ol lo hu ak bar, ol lo hu ak bar, ol lo hu ak bar, sub haa na kol lo hum ma in ni zo lam tu naf si, fagh fir li, fa in na hu laa yagh fi ruz zu nu ba il laa an ta.”⁽²⁴³⁾

Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

96- Lời cầu xin khi bắt đầu chuyến đi.

207-

⁽²⁴³⁾ Ý nghĩa: {Nhân danh Allah. Mọi lời ca ngợi, tụng niệm đều kính dâng Allah ﴿Vinh quang thay Allah, Đấng đã chinh phục vật này cho bầy tôi sử dụng trong khi bầy tôi không có khả năng chinh phục * Và chắc chắn bầy tôi sẽ trở về gặp Thượng Đế của bầy tôi (vào ngày sau).﴾ Al-Zukhruf: 13 - 14 (chương 43). Mọi lời ca ngợi, tụng niệm đều kính dâng Allah, Allah vĩ đại nhất, vinh quang thay Ngài, Thượng Đế của bầy tôi. Quả thực, bầy tôi đã sai quấy, cầu xin Ngài sự tha thứ, khoan dung cho bầy tôi vì không ai có khả năng tha thứ tội lỗi mà chỉ có Ngài.}

{ اللهُ أَكْبَرُ، اللهُ أَكْبَرُ، اللهُ أَكْبَرُ} ﴿سُبْحَانَ الَّذِي سَخَّرَ لَنَا هَذَا وَمَا كُنَّا لَهُ مُقْرِنِينَ ﴿١٣﴾ وَإِنَّا إِلَىٰ رَبِّنَا لَمُنْقَلِبُونَ ﴿١٤﴾﴾ اللَّهُمَّ إِنَّا نَسْأَلُكَ فِي سَفَرِنَا هَذَا الْبِرَّ وَالتَّقْوَىٰ، وَمِنَ الْعَمَلِ مَا تَرْضَىٰ. اللَّهُمَّ هَوِّنْ عَلَيْنَا سَفَرَنَا هَذَا، وَاطْوِ عَنَّا بُعْدَهُ. اللَّهُمَّ أَنْتَ الصَّاحِبُ فِي السَّفَرِ، وَالْخَلِيفَةُ فِي الْأَهْلِ. اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ وَعْثَاءِ السَّفَرِ، وَكَآبَةِ الْمُنْظَرِ، وَسُوءِ الْمُنْقَلَبِ فِي الْمَالِ وَالْأَهْلِ} {

“Ol lo hu ak bar, ol lo hu ak bar, ol lo hu ak bar, sub haa nal la zi sakh kho ro la naa haa za wa maa kun naa la hu muq ri n.i.n, wa in naa i la rab bi naa la mun qo li bun. Ol lo hum ma in naa nas a lu ka fi sa fa ri naa haa zal bir ro wat taq wa, wa mi nal a’ ma li maa tar dho. Ol lo hum ma haw win a’ lai naa sa fa ro naa haa za, wot wi a’n naa bua’ dah. Ol lo hum ma an tos so hi bi fis sa far, wal kho li fa tu fil ah li. Ol lo hum ma in ni a u’ zu bi min wa’ thaa is sa far, wa ka ã ba til man zor, wa su il mun qo la bi fil maa li wal ah li.”(244) Hadith do Muslim ghi.

(244) Ý nghĩa: {Nhân danh Allah. Mọi lời ca ngợi, tụng niệm đều kính dâng Allah ﴿Vinh quang thay Allah, Đấng đã chinh phục vật này cho bầy tôi sử dụng trong khi bầy tôi không có khả năng chinh phục * Và chắc chắn bầy tôi sẽ trở về gặp Thượng Đế của bầy tôi (vào ngày sau).﴾ Al-Zukhruf: 13 - 14 (chương 43). Lạy Allah, xin hãy ban cho chuyến đi này đầy ý nghĩa và kính sợ (Ngài) và xin hãy ban cho bầy tôi thực hiện được những việc làm Ngài hài lòng. Lạy Allah, xin hãy làm cho chuyến đi này thật thanh thản, dễ dàng và ngắn lại. Ngài là Đấng cần kè phù hộ bầy tôi trong chuyến đi, là Đấng giám hộ gia đình

Khi trở về đọc lời cầu xin trên và thêm:

{آيُونَ، تَائِبُونَ، عَابِدُونَ، لِرَبِّنَا حَامِدُونَ}

“Ā yi b.u.n, taa i b.u.n, ã’ bi d.u.n, li rab bi naa haa mi d.u.n.”⁽²⁴⁵⁾ Hadith do Muslim ghi.

97- Lời cầu xin khi vào thành phố hoặc xóm làng

208-

{اللَّهُمَّ رَبَّ السَّمَاوَاتِ السَّبْعِ وَمَا أَظْلَلْنَ، وَرَبَّ الْأَرْضِينَ السَّبْعِ وَمَا أَقْلَلْنَ، وَرَبَّ الشَّيَاطِينِ وَمَا أَضَلَلْنَ، وَرَبَّ الرِّيَّاحِ وَمَا ذَرَيْنِ، أَسْأَلُكَ خَيْرَ هَذِهِ الْقَرْيَةِ وَخَيْرَ أَهْلِهَا، وَخَيْرَ مَا فِيهَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّهَا وَشَرِّ أَهْلِهَا، وَشَرِّ مَا فِيهَا}

“Ol lo hum ma rab bas sa maa waa tis sab i’ wa maa oz lal na, wa rab bal ar dhi nas sab i’ wa maa oq lal na, wa rab bash sha yaa ti ni wa maa oz lal na, wa rab bar ri yaa hi wa maa za roi na, as a lu ka kho ro haa zi hil qar ya ti wa khoi ro ah li haa, wa khoi ro maa fi haa, wa a u’ zu bi ka min shar ri haa, wa shar ri ah li haa, wa shar ri maa fi haa.”⁽²⁴⁶⁾ Hadith do Al-Hakim và Ibnu Al-Sani ghi.

bè tôi ở quê nhà. Cầu xin hãy che chở cho bè tôi tránh khỏi mọi khó khăn, mệt nhọc trong chuyến đi và tránh xa mọi điều xấu xảy ra trong gia đình cũng như tài sản khi trở về}

⁽²⁴⁵⁾ **Ý nghĩa:** {Bây tôi quay trở về sám hối, thành tâm tôn thờ và vì Thượng Đế của bây tôi, bây tôi ca tụng, tán dương.}

⁽²⁴⁶⁾ **Ý nghĩa:** {Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của bảy tầng trời và những gì chúng che mát. Là Chủ Nhân của bảy tầng đất và

98- Lời cầu xin khi vào chợ:

209- Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم nói: “Ai vào chợ và nói:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، يُحْيِي وَيُمِيتُ، وَهُوَ حَيٌّ لَا يَمُوتُ، بِيَدِهِ الْخَيْرُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, yuh yi wa yu mit, wa hu wa hai yun laa ya mut, bi ya di hil khoi ru, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r.”⁽²⁴⁷⁾ được Allah viết cho y một triệu điều tốt và xóa đi một triệu điều xấu đồng thời nâng y lên một triệu cấp.” Hadith do Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi.

99- Lời cầu xin khi vật cười mặt (hoặc xe hư).

210-

những gì chúng bông ảm. Là Chủ Nhân của loài Shayton và những gì chúng làm lầm lạc. Là chủ Nhân của các cơn gió, cơn bão và những gì làm cho (mọi vật) bay. Bề tôi cầu xin những điều tốt ở ngôi làng này, ở thị dân và những kiến thức tốt đẹp của ngôi làng. Và hãy che chở tránh xa mọi tác hại của ngôi làng, những thói hư của thị dân và mọi kiến thức bất lợi của ngôi làng.}

⁽²⁴⁷⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài, Ngài là Đấng ban cho sự sống và cái chết, Ngài là Đấng Sống Mãi, Đấng Bất Diệt. Tất cả mọi điều tốt, (điều xấu) đều trong tay Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

{بِسْمِ اللَّهِ}

“Bis mil lah”

100- Lời chia tay của người đi dành cho người ở.

211-

{أَسْتَوِدُّعُكُمْ اللَّهُ، الَّذِي لَا تَضِيعُ وَدَائِعُهُ}

“As taw di u’ ku mul loh, al la zi laa tu dhi u’ wa daa i u’ h.”⁽²⁴⁸⁾ Hadith do Ibnu Al-Majaah và Ahmad ghi.

101- Lời chia tay của người ở lại dành cho người ra đi.

212-

{أَسْتَوِدُّعُ اللَّهَ دِينَكَ، وَأَمَانَتَكَ، وَخَوَاتِيمَ عَمَلِكَ}

“As taw di u’ l lo ha di nak, wa a maa na tak, wa kho waa ti ma a’ ma lik.”⁽²⁴⁹⁾ Hadith do Al-Tirmizhi và Ahmad ghi.

213-

{زَوَّدَكَ اللَّهُ التَّقْوَى، وَغَفَرَ ذَنْبَكَ، وَيَسَّرَ لَكَ الْخَيْرَ حَيْثَمَا كُنْتَ}

“Zaw wa ka kol lo hut taq wa, wa gho fa ro zam bak, wa yas sa ro la kal khoi ro hai thu maa kun ta.”⁽²⁵⁰⁾ Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

⁽²⁴⁸⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi xin ký gởi mọi người cho Allah, Ngài là Đấng không hề làm mất vật đã được ký gởi cho Ngài.}

⁽²⁴⁹⁾ Ý nghĩa: {Tôi xin ký gởi tôn giáo anh, tài sản của anh và kết quả hành đạo của anh cho Allah.}

102- Ca tụng, tán dương khi đi bộ trong chuyến đi.

214- Ông Jabir رضي الله عنه kể: “Trước kia, khi bầy tôi đi lên dốc thì nói:

{اللَّهُ أَكْبَرُ}

“Ol lo hum ak bar.”⁽²⁵¹⁾ và khi đi xuống dốc thì nói:

{سُبْحَانَ اللَّهِ}

“Sub haa nol loh.”⁽²⁵²⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

103- Lời cầu xin dành cho việc đi đường xa trong đêm lúc gần sáng.

215-

{سَمِعَ سَامِعٌ بِحَمْدِ اللَّهِ، وَحُسْنِ بَلَاءِهِ عَلَيْنَا، رَبَّنَا صَاحِبِنَا، وَأَفْضَلِ عَلَيْنَا عَائِدًا بِاللَّهِ مِنَ النَّارِ}

“Sam ma a’ saa mi u’n bi ham dil lah, wa hus ni ba laa i hi a’ lai naa, rab ba naa so hib naa, wa af dhil a’ lai naa a’ i zan bil la hi mi nan naar.”⁽²⁵³⁾ Hadith do Muslim ghi.

⁽²⁵⁰⁾ Ý nghĩa: {Cầu xin Allah ban cho anh thêm lòng kính sợ, tha thứ tội lỗi cho anh và làm cho nơi anh ở mọi việc đều dễ dàng thuận lợi tốt đẹp.}

⁽²⁵¹⁾ Ý nghĩa: {Allah vĩ đại nhất.}

⁽²⁵²⁾ Ý nghĩa: {Vinh quan thay Allah.}

⁽²⁵³⁾ Ý nghĩa: {Ai nghe được lời ca tụng này và sự dũng cảm này của chúng tôi thì hãy truyền lại cho người khác. Thượng Đế của chúng tôi đồng hành cùng chúng tôi, Ngài là Đấng bảo vệ}

104- Lời cầu xin khi dừng chân nơi lạ.

216- Rasul صلی الله علیه وسلم nói: “Ai dừng chân nơi lạ và nói:

{أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ، مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ}

“A u’ zu bi ka li maa til la hit taam maat, min shar ri maa kho laq.”⁽²⁵⁴⁾ sẽ không có gì làm hại đến y cho đến khi rời khỏi nơi đó.” Hadith do Muslim ghi.

105- Lời cầu xin khi quay trở về từ chuyến đi.

217- Khi Nabi صلی الله علیه وسلم quay trở về đến gò đất cao hoặc vùng đất trống Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói lớn tiếng nói ba lần câu:

{اللَّهُ أَكْبَرُ}

“Ol lo hum ak bar.”⁽²⁵⁵⁾ và tiếp:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. آيُونَ، تَائِبُونَ، عَابِدُونَ، لِرَبَّنَا حَامِدُونَ، صَدَقَ اللَّهُ وَعْدَهُ، وَنَصَرَ عَبْدَهُ، وَهَزَمَ الْأَحْزَابَ وَحْدَهُ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li

chúng tôi tránh mọi điều không thích và cũng là Đáng mà chúng tôi cầu xin che chở khỏi hỏa ngục.}

⁽²⁵⁴⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin lời phán hoàn hảo của Allah che chở tránh khỏi mọi điều xấu và điều bất lợi mà Ngài đã tạo}

⁽²⁵⁵⁾ Ý nghĩa: {Allah vĩ đại nhất.}

shai in qo d.i.r; ã yi b.u.n, taa i b.u.n, ã' bi d.u.n, li rab bi naa haa mi d.u.n; so da qol lo hu wa' dah, wa na so ro a'b dah, wa ha za mal ah zaa ba wah dah.”(256) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

106- Lời nói khi nhận được tin vui hoặc tin buồn.

218- Phu nhân Nabi صلی اللہ علیہ وسلم bà A'-ishah رضی اللہ عنہا kê:

“Trước kia, khi nhận được tin vui Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي بِنِعْمَتِهِ تَتِمُّ الصَّالِحَاتُ}

“Al ham du lil la hil la zi bi ne' ma ti hi ta tim mus so li haat.”(257) Và khi nhận được tin buồn Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{الْحَمْدُ لِلَّهِ عَلَى كُلِّ حَالٍ}

“Al ham du lil la hi a' la kul li haal.”(258) Hadith do Ibnu Majaah, Al-Hakim và Ibnu Al-Sani ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

(256) Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Bầy tôi quay trở về sám hối với Allah, thành tâm tôn thờ Ngài. Và vì Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi ca tụng, tán dương. Lời giao ước của Allah giúp đỡ đám nô lệ của Ngài là thật và duy chỉ Ngài đã hủy diệt phe đảng (chống đối).}

(257) Ý nghĩa: {Mọi lời ca ngợi, tán dương đều kính dâng Allah, Đấng mà nhờ có phúc lành của Ngài làm cho mọi việc được hoàn hảo.}

107- Giá trị việc Solawat ⁽²⁵⁹⁾ cho Nabi صلی اللہ علیہ وسلم

219- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ مَنْ صَلَّى عَلَيَّ صَلَاةً صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ بِهَا عَشْرًا }

“Ai Solawat cho Ta một lần thì y được Allah Solawat cho y mười lần.” Hadith do Muslim ghi.

220- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ لَا تَجْعَلُوا قَبْرِي عِيدًا وَصَلُّوا عَلَيَّ، فَإِنَّ صَلَاتَكُمْ تَبْلُغُنِي حَيْثُ كُنْتُمْ }

“Cấm các người biến sự thăm viếng mộ Ta thành một ngày lễ, cứ Solawat cho Ta ở bất cứ đâu các người ở, bởi lời Solawat đó sẽ đến được với Ta.” Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

221- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{ الْبَخِيلُ مَنْ ذُكِرْتُ عِنْدَهُ فَلَمْ يُصَلِّ عَلَيَّ }

“Người keo kiệt, bủn xỉn là người mà khi nghe nhắc đến Ta mà y không Solawat cho Ta.” Hadith do Al-Tirmizhi ghi.

⁽²⁵⁸⁾ Ý nghĩa: {Tạ ơn Allah trong mọi hoàn cảnh (dù giàu có hay nghèo, dù mạnh lành hay bệnh hoạn ...)}

⁽²⁵⁹⁾ Solawat được chia thành ba ý nghĩa: Solawat của Allah nghĩa là khen ngợi, tuyên dương; Solawat của Thiên Thần nghĩa là cầu xin sự tha thứ; còn Solawat của con người nghĩa là cầu xin phúc lành.

222- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói:

{إِنَّ لِلَّهِ مَلَائِكَةً سَيَّاحِينَ فِي الْأَرْضِ يُبَلِّغُونِي مِنْ أُمَّتِي السَّلَامَ}

“Quả thực, Allah có một đội ngũ Thiên Thần có mặt khắp nơi trên mặt đất để chuyển lại Ta lời chào Salam của giáo dân Ta chào Ta.” Hadith do Al-Nasaa-i và Al-Hakim ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

223- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói:

{مَا مِنْ أَحَدٍ يُسَلِّمُ عَلَيَّ إِلَّا رَدَّ اللَّهُ عَلَيَّ رُوحِي حَتَّى أَرُدَّ عَلَيْهِ السَّلَامَ}

“Khi ai chào Salam cho Ta thì Ta được Allah trả linh hồn Ta trở lại thể xác để đáp lại y lời Salam.” Hadith do Abu Dawood ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

108- Lan truyền lời chào Salam.

224- Thiên sứ صلی الله علیه وسلم nói:

{لَا تَدْخُلُوا الْجَنَّةَ حَتَّى تُؤْمِنُوا، وَلَا تُؤْمِنُوا حَتَّى تَحَابُّوا، أَوْ لَا أَدُلُّكُمْ عَلَى شَيْءٍ إِذَا فَعَلْتُمُوهُ تَحَابَبْتُمْ، أَفْشُوا السَّلَامَ بَيْنَكُمْ}

“Sẽ không ai được vào thiên đàng cho đến khi có đức tin, và đức tin sẽ không được hoàn thiện, đầy đủ cho đến khi tín đồ Muslim biết yêu thương lẫn nhau. Chẳng lẽ các bạn không muốn Ta dạy cho việc làm khi thực hiện nó sẽ làm cho các bạn yêu thương lẫn nhau ư? Hãy luôn chào nhau lời Salam.” Hadith do Muslim ghi.

225- Ông A'mmar رضي الله عنه nói: “Có ba điều nếu ai làm được tất cả thì đã tập hợp được đức tin: công bằng với bản thân, chào Salam với tất cả mọi người và bỏ thí khi có tính keo kiệt, bủn xỉn.” Hadith do Al-Bukhari ghi.

Công bằng với bản thân tức hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với Allah và với mọi người.

226- Ông Abdullah bin U'mar رضي الله عنه kể: “Có một người đàn ông hỏi Nabi صلى الله عليه وسلم trong Islam điều gì tốt nhất? Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم trả lời:

{ تَطْعِمُ الطَّعَامَ وَتَقْرَأُ السَّلَامَ عَلَى مَنْ عَرَفْتَ وَمَنْ لَمْ تَعْرِفْ }

“Phân phát thức ăn và chào hỏi Salam với người quen biết và người không quen biết.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Không được chào Salam cho người Kafir (Người ngoại đạo).

109- Cách trả lời khi được người Kafir (ngoại đạo) chào Salam.

227- Nabi صلى الله عليه وسلم dạy: “**Khi các bạn được thị dân Kinh Sách⁽²⁶⁰⁾ chào bằng lời Salam thì hãy đáp lại:**

{ وَعَلَيْكُمْ }

“**Wa a' lai kum.**”⁽²⁶¹⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

⁽²⁶⁰⁾ Thị dân Kinh Sách là người Do Thái giáo và người Thiên Chúa giáo.

⁽²⁶¹⁾ Ý nghĩa: { và cho các ông. }

110- Lời cầu xin khi nghe gà gáy và nghe tiếng kêu của con lừa.

228- Nabi صلی الله علیه وسلم dạy:

{ إِذَا سَمِعْتُمْ صِيَاحَ الدَّيْكََةِ فَاسْأَلُوا اللَّهَ مِنْ فَضْلِهِ فَإِنَّهَا رَأَتْ مَلَكًا، وَإِذَا سَمِعْتُمْ نَهَيْقَ الْحِمَارِ فَتَعَوَّذُوا بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ فَإِنَّهُ رَأَى شَيْطَانًا }

“Khi các bạn nghe gà gáy thì hãy cầu xin Allah ban cho sự ưu đãi, vì khi đó nó nhìn thấy Thiên Thần. Còn khi các bạn nghe tiếng kêu của con lừa thì hãy cầu xin Allah che chở tránh khỏi Shayton, vì khi đó nó nhìn thấy Shayton.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

111- Lời cầu xin khi nghe tiếng chó sủa ban đêm.

229- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم dạy:

{ إِذَا سَمِعْتُمْ نُبَاحَ الْكِلَابِ وَنَهَيْقَ الْحَمِيرِ بِاللَّيْلِ فَتَعَوَّذُوا مِنْهُمْ، فَإِنَّهُنَّ يَرِينَ مَا لَا تَرُونَ }

“Khi các bạn nghe tiếng chó sủa và tiếng kêu của con lừa vào ban đêm thì hãy cầu xin Allah che chở tránh khỏi chúng. Quả thực, chúng nhìn thấy được những điều mà các bạn không thể thấy.” Hadith do Abu Dawood và Ahmad ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

Lúc đây chó và lừa nhìn thấy được Shayton trong khi con người không nhìn thấy.

112- Lời cầu xin cho người bị bạn chửi.

230-

{اللَّهُمَّ فَأَيُّمَا مُؤْمِنٍ سَبَبْتُهُ، فَاجْعَلْ ذَلِكَ لَهُ قُرْبَةً إِلَيْكَ يَوْمَ الْقِيَامَةِ}

“Ol lo hum ma fa ay yu maa mu mi nin sa bab tu hu, faj a’l zaa li ka la hu qur ba tan i lai ka yaw mal qi yaa mah.” (262) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

113- Khi người Muslim khen ngợi người Muslim khác.

231- Thiên sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ai trong các bạn đã kiên quyết khen ngợi người anh em bạn và y biết rõ về người đó, hãy nói:

{أَحْسِبُ فَلَانًا: وَاللَّهُ حَسِيبُهُ وَلَا أُزْكَي عَلَى اللَّهِ أَحَدًا}

“Ah si bu fu laa nan: Wol lo hu ha si bu hu, wa laa u zak ki a’ lol lo hi a ha da.” (263) Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

114- Lời cầu xin khi được khen ngợi.

232-

(262) Ý nghĩa: {Lạy Allah, bất cứ người Mumin nào đã bị bẻ tôi chửi, xin Ngài hãy thay đổi lời chửi đó thành vật dâng hiến của y dâng Ngài vào ngày phán xử.}

(263) Ý nghĩa: {Tôi tin rằng anh ta rất tốt, nhưng riêng Allah mới biết rõ nhất vụ việc của anh ta. Tôi không bào chữa hay biện minh cho bất cứ người nào trước Allah.}

{اللَّهُمَّ لَا تُؤَاخِذْنِي بِمَا يَقُولُونَ، وَاعْفِرْ لِي مَا لَا يَعْلَمُونَ، وَاجْعَلْنِي خَيْرًا مِمَّا يَظُنُّونَ}

“Ol lo hum ma laa tu ã khiz ni bi maa ya qu l.u.n, wagh fir li maa laa ya’ la m.u.n, waj a’l ni khoi ron mim maa ya zun n.u.n.”⁽²⁶⁴⁾ Hadith do Al-Bukhari ghi.

115- Lời nói sau khi mặc Ihrom làm U’mrah hoặc hành hương Hajj.

233-

{لَبَّيْكَ اللَّهُمَّ لَبَّيْكَ، لَبَّيْكَ لَا شَرِيكَ لَكَ لَبَّيْكَ، إِنَّ الْحَمْدَ وَالنِّعْمَةَ لَكَ وَالْمُلْكَ، لَا شَرِيكَ لَكَ}

“Lab bai kol lo hum ma lab bai ka, lab bai ka laa sha ri ka la ka lab bai ka, in nal ham da wan ne’ ma ta la ka, wal mul ka, laa sha ri ka lak.”⁽²⁶⁵⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

116- Nói Allahu Akbar khi đến đá đen.

⁽²⁶⁴⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin đừng bắt tội bẻ tôi với những gì họ nói, xin hãy dung thứ cho bẻ tôi những gì họ chưa biết, và hãy ban sự tốt hơn cho bẻ tôi với những gì họ nghĩ.}

⁽²⁶⁵⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, bẻ tôi đã vâng lời Ngài, đã tuân lệnh Ngài không tổ hợp Ngài với bất cứ ai (hay bất cứ vật gì). Quả thực, tất cả mọi lời ca ngợi tán dương, mọi hồng ân và mọi uy quyền đều là của Ngài mà không có cộng tác với Ngài.}

234- Ông Abdullah bin Abbas رضي الله عنه kể: “Nabi صلى الله عليه وسلم ngòì trên con lạch đà đi Tawwaf⁽²⁶⁶⁾ quanh ngòì ðền Ka’bah và mỗi lần ðến ðá ðen là Ngườì ðùng (gậy) chỉ về ðá ðen và nói ol lo hu ak bar.} Hadith do Al-Bukhari ghi.

117- Lờì cầu xin khi ði Tawwaf giũa hai cột Al-Yamani và ðá ðen.

235-

﴿رَبَّنَا آتِنَا فِي الدُّنْيَا حَسَنَةً وَفِي الْآخِرَةِ حَسَنَةً وَقِنَا عَذَابَ النَّارِ﴾

(267) ﴿٢٦٧﴾

118- Lờì tặg niệm khi ðứng trên Sofa và Marwah.

236- Ông Jabir bin Abdullah رضي الله عنه kể: “Khi Nabi صلى الله عليه وسلم ðến gần núi Sofa Ngườì ðọc:

﴿إِنَّ الصَّفَا وَالْمَرْوَةَ مِنْ شَعَائِرِ اللَّهِ﴾ (268)

{أَبْدَأُ بِمَا بَدَأَ اللَّهُ بِهِ}

(266) Tawwaf là ði xung quang ngòì ðền Ka’bah bảy vòng theo ngược chiều kim ðồng hồ.

(267) Ý nghĩa: ﴿Lạy Allah, xin hãy ban cho bày tôi tất cả mọi ðiều tốt lành ở trần gian này và ở ðời sau. Và xin hãy bảo vệ bày tôi thoát khỏi hành phạt của hỏa ngục.﴾ Al-Baqarah: 201 (chương 2).

(268) Ý nghĩa: ﴿Quả thật, (hai ngọn núi) Sofa và Marwah (tại Makkah) là một trong những ðấu hiệu của Allah.﴾ Al-Baqarah: 158 (chương 2).

“**Ab da u bi maa ba da ol lo hu bih.**”⁽²⁶⁹⁾ tiếp đó Nabi صلی اللہ علیہ وسلم leo lên núi Sofa cho đến khi nhìn thấy ngôi đền Ka’bah, Nabi صلی اللہ علیہ وسلم hướng về đó (giơ đôi bàn tay lên mà) khấn vái:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ. لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ، أَنْجَزَ وَعَدَهُ، وَنَصَرَ عَبْدَهُ، وَهَزَمَ الْأَحْزَابَ وَحْدَهُ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r; laa i laa ha il lol lo hu wah dah, an ja za wa’ dah, wa na so ro a’b dah, wa ha za mal ah zaa ba wah dah.”⁽²⁷⁰⁾ Nabi صلی اللہ علیہ وسلم khấn vái ba lần và cầu xin giữa các lần đó. Khi đến núi Marwah Người làm giống như trên núi Sofa.” Hadith do Muslim ghi.

119- Lời cầu xin vào ngày A’rofah.

237- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Lời cầu xin tốt nhất vào ngày A’rofah, tốt hơn cả những gì Ta và các vị Thiên Sứ trước Ta nói là câu:

⁽²⁶⁹⁾ Ý nghĩa: {Tôi khởi đầu bằng những gì Allah đề xướng.}

⁽²⁷⁰⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc. Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, lời giao ước của Allah giúp đỡ đám nô lệ của Ngài là thật và duy chỉ Ngài đã hủy diệt phe đảng (chống đối).}

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r”⁽²⁷¹⁾

120- Lời tụng niệm ở Al-Mash-a’rul Harom tại Muzdalifah).

238- Ông Jabir bin Abdullah رضي الله عنه kể: “Nabi صلی الله علیه وسلم ngòì trên Al-Qaswa (tên con lạc đà) cho đến khi đến Al-Mash-a’rul Harom, Người hướng về Qiblah (giơ hai tay lên) cầu xin Allah khẩn vái:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r”⁽²⁷²⁾ cho đến khi mặt trời đổ ửng. Sau

⁽²⁷¹⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

⁽²⁷²⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

đó, Người rời hướng đến Nina trước khi mặt trời mọc.”
Hadith do Muslim ghi.

121- Lời tụng niệm khi ném đá vào các trụ.

239- Ông Abdullah bin U'mar رضي الله عنه kể: “Nabi صلى الله عليه وسلم nói *Ol lo hu ak bar* khi ném mỗi viên đá vào ba trụ đá. Sau khi ném xong ở trụ đá thứ nhất Thiên Sứ صلى الله عليه وسلم bước lên phía trước, mặt hướng về Qilah đưa hai tay lên cầu xin và trụ cột thứ hai cũng thế tiến về phía trước (rồi bước sang bên trái), đưa hai tay lên cầu xin. Còn trụ đá thứ ba sau khi ném xong là Người quay về không cầu xin gì cả.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

122- Lời nói khi thấy điều gì quá đỗi ngạc nhiên.

240-

{سُبْحَانَ اللَّهِ}

“Sub haa nol loh.”(273)

241-

{اللَّهُ أَكْبَرُ}

“Ol lo hum ak bar.”(274)

123- Hành động khi nhận được tin vui.

242- Ông Abu Bakrah رضي الله عنه kể: “Khi Nabi صلى الله عليه وسلم nhận được tin vui hoặc điều gì làm cho Người vui là Người liền cúi đầu phủ phục tạ ơn Allah, Đấng Ban Phát

(273) Ý nghĩa: { Vinh quan thay Allah. }

(274) Ý nghĩa: { Allah vĩ đại nhất. }

điều may mắn, Đáng Tội Cao.” Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Ibnu Majaah ghi.

124- Cầu xin khi có vết đau trên người.

243- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم dạy: “**Hãy đặt bàn tay lên chỗ bị thương (hay bị đau) rồi nói (ba lần câu):**

{بِسْمِ اللَّهِ}

“**Bis mil lah**” sau đó đọc (bảy lần câu):

{أَعُوذُ بِاللَّهِ وَقُدْرَتِهِ، مِنْ شَرِّ مَا أَجِدُ وَأَحَاطِرُ}

“**A u’ zu bil la hi wa qud ro ti hi, min shar ri maa a ji du, wa u haa zir.**” (275) Hadith do Muslim ghi.

125- Cầu xin khi lo ngại vấn đề gì đó làm hại.

244- Rasul صلی الله علیه وسلم dạy:

{إِذَا رَأَى أَحَدَكُمْ مِنْ أَخِيهِ، أَوْ مِنْ نَفْسِهِ، أَوْ مِنْ مَالِهِ، مَا يُعْجِبُهُ فَلْيَدْعُ لَهُ بِالْبَرَكَاتِ فَإِنَّ الْعَيْنَ حَقٌّ}

“**Khi các bạn thấy điều gì từ người Muslim khác hoặc từ ngoại hình hoặc từ tài sản làm cho mình ngạc nhiên thì hãy cầu xin sự hạnh phúc và may mắn cho người anh em đó. Quả thực, cái nhìn lúc đấy rất nguy hại.**” Hadith do Ibnu Majaah, Malik và Ahmad ghi.

(275) Ý nghĩa: {Bề tôi khẩn vái Allah và uy quyền của Ngài che chở tránh khỏi những điều làm bề tôi đau và những điều bề tôi cảnh giác đề phòng.}

Ông Abu Umamah bin Sahhal bin Hanif رضي الله عنه kể: “A’mir bin Robi-a’h nhìn thấy Sahhal bin Hanif tắm và nói: “Chưa ngày nào như ngày hôm nay và cũng chưa từng gặp ai có da đẹp như da trinh nữ như người đàn ông này.” Dứt lời làm cho ông Sahhal ngã xuống đất. Khi đó, Nabi صلى الله عليه وسلم đến có người thưa: Thiên Sứ có biết chuyện gì xảy ra cho Sahhal bin Hanif chưa? Thề bởi Allah chứng giám, anh ta bị nóng và không thể ngẩng đầu lên. Nabi صلى الله عليه وسلم nói:

{ اتَّهَمُوا لَهُ أَحَدًا ؟ }

“Chắc có ai đó nói gièm pha anh ta thì phải ?” Họ đáp: “A’mir bin Robi-a’h gièm pha anh ấy.” Rasul صلى الله عليه وسلم cho mời Amir trong sự tức giận và bảo:

{ عَلَامَ يَقْتُلُ أَحَدَكُمْ أَخَاهُ إِلَّا بَرَكْتَ؟ اغْتَسِلْ لَهُ }

“Tại sao các bạn lại giết hại người anh em của mình? Tại sao không cầu xin cho anh ta được phúc lành? Hãy tắm cho anh ta đi.” Ông A’mir vâng lời Rasul صلى الله عليه وسلم rửa mặt, hai bàn tay, hai khuỷu tay, hai đầu gối, hai bàn chân và hai đùi cho Sahhal, sau đó xối nước lên người ông thề là Sahhal trở lại bình thường.” Hadith do Maalik ghi.

126- Lời nói khi bị sợ hãi.

245-

{ لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ }

“Laa i laa ha il lol loh”

127- Lời cầu xin khi cắt cổ động vật.

246-

{بِسْمِ اللَّهِ وَاللَّهُ أَكْبَرُ، اللَّهُمَّ مِنْكَ وَلَكَ، اللَّهُمَّ تَقَبَّلْ مِنِّي}

“Bis mil lah, wol lo hu akbar, ol lo hum ma min ka wa lak, ol lo hum ma ta qob bal min ni.” (276) Hadith do Muslim ghi.

128- Lời tụng niệm chống lại Shayton và bè lũ của nó.

247-

{أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ، الَّتِي لَا يُجَاوِزُهُنَّ بَرٌّ وَلَا فَاجِرٌ مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ، وَبَرًّا وَذَرًّا، وَمِنْ شَرِّ مَا يَنْزِلُ مِنَ السَّمَاءِ، وَمِنْ شَرِّ مَا يَعْرُجُ فِيهَا، وَمِنْ شَرِّ مَا ذَرَأَ فِي الْأَرْضِ، وَمِنْ شَرِّ مَا يُخْرَجُ مِنْهَا، وَمِنْ شَرِّ فِتَنِ اللَّيْلِ وَالتَّهَارِ، وَمِنْ شَرِّ كُلِّ طَارِقٍ إِلَّا طَارِقًا يَطْرُقُ بِحَيْرِ يَا رَحْمَن}

“A u’ zu bi ka li maa til la hit taam maat, al la ti laa yu jaa wi zu hun na bar run, wa laa faa ji run min shar ri maa kho laq, wa ba ro a wa za ro a, wa min shar ri maa yan zi lu mi nas sa maa, wa min shar ri maa ya’ ru ju fi haa, wa min shar ri maa za ro a fil ar dhi, wa min shar ri maa yakh ru ju min haa, wa min shar ri fi ta nil lai li wan na haar, wa min shar ri kul li

(276) Ý nghĩa: {Nhân danh Allah, Đấng vĩ đại. Lạy Allah, (vật tế này) là do Ngài ban tặng và cũng là của Ngài. Lạy Allah, hãy chấp nhận (vật tế) của bè tôi.}

to ri qin il laa to ri qon yot ru qu bi khoi rin, yaa roh man.”⁽²⁷⁷⁾ Hadith do Ahmad và Ibnu Al-Sani ghi.

129- Lời cầu xin thứ tha và lời sám hối.

248- Rasul صلی الله علیه وسلم nói:

{وَاللَّهِ إِنِّي لَأَسْتَغْفِرُ اللَّهَ وَأَتُوبُ إِلَيْهِ فِي الْيَوْمِ أَكْثَرَ مِنْ سَبْعِينَ مَرَّةً}

“Ta thê có Allah chứng giám, rằng Ta cầu xin Allah tha thứ tội và quay về sám hối với Ngài nhiều hơn bảy mươi lần trong ngày.” Hadith do Al-Bukhari ghi.

249- Rasul صلی الله علیه وسلم nói:

{يَا أَيُّهَا النَّاسُ تَوَبُوا إِلَى اللَّهِ، فَإِنِّي أَتُوبُ فِي الْيَوْمِ إِلَيْهِ مِائَةَ مَرَّةٍ}

“Hỡi loài người, hãy quay về sám hối với Allah. Quả thực, Ta sám hối với Ngài một trăm lần trong ngày.” Hadith do Muslim ghi.

250- Thiên Sứ صلی الله علیه وسلم nói: “Ai nói:

{أَسْتَغْفِرُ اللَّهَ الْعَظِيمَ، الَّذِي لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ، الْحَيُّ الْقَيُّومُ وَأَتُوبُ إِلَيْهِ}

⁽²⁷⁷⁾ Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin những lời phán hoàn hảo của Allah mà không có điều tốt hay điều xấu nào vượt qua, tránh khỏi mọi điều xấu mà Ngài đã tạo, tránh mọi điều xấu được đưa xuống từ bầu trời và mọi điều bay lên trời, tránh khỏi mọi điều xấu có trên mặt đất và từ đất mọc lên, tránh mọi điều xấu làm cho mê muội vào ban ngày lẫn ban đêm và mọi điều xấu của những kẻ gõ cửa (vào ban đêm) ngoại trừ ai gõ cửa mang lại điều lành, lay Đấng Rất Mực Khoan Dung.}

“As tagh fi rul lo hal a’ z.i.m, al la zi laa i laa ha il laa hu, al hai yul qoi y.u.m, wa a tu bu i lai hi.”(278) thì sẽ được Allah xóa tội, kể cả khi y bỏ chạy trong Jihaad.” Hadith do Abu Dawood, Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi và được Sheikh Al-Albani xác thực là Soheeh.

251- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{أَقْرَبُ مَا يَكُونُ الرَّبُّ مِنَ الْعَبْدِ فِي جَوْفِ اللَّيْلِ الْآخِرِ فَإِنْ اسْتَطَعْتَ أَنْ تَكُونَ مِمَّنْ يَذْكُرُ اللَّهَ فِي تِلْكَ السَّاعَةِ، فَكُنْ}

“Thượng Đế sẽ gần với đám nô lệ của Ngài nhất là vào lúc gần sáng vì thế nếu có khả năng ca ngợi, tán dương Allah vào thời gian đó thì hãy thực hiện đi.” Hadith do Al-Tirmizhi, Al-Nasaa-i và Al-Hakim ghi.

252- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{أَقْرَبُ مَا يَكُونُ الْعَبْدُ مِنْ رَبِّهِ وَهُوَ سَاجِدٌ فَأَكْثِرُوا الدُّعَاءَ}

“Khoảng cách gần nhất giữa con người với Thượng Đế y là trong lúc y quỳ lạy. Vì thế, hãy cầu xin cho thật nhiều.” Hadith do Muslim ghi.

253- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói:

{إِنَّهُ لَيُعَانُ عَلَى قَلْبِي وَإِنِّي لَأَسْتَغْفِرُ اللَّهَ فِي الْيَوْمِ مِائَةَ مَرَّةٍ}

(278) Ý nghĩa: {Bề tôi cầu xin Allah tha tội, Ngài là Đấng Vĩ Đại mà không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Đấng Sống Mãi, Đấng Bất Diệt. Bề tôi quay về sám hối với Ngài.}

“Chính, (sự lo lắng cho cộng đồng) làm cho con tìm Ta quên lãng việc (tụng niệm Allah), và Ta quay về sám hối với Allah một trăm lần trong ngày.” Hadith do Muslim ghi.

Nabi صلی اللہ علیہ وسلم là Người được Allah thương yêu nhất, đã được tha cho tất cả tội lỗi, và đã hứa là ban thiên đàng cao nhất cho Người chẳng những thế Nabi صلی اللہ علیہ وسلم còn là Người đầu tiên được phục sinh, là Người đầu tiên được chấp nhận lời biện hộ, là Người đầu tiên bước vào thiên đàng .v.v. vậy mà Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم còn cầu xin Allah tha thứ tội và quay về sám hối hằng ngày từ bảy mươi lần đến một trăm lần, còn chúng ta thì sao? Chúng ta luôn làm điều phạm tội vậy mà chúng ta lại lơ là quên lãng đi việc cầu xin Allah tha tội và sám hối với Ngài...

130- Giá trị lời ca tụng tán dương.

254- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: **“Ai nói:**

{سُبْحَانَ اللَّهِ وَبِحَمْدِهِ}

“Sub haan nol lo hi wa bi ham dih.”(279) trong ngày một trăm lần thì tội lỗi được xóa sạch cho dù có nhiều như bọt biển.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

255- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: **“Ai nói mười lần câu:**

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ الْمُلْكُ، وَ لَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ}

(279) Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương.}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa la hul ham du, wa hu wa a’ la kul li shai in qo d.i.r”⁽²⁸⁰⁾ là giống như y đã phóng thích bốn nô lệ thuộc con cháu Isro-il.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

256- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Hai câu nói rất nhẹ nhàng khi nói nhưng lại rất nặng khi được cân và được Đấng Rất Mực Khoan Dung yêu thích:

{سُبْحَانَ اللَّهِ وَبِحَمْدِهِ}

“Sub haa nol lo hi wa bi ham dih.”⁽²⁸¹⁾

{سُبْحَانَ اللَّهِ الْعَظِيمِ}

“Sub haa nol lo hil a’ zim.”⁽²⁸²⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

257- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم nói: “Ta thích nói

{سُبْحَانَ اللَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، وَلَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَاللَّهُ أَكْبَرُ}

“Sub haa nol loh, wal ham du lil lah, wa laa i laa ha il lol loh, wol lo hu ak bar.”⁽²⁸³⁾ hơn là việc được mặt trời mọc.” Hadith do Muslim ghi.

⁽²⁸⁰⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, mọi quyền lực, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài và Ngài có khả năng trên tất cả mọi việc.}

⁽²⁸¹⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah và bằng lời ca ngợi Ngài mà ca tụng tán dương.}

⁽²⁸²⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, Ngài vĩ đại nhất}

258- Nabi صلى الله عليه وسلم hỏi Sohabah: “**Chẳng lẽ các bạn lười gom góp mỗi ngày một ngàn điều tốt hay sao?**” Mọi người hỏi: “*Làm thế nào được, thưa Rasul ?*” Người đáp: “**Hãy nói một trăm lần câu:**

{سُبْحَانَ اللَّهِ}

“Sub haa nol loh” thì y được viết (vào sổ) một ngàn điều tốt và được xóa đi một ngàn tội lỗi.” Hadith do Muslim ghi.

259- Nabi صلى الله عليه وسلم nói: “**Ai nói:**

{سُبْحَانَ اللَّهِ الْعَظِيمِ وَبِحَمْدِهِ}

“Sub haa nol lo hil a’ z.i.m, wa bi ham dih.”⁽²⁸⁴⁾ thì y được trồng cho một cây chà là ở thiên đàng.” Hadith do Al-Tirmizhi và Al-Hakim ghi.

260- Nabi صلى الله عليه وسلم gọi: “**Hỡi Abdullah bin Qais, anh có muốn Ta chỉ cho một trong những kho tàng trong thiên đàng không ?**” Abdullah trả lời: “*Vâng, tôi muốn*” Người nói: “**Hãy nói:**

{لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ}

“Laa haw la wa laa qu wa ta il laa bil lah.”⁽²⁸⁵⁾ Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

⁽²⁸³⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Allah, xin tạ ơn Allah, không có Thượng Đế đích thực nào ngoại trừ Allah, và Allah vĩ đại nhất. }

⁽²⁸⁴⁾ Ý nghĩa: { Vinh quang thay Allah, Đấng vĩ đại và bằng lời ca ngợi Ngài mà tụng niệm tán dương. }

261- Nabi صلی اللہ علیہ وسلم nói: “CÓ bốn câu nói Allah rất thích

{سُبْحَانَ اللَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، وَلَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَاللَّهُ أَكْبَرُ}

“Sub haa nol loh, wal ham du lil lah, wa laa i laa ha il lol loh, wol lo hu ak bar.”⁽²⁸⁶⁾ không có vấn đề gì nếu các bạn thay đổi vị trí.” Hadith do Muslim ghi.

262- Một người Ả-rập du mục đến gặp Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم và nói: “Hãy dạy tôi lời nói để tôi nói nó.” Người đáp: “Ông hãy nói:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، اللَّهُ أَكْبَرُ كَبِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ كَثِيرًا، سُبْحَانَ اللَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ، لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ الْعَزِيزِ الْحَكِيمِ}

“Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka lah, ol lo hu ak bar ka bi ro, wal ham du lil lah ka thi ro, sub haa nol lo hi rab bil a’ la m.i.n, laa haw la wa laa qu wa ta il laa bil la hil a’ zi zil ha k.i.m.”⁽²⁸⁷⁾ Người

⁽²⁸⁵⁾ Ý nghĩa: {Không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn.}

⁽²⁸⁶⁾ Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, xin tạ ơn Allah, không có Thượng Đế đích thực nào ngoại trừ Allah, và Allah vĩ đại nhất.}

⁽²⁸⁷⁾ Ý nghĩa: {Không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah duy nhất không có cộng tác với Ngài, Allah vĩ đại nhất, mọi lời ca ngợi, tán dương đều kính dâng Ngài; vinh quang thay Allah Đấng Chúa Tể của vũ trụ; không có sự chuyển

Arập du mục nói: “*Những lời tán dương, ca ngợi đó là của Thượng Đế. Vậy còn của tôi đâu ?*” Nabi صلی اللہ علیہ وسلم đáp: “**Ông hãy nói:**

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَارْحَمْنِي، وَاهْدِنِي، وَارْزُقْنِي}

“**Ol lo hum magh fir li, war ham ni, wah di ni, war zuq ni.**”⁽²⁸⁸⁾ Hadith do Muslim ghi.

263- Ông Toriq bin Ashyam Al-Ashja-y رضي الله عنه kể:

“*Khi có người vào Islam thì Nabi صلی اللہ علیہ وسلم dạy y cách Salah, sau đó ra lệnh cho y cầu xin Allah bằng những câu sau:*

{اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَارْحَمْنِي، وَاهْدِنِي، وَاجْبُرْنِي، وَعَافِنِي
وَارْزُقْنِي، وَارْفَعْنِي}

“**Ol lo hum magh fir li, war ham ni, wah di ni, waj bur ni, wa ã’ fi ni, war zuq ni, war fa’ ni.**”⁽²⁸⁹⁾ Hadith do Muslim ghi.

264- Thiên Sứ صلی اللہ علیہ وسلم nói: “**Lời cầu xin tốt đẹp nhất là:**

động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah, Đấng Hùng Mạnh, Đấng Sáng Suốt muốn chuyển động.”

⁽²⁸⁸⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin Ngài hãy dung thứ tội, hãy thương yêu, hãy dẫn dắt và hãy ban bổng lộc cho bề tôi.}

⁽²⁸⁹⁾ Ý nghĩa: {Lạy Allah, xin hãy dung thứ, khoan dung độ lượng và dẫn dắt bề tôi. Cầu xin Ngài ban cho bề tôi phú quý, sự lành mạnh, bổng lộc và nâng cao địa vị của bề tôi (ở trần gian và ngày sau).}

{الْحَمْدُ لِلَّهِ}

“Al ham du lil lah” và lời tán dương tốt đẹp nhất là:

{لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ}

“Laa i laa ha il lol loh.” Hadith do Al-Tirmizhi, Ibnu Majaah và Al-Hakim ghi.

265- Nabi صلی الله علیه وسلم nói: “Lời ca ngợi, tán dương tòn tại mãi, đó là:

{سُبْحَانَ اللَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، وَلَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ، وَاللَّهُ أَكْبَرُ، وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا بِاللَّهِ}

“Sub haa nol loh, wal ham du lil lah, wa laa i laa ha il lol loh, wol lo hu ak bar, wa laa haw la wa laa qu wa ta il laa bil lah.”(290) Hadith do Ahmad ghi.

131- Nabi صلی الله علیه وسلم tụng niệm như thế nào ?

266- Ông Abdullah bin Amr رضی الله عنه kể: “Tôi nhìn thấy Nabi صلی الله علیه وسلم tán dương và đếm bằng tay phải.” Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

Qua Hadith trên Nabi صلی الله علیه وسلم chưa từng sử dụng hạt chuỗi khi tụng niệm mà chỉ sử dụng các ngón tay, bởi có Hadith Nabi صلی الله علیه وسلم nói:

(290) Ý nghĩa: {Vinh quang thay Allah, xin tạ ơn Allah, không có Thượng Đế đích thực nào ngoại trừ Allah, và Allah vĩ đại nhất, và không có sự chuyển động nào chuyển động và cũng không có quyền lực nào phát huy ngoại trừ Allah muốn.}

{فَإِنَّهِنَّ مَسْئُولَاتٌ مُسْتَنْطَقَاتٌ}

“(Vào ngày sau), những ngón tay sẽ là nhân chứng cho ai tụng niệm, tán dương bằng nó.” Hadith do Abu Dawood và Al-Tirmizhi ghi.

132- Những điều có lợi và hữu ích.

267- Rasul صلی اللہ علیہ وسلم dạy:

{إِذَا كَانَ جُنْحُ اللَّيْلِ أَوْ أَمْسَيْتُمْ فَكُفُّوا صَبْيَانَكُمْ فَإِنَّ الشَّيَاطِينَ تَنْتَشِرُ حِينَئِذٍ، فَإِذَا ذَهَبَ سَاعَةٌ مِنَ اللَّيْلِ فَحُلُّوهُمْ، فَأَغْلِقُوا الْأَبْوَابَ وَادْكُرُوا اسْمَ اللَّهِ، فَإِنَّ الشَّيْطَانَ لَا يَفْتَحُ بَابًا مُغْلَقًا، وَأَوْكُوا قِرْبَكُمْ وَادْكُرُوا اسْمَ اللَّهِ، وَحَمِّرُوا آيَتَكُمْ وَادْكُرُوا اسْمَ اللَّهِ، وَلَوْ أَنْ تَعْرُضُوا عَلَيْهَا شَيْئًا، وَأَظْفِقُوا مَصَابِيحَكُمْ}

“Khi màn đêm phủ xuống, hãy giữ trẻ em trong nhà vì khi ấy Shayton xuất hiện rất nhiều. Sau khi mặt trời lặn được một giờ thả chúng lại tự do, kế tiếp hãy đóng các cửa lại và đọc Bismillah vì Shayton không thể mở được cửa khi đã đóng (được đọc tên Allah). Buộc những túi nước của các bạn lại và đọc Bismillah. Hãy đập tất cả vật dụng lại (như: lu, ly, đĩa, chén, nôi, xoang .v.v. nếu không có gì đập thì) hãy gác chiếc đĩa ngang và đọc Bismillah sau đó tắt đèn.” Hadith do Al-Bukhari và Muslim ghi.

Mục Lục

STT	Chủ đề	Trang
*	Lời mở đầu	1
*	Những vấn đề liên quan đến tụng niệm và cầu xin	6
I	Sự hữu ích của lời tụng niệm	6
II	Cung cách tụng niệm và cầu xin	14
III	Những thời điểm lời cầu xin được chấp nhận	23
1	Một phần ba cuối cùng của đêm	23
2	Lúc quỳ lạy	24
3	Có một giờ trong ngày thứ sáu	25
4	Sau những lần Salah bắt buộc	26
5	Khoảng giữa Azan và Iqomah	26
6	Khi chạm trán với kẻ thù	26
7	Laylah Al-Qodr (Đêm định mệnh)	27
8	Lời cầu xin của vị lãnh tụ lâm chính, người nhịn chay đến khi xả chay và người bị đối xử bất công bằng	27
9	Cầu xin cho người Muslim khác	28
IV	Lời cầu xin được đáp lại ra sao ?	29
V	Khi nào lời cầu xin không được đáp lại?	29

VI	Những điều cấm trong lời cầu xin	31
1	Cấm hối thúc hành phạt ở trần gian	31
2	Cấm vượt quá mức trong cầu xin	31
3	Cấm cầu xin điều tội lỗi và đoạn tuyệt quan hệ dòng tộc	33
4	Cấm cầu xin điều hại bản thân, con cái, đây tớ và tài sản	33
5	Cấm ao ước để được chết	34
VII	Khuyến khích cầu xin	35
*	Sự ưu đãi của lời tụng niệm	37
	Dưới đây là các lời tụng niệm đúng theo Sunnah của Nabi Muhammad ﷺ :	
1	Lời tụng niệm sau khi thức dậy	42
2	Lời cầu xin khi mặc trang phục	46
3	Lời cầu xin khi mặc áo mới	47
4	Lời cầu xin cho người khác khi y mặc được áo mới	47
5	Nói khi treo (móc) áo	48
6	Lời cầu xin khi vào nhà vệ sinh	48
7	Lời cầu xin khi ra nhà vệ sinh	49
8	Lời tụng niệm khi lấy Wudu	49
9	Lời tụng niệm sau khi lấy nước Wudu	49
10	Lời tụng niệm khi ra khỏi nhà	50

11	Lời tụng niệm khi vào nhà	51
12	Lời cầu xin khi đi Masjid	52
13	Lời cầu xin khi vào Masjid	54
14	Lời cầu xin khi ra Masjid	54
15	Lời tụng niệm khi nghe Azan	55
	* Lời tụng niệm sau Azan	56
16	Lời cầu xin Is-tif-tah	57
17	Lời cầu xin khi Rukua'	64
18	Lời cầu xin đứng trở lại sau Rukua'	66
19	Lời cầu xin lúc quỳ lạy	67
20	Lời cầu xin khi ngồi giữa hai lần quỳ lạy	70
21	Lời cầu xin lúc quỳ lạy khi đọc Qur'an	71
22	Lời Al-Ta-shah-hud	72
23	Lời Solawat cho Nabi <small>صلی اللہ علیہ وسلم</small> sau Al-Ta-Shah-hud	72
24	Lời cầu xin trước khi cho Salam trong lễ Salah	74
25	Những lời tụng niệm sau những lần Salah bắt buộc	81
26	Lời cầu xin trong Salah Is-ti-kho-roh	87
27	Lời tụng niệm vào mỗi sáng và mỗi chiều	89
28	Lời tụng niệm khi ngủ	105
29	Lời cầu khi màn đêm đến	

30	Lời cầu xin khi giật mình thức giấc nửa đêm hoặc ai gặp phải sợ hãi	113
31	Làm những việc sau khi thấy ác mộng	114
32	Lời cầu xin Qunut trong lễ Salah Al-Witir	115
33	Lời tụng niệm sau Salam của lễ Salah Al-Witir	117
34	Lời cầu xin khi gặp chuyện lo lắng và buồn rầu	118
35	Lời cầu xin khi gặp hoạn nạn	120
36	Lời cầu xin khi đối diện với kẻ thù có thể lực	121
37	Lời cầu xin khi sợ kẻ có thể lực đàn áp	122
38	Lời cầu xin hại kẻ thù	124
39	Lời cầu xin khi khiếp sợ nhóm nào đó	125
40	Làm những điều sau khi tự nghi ngờ về đức tin	125
41	Lời cầu xin giúp trả nợ	126
42	Lời cầu xin khi bị quấy nhiễu trong lúc dâng lễ Salah và đọc Qur'an	127
43	Lời cầu xin khi gặp vấn đề khó khăn	127
44	Làm những điều sau khi phạm phải tội lỗi	128
45	Lời cầu xin chống lại Shayton và sự cám dỗ của nó	128
46	Lời cầu xin khi gặp phải điều không thích hoặc thất bại	128
47	Lời chúc mừng cho người mới có em bé và lời đáp lại	129

48	Lời cầu xin che chở cho trẻ	130
49	Lời cầu xin cho người bệnh trong lúc chữa trị	130
50	Giá trị việc viếng thăm người bệnh	131
51	Lời cầu xin dành cho người bệnh khi không còn hy vọng sống	131
52	Lời nhắc nhở người hấp hối	133
53	Lời cầu xin khi bị tai nạn về thể xác hoặc tiền tài	133
54	Lời cầu xin cho người vừa qua đời	134
55	Lời cầu xin cho người chết trong lễ Salah	135
56	Lời cầu xin cho người chết là trẻ em trong lễ Salah	138
57	Lời chia buồn cho thân nhân người chết	139
58	Lời cầu xin khi đưa người chết vào mộ	140
59	Lời cầu xin sau khi chôn	140
60	Lời cầu xin khi thăm viếng mộ	141
61	Lời cầu xin khi có gió	141
62	Lời cầu xin khi có sấm sét	142
63	Lời cầu xin mưa	143
64	Lời cầu xin khi có mưa	144
65	Lời cầu xin khi tạnh mưa	144
66	Lời cầu xin có mưa to, giông bão	145

67	Lời cầu xin khi thấy lưỡi liềm	145
68	Lời cầu xin trước khi xả chay	146
69	Lời cầu xin trước khi ăn	146
70	Lời tạ ơn sau khi ăn	148
71	Lời cầu xin của khách dành cho chủ thức ăn	149
72	Lời cầu xin khi được ai mời ăn hoặc mời uống	149
73	Lời cầu xin cho người khác khi được mời xả chay	150
74	Khi mời người nhịn chay dự tiệc	150
75	Khi người nhịn chay bị chửi	150
76	Lời cầu xin khi được quả đầu mùa	151
77	Lời cầu xin khi nhảy mũi	152
78	Khi nghe người Kafir nhảy mũi và y nói: {الْحَمْدُ لِلَّهِ} hãy đáp lại	153
79	Lời chúc mừng cho người cưới vợ	153
80	Lời cầu xin khi cưới vợ hoặc mua súc vật	153
81	Lời cầu xin trước khi ân ái	154
82	Lời cầu xin khi nóng giận	154
83	Lời cầu xin khi sự thử thách (hoặc tai nạn) xảy ra đối với người khác	155
84	Nabi <small>صلی اللہ علیہ وسلم</small> thường nói gì khi ngồi ?	155

85	Lời cầu xin xóa tội trước khi đứng dậy	155
86	Đáp lại khi được người khác cầu xin cho: { عَفَرَ اللَّهُ لَكَ }	156
87	Lời cảm ơn ai đã giúp đỡ	156
88	Làm những điều dưới đây được Allah bảo vệ tránh khỏi Dajjaal	157
89	Đáp lại khi được người khác nói: { إِنِّي أُحِبُّكَ فِي اللَّهِ }	158
90	Lời cầu xin cho người khác cho bạn tài sản	159
91	Lời cầu xin khi trả nợ cho người khác	159
92	Lời cầu xin khi sợ phải Riya (phô trương)	159
93	Đáp lại khi được người khác nói: { بَارَكَ اللَّهُ فِيكَ }	160
94	Lời cầu xin tránh điềm xấu	160
95	Lời cầu xin khi lên tàu, xe, máy bay hoặc cưỡi ngựa, lạc đà	161
96	Lời cầu xin khi bắt đầu chuyến đi	161
97	Lời cầu xin khi vào thành phố hoặc xóm làng	163
98	Lời cầu xin khi vào chợ	164
99	Lời cầu xin khi vật cuổi mệt (hoặc xe hư)	165
100	Lời chia tay của người đi dành cho người ở	165

101	Lời chia tay của người ở lại dành cho người ra đi	165
102	Ca tụng, tán dương khi đi bộ	166
103	Lời cầu xin dành lúc đi trong đêm gần sáng	166
104	Lời cầu xin khi dừng chân nơi lạ	167
105	Lời cầu xin khi quay trở về từ chuyến đi	167
106	Lời nói khi nhận được tin vui hoặc tin buồn	168
107	Giá trị việc Solawat cho Nabi <small>صلی اللہ علیہ وسلم</small>	169
108	Lan truyền lời chào Salam	171
109	Cách trả lời khi được người Kafir chào Salam	172
110	Lời cầu xin khi nghe gà gáy và nghe tiếng kêu của lừa	172
111	Lời cầu xin khi nghe tiếng chó sủa ban đêm	173
112	Lời cầu xin cho người bị bạn chửi	173
113	Khi người Muslim khen ngợi người Muslim khác	174
114	Lời cầu xin khi được khen ngợi	174
115	Lời nói sau khi mặc Ehrom làm U'mrah hoặc hành hương Hajj	175
116	Nói Allahu Akbar khi đến đá đen	175
117	Lời cầu xin khi đi Tawwaf giữa hai cột Al-Yamani và đá đen	175

118	Lời tụng niệm đứng trên núi Sofa và núi Marwah	176
119	Lời cầu xin vào ngày A'rofah	177
120	Lời tụng niệm ở Al-Mash-a'rul Harom ở Muzdalifah)	178
121	Lời tụng niệm khi ném đá vào các trụ	178
122	Lời nói khi thấy điều gì quá đổi ngạc nhiên	179
123	Hành động khi nhận được tin vui	179
124	Cầu xin khi có vết đau trên người	179
125	Cầu xin khi lo ngại vấn đề gì đó làm hại	180
126	Lời nói khi bị sợ hãi	181
127	Lời nói khi cắt cỏ động vật	181
128	Lời tụng niệm chống lại Shayton và bè lũ của nó	182
129	Lời cầu xin thứ tha và lời sám hối	183
130	Giá trị lời ca tụng tán dương	185
131	Nabi <small>صلی اللہ علیہ وسلم</small> tụng niệm như thế nào ?	190
132	Những điều có lợi và hữu ích	191

